

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ THU THỦY

**CÁC THỂ CHẾ CỦA LIÊN HỢP QUỐC
VÀ VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
CỦA VIỆT NAM TRÊN BIỂN ĐÔNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2014

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ THU THỦY

**CÁC THỂ CHẾ CỦA LIÊN HỢP QUỐC
VÀ VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
CỦA VIỆT NAM TRÊN BIỂN ĐÔNG**

Chuyên ngành : Luật Quốc tế

Mã số : 60 38 60

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS NGUYỄN BÁ DIỄN

Hà Nội - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án có nguồn gốc rõ ràng, kết quả luận án là trung thực và chưa được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 - CƠ SỞ THỰC TIỄN VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THÔNG QUA CÁC THỂ CHẾ CỦA LIÊN HỢP QUỐC	6
1.1. Cơ sở thực tiễn	6
1.1.1. Sự ra đời của LHQ	7
1.1.2. Những thành công và hạn chế của Liên hợp quốc trong thực hiện vai trò giữ gìn hòa bình, an ninh thế giới và phát triển.....	9
1.1.2.1. Những thành công của Liên hợp quốc trong thực hiện vai trò giữ gìn hòa bình, an ninh thế giới và phát triển	9
1.1.2.2. Những hạn chế của Liên hợp quốc trong thực hiện vai trò giữ gìn hòa bình, an ninh thế giới và phát triển	11
1.2. Cơ sở pháp lý	13
1.2.1. Hiến chương Liên hợp quốc.....	13
1.2.2. Các quy định của Quy chế Tòa án công lý quốc tế về giải quyết tranh chấp	15
1.3. Các thể chế của Liên hợp quốc và việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên biển Đông	18
1.3.1. LHQ với vai trò quốc tế hóa tranh chấp Biển Đông	18
1.3.2. Cách thức sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp của LHQ.....	20

CHƯƠNG 2 - CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THÔNG QUA CÁC THỂ CHẾ CỦA LIÊN HỢP QUỐC..... 22

2.1. Đại hội đồng.....	22
2.1.1. Chức năng, nhiệm vụ, thủ tục hoạt động của Đại hội đồng.....	22
2.1.1.1. Chức năng, nhiệm vụ của Đại hội đồng.....	22
2.1.1.2. Các khóa họp của ĐHĐ	24
2.1.1.3. Thủ tục bỏ phiếu	25
2.1.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của ĐHĐ.....	26
2.1.2.1. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp.....	26
2.1.2.2. Cách thức giải quyết tranh chấp của ĐHĐ	26
2.1.3. Giá trị pháp lý và thực tiễn của các văn bản của ĐHĐ.....	27
2.1.3.1. Quyết định.....	27
2.1.3.2. Khuyến nghị.....	28
2.1.3.3. Tuyên bố.....	28
2.2. Hội đồng bảo an.....	30
2.2.1. Chức năng, nhiệm vụ, thủ tục hoạt động của HĐBA	30
2.2.1.1. Chức năng, nhiệm vụ của HĐBA	30
2.2.1.2. Các phiên họp.....	33
2.2.1.3.Thủ tục bỏ phiếu	36
2.2.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của HĐBA.....	47
2.2.2.1. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của HĐBA.....	47
2.2.2.2. Biện pháp giải quyết tranh chấp của HĐBA.....	48
2.2.3. Giá trị pháp lý và thực tiễn của các văn bản của Hội đồng bảo an.....	50
2.3. Tòa án Công lý quốc tế	51
2.3.1. Quyền giải quyết các tranh chấp quốc tế	51

2.3.1.1. Xác định thẩm quyền của Tòa theo từng vụ việc (Thỏa thuận thỉnh cầu/Special agreement)	52
2.3.1.2. Chấp nhận trước thẩm quyền của Tòa trong các điều ước quốc tế (Jurisdictional clause).....	53
2.3.1.3. Tuyên bố đơn phương chấp nhận trước thẩm quyền của Tòa theo khoản 2 Điều 36 Quy chế TAQT (Declarations/ optional clause)	55
2.3.2. Quyền đưa ra kiến tư vấn của Tòa án quốc tế.....	57
2.3.2.1. Chủ thể có thẩm quyền yêu cầu tư vấn	57
2.3.2.2. Thủ tục xem xét đưa ra kết luận tư vấn.....	58
2.3.3. Kết quả thực tiễn hoạt động của TAQT	60
2.4. Tổng thư ký Liên hợp quốc.....	61
2.5. Các quy định về thế đối trọng giữa các thể chế của LHQ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp	63
2.5.1. Mối quan hệ trong giải quyết tranh chấp giữa HĐBA, ĐHĐ và TAQT	63
2.5.2. Thế đối trọng giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Liên hợp quốc	64

CHƯƠNG 3 - CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CHO VIỆT NAM TRONG VIỆC ÁP DỤNG CÁC THỂ CHẾ CỦA LIÊN HỢP QUỐC ĐỂ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ TRÊN BIỂN ĐÔNG..... 69

3.1. Tình hình tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trên Biển Đông.....	69
3.1.1. Tài nguyên thiên nhiên và vị trí địa chính trị chiến lược của Biển Đông.....	69
3.1.2. Tình trạng tranh chấp trong Biển Đông	70
3.1.1. Tình hình giải quyết tranh chấp	74

3.1.2. Tăng cường chiếm đóng thực tế trên Biển Đông.....	77
3.2. Đại hội đồng.....	79
3.2.1. Đại hội đồng yêu cầu Toà án quốc tế tư vấn về vấn đề tranh chấp trên Biển Đông.....	79
3.2.2. Những thách thức với Việt Nam từ thực tiễn thực hiện chức năng đưa ra các kết luận tư vấn của TAQT.....	84
3.3. Hội đồng bảo an.....	85
3.4. Hậu quả pháp lý của một thỏa hiệp tài phán giữa Việt Nam và một (các) quốc gia khác trong tranh chấp tại Tòa án Công lý quốc tế.....	87
KẾT LUẬN.....	93
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	95

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nguyên văn tiếng Việt
LHQ	Liên Hợp Quốc
ĐHĐ	Đại hội đồng
HĐBA	Hội đồng bảo an
TAQT	Toà án công lý quốc tế
PTAQT	Pháp viện thường trực quốc tế
TTK LHQ	Tổng thư ký Liên hợp quốc
HCLHQ	Hiến chương Liên hợp quốc

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ

- Bản đồ 1.1** Bản đồ Biển Đông được Trung Quốc gửi kèm trong công hàm cho LHQ
- Bảng 2.1** Các vụ việc mà kết quả bỏ phiếu của HĐBA chỉ ra đặc điểm thủ tục của vấn đề
- Bảng 2.2** Các vụ việc mà kết quả bỏ phiếu của HĐBA chỉ ra đặc điểm không thủ tục của vấn đề
- Bảng 2.3** Một số vụ việc ủy viên thường trực HĐBA bỏ phiếu trắng phù hợp với khoản 3 Điều 27 HCLHQ
- Bảng 2.4** Khái quát về việc bỏ phiếu trắng theo khoản 3, Điều 27 HCLHQ
- Bảng 2.5** Những vụ việc được đưa ra trước toàn bằng thỏa thuận thỉnh cầu (một thỏa hiệp tài phán)
- Bảng 2.6** Danh sách 66 quốc gia chấp nhận thẩm quyền bắt buộc của TAQT (có hoặc không có bảo lưu)
- Bảng 3.1** Danh sách vụ việc ĐHĐ yêu cầu TAQT tư vấn
- Bảng 3.2** Các vụ việc tại TAQT xuất hiện nước thứ 3 có lợi ích mang tính pháp lý yêu cầu can dự

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong suốt mấy chục thập kỷ kể từ khi LHQ ra đời, hoạt động của tổ chức này đã tác động sâu sắc đến cuộc sống của hàng triệu con người. Chiến tranh có thời được coi là công cụ bình thường trong nghệ thuật lãnh đạo đất nước, thì bây giờ đã bị cấm hoàn toàn, trừ một vài trường hợp cá biệt. Dân chủ từng bị thách thức bởi chủ nghĩa chuyên quyền độc đoán dưới nhiều chiêu bài khác nhau, thì bây giờ không chỉ thắng trận trên phần lớn thế giới mà còn dần được nhìn nhận như một hình thức chính phủ hợp pháp và được trân trọng nhất.

LHQ hiện là tổ chức chính trị quốc tế lớn nhất thế giới. Các thể chế của LHQ đã đóng góp một vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển các quy định toàn cầu, trong đó việc giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế là mục đích hàng đầu được ghi nhận ngay từ lời nói đầu của HCLHQ. Theo đó, “Chúng tôi, nhân dân các nước liên hợp lại, quyết tâm: phòng ngừa cho những thế hệ mai sau khỏi thảm họa của chiến tranh đã hai lần trong khoảng thời gian một đời người gây cho nhân loại những đau thương không kể xiết... Biểu thị sự khoan nhượng cùng nhau sống hòa bình trên tinh thần láng giềng thân thiện, cùng nhau góp sức để duy trì hòa bình và an ninh quốc tế”.

Sau khi trở thành thành viên LHQ năm 1977, Việt Nam gia đóng góp tích cực, có trách nhiệm và đạt được thành công lớn khi được bầu vào vị trí ủy viên không thường trực của HĐBA nhiệm kỳ 2008-2009. Sự kiện này đánh dấu hơn 3 thập kỷ quan hệ Việt Nam - LHQ, thành tựu của việc thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế. Năm 2013, Việt Nam tuyên bố sẵn sàng tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của LHQ. Việc Việt Nam tham gia tích cực và hiệu quả tại LHQ là cơ hội để Việt Nam có thể nhận được sự ủng hộ của các nước tại các diễn đàn và các cơ

quan của LHQ nhằm nâng cao vị thế quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia của Việt Nam.

Tháng 5/2009, biển và đại dương trên thế giới như nóng hơn lên sau sự kiện các quốc gia trước ngày 13/5/2009 phải đệ trình hồ sơ tuyên bố quyền sử dụng và khai thác biển lên Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa (Commission on the Limits of the Continental Shelf - CLCS) của LHQ. Đã có cả thảy 48 quốc gia trên toàn thế giới đưa ra tuyên bố toàn bộ của mình và hơn 10 nước khác thì nộp tuyên bố sơ bộ.

Phó Chủ tịch Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa (Commission on the Limits of the Continental Shelf - CLCS) của LHQ, ông Harald Brekke nói với hãng Reuters:

" Đây là một sự biến đổi mạnh , mà sau đó thì đường ranh giới trên biển được định rõ....(đây sẽ là) sự sửa đổi chung cuộc lớn lao đối với bản đồ thế giới... Chúng tôi đang thấy nhiều báo cáo nộp lên chồng chéo nhau (về vùng biển)".

Không còn gì phải hoài nghi về tầm quan trọng chiến lược của biển và đại dương trong tương lai của nhân loại. Thế giới đã chứng kiến rất nhiều cuộc chiến tranh về lãnh thổ trên đất liền và giờ đây là những tích tụ tranh chấp trên biển. Hàng loạt hồ sơ của các nước châu Âu và châu Á đang đặt ra câu hỏi các tranh chấp sẽ được giải quyết ra sao vào thời điểm công nghệ khai thác nguồn lợi tài nguyên đáy biển ngày càng tốt hơn. Việt Nam phải làm gì trong xu thế vũ bão tiến ra biển và làm chủ biển, đặc biệt là bảo vệ thành công chủ quyền của mình trên hai quần đảo vì chủ quyền quốc gia trên biển không chỉ là vấn đề của hiện tại mà còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của đất nước của các thế hệ mai sau.

Lịch sử hoạt động của LHQ, những cơ chế hoạt động thành văn và bất thành văn của tổ chức này chứng tỏ rằng LHQ là tổ chức chính trị quốc tế lớn

nhất hành tinh, đã có nhiều đóng góp lớn lao trong việc gìn giữ hòa bình và an ninh thế giới, trong đó có việc giải quyết các tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ, cả đất liền và trên biển. Cơ chế giải quyết tranh chấp của các thể chế LHQ là những cơ hội và thách thức mà Việt Nam có thể nắm bắt, sử dụng hiệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình trên Biển Đông.

Xuất phát từ những nhận thức như trên, học viên đã chọn vấn đề “Các thể chế của LHQ và vấn đề giải quyết tranh chấp của Việt Nam trên Biển Đông” làm đề tài luận văn thạc sỹ. Việc nghiên cứu nhằm minh định rõ cơ chế và thực tiễn hoạt động của các thể chế LHQ trong việc giải quyết tranh chấp, xác định xem liệu Việt Nam có thể áp dụng, hay có cơ hội như thế nào trong việc giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh thổ của mình trên Biển Đông thông qua các thể chế của LHQ.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục tiêu nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu về vị trí, vai trò, thủ tục hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp của LHQ, bao gồm: ĐHĐ, HĐBA, TAQT, TTK LHQ, mối quan hệ của các cơ quan này trong việc thực hiện thẩm quyền của mình và thực tiễn hoạt động giải quyết tranh chấp quốc tế thông qua các thiết chế LHQ. Mục tiêu của luận văn nhằm (1) tìm hiểu rõ các cơ chế giải quyết tranh chấp tại các thể chế LHQ; (2) phục vụ cho việc Việt Nam vận dụng cơ chế giải quyết tranh chấp tại các thể chế của LHQ trong việc giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trên Biển Đông.

- Nhiệm vụ nghiên cứu

Phân tích những thuận lợi, bất cập trong các quy định của HCLHQ về vị trí, vai trò, thủ tục hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp của LHQ và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động của các thiết chế có ảnh hưởng đến việc giải quyết các tranh chấp quốc tế.

Nghiên cứu cách thức hoạt động của các thể chế có thẩm quyền giải quyết tranh chấp của LHQ dưới các góc độ. Thứ nhất, nhằm khai thác những cơ hội và thách thức trong việc giải quyết tranh chấp thông qua các thể chế của LHQ, qua đó tìm hiểu khả năng phát huy vai trò của các thể chế này đến đâu. Thứ hai, tìm hiểu cách thức Việt Nam có thể tiếp cận việc sử dụng các thể chế của LHQ trong việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền trên Biển Đông.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của luận văn là các thể chế có thẩm quyền giải quyết tranh chấp của LHQ, trong đó tập trung vào các quy định của Hiến chương, Quy chế TAQT, Thủ tục hoạt động và thực tiễn hoạt động của các cơ quan này.

- Phạm vi nghiên cứu

Có nhiều yếu tố có thể tác động đến vai trò, chức năng, hoạt động của các thể chế của LHQ trong quá trình xem xét, giải quyết một vụ việc cụ thể. Tuy nhiên, mục tiêu của luận văn không mở rộng phạm vi nghiên cứu về tất cả các chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan thuộc LHQ mà chỉ tiếp cận vấn đề giải quyết các tranh chấp quốc tế trên nền tảng nghiên cứu về chức năng, vai trò, quyền hạn trong việc giải quyết tranh chấp ở ĐHĐ, HĐBA, TAQT theo quy định của HCLHQ, các văn bản có liên quan và thực tiễn hoạt động. Về mặt thời gian, luận văn nghiên cứu về các thể chế của LHQ từ khi LHQ được thành lập đến nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu luật quốc tế kết hợp với các phương pháp nghiên cứu liên ngành. Việc nghiên cứu theo phương pháp lịch sử mang lại một bối cảnh toàn diện về thực tiễn hoạt động của các cơ quan thuộc LHQ qua các thời kỳ. Phương pháp nghiên cứu hệ thống được sử dụng nhằm đưa ra một cái nhìn tổng thể về việc giải quyết các tranh chấp quốc tế

tại ĐHD, HĐBA, TAQT và mối quan hệ tổng thể, liên hệ qua lại, tương tác và chi phối trong thực hiện chức năng này tại các cơ quan. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn mang lại cho luận văn hình ảnh chân thực về hoạt động của LHQ, của các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong suốt quá trình từ khi thành lập đến nay. Trong từng phần nghiên cứu, học viên kết hợp sử dụng linh hoạt các phương pháp: kết hợp lý luận với thực tiễn, thu thập tài liệu, phân tích và so sánh, quy nạp, diễn giải, suy luận và dự báo.

5. Kết cấu của luận văn

Để đạt được mục tiêu nêu trên, luận văn gồm ba chương, với những nội dung chính như sau:

Chương 1: “Cơ sở thực tiễn và cơ sở pháp lý về giải quyết tranh chấp quốc tế thông qua các thể chế của Liên hợp quốc”. Chương 1 cung cấp một bức tranh cụ thể về lịch sử hình thành LHQ và các quy định của HCLHHQ, Quy chế TAQT liên quan đến việc giải quyết tranh chấp, phân tích những thành công và hạn chế của LHQ trong việc gìn giữ hòa bình và an ninh quốc tế.

Chương 2: “Cơ chế giải quyết tranh chấp thông qua các thể chế của Liên hợp quốc”. Chương 2 nghiên cứu về quyền hạn, vai trò của các thiết chế LHQ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp bao gồm: ĐHD, HĐBA, TAQT, đặc biệt là thủ tục hoạt động của từng cơ quan trong quá trình xem xét, giải quyết các tranh chấp quốc tế. Thực tiễn hoạt động tại các cơ quan này, nhất là quá trình thông qua quyết định đối với các vụ việc tranh chấp được tìm hiểu, phân tích cụ thể để làm cơ sở cho những đề xuất, kiến nghị ở Chương 3.

Chương 3: “Các thể chế của LHQ trong việc giải quyết tranh chấp lãnh thổ của Việt Nam trên Biển Đông”. Dựa trên kết quả nghiên cứu ở Chương 1 và 2, Chương 3 xem xét các cơ hội và thách thức trong việc áp dụng các thể chế của LHQ trong việc giải quyết tranh chấp của Việt Nam.

CHƯƠNG 1 - CƠ SỞ THỰC TIỄN VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THÔNG QUA CÁC THỂ CHẾ CỦA LIÊN HỢP QUỐC

Theo các quy định của TAQT, một tranh chấp pháp lý là “sự bất đồng trên một quan điểm của luật hay sự kiện, một sự đối kháng, một sự đối lập nhau giữa các lập luận pháp lý hoặc quyền lợi”. Trên thực tế, những tranh chấp quốc tế như đang diễn ra trên Biển Đông cũng có thể là một mối nguy hại đe dọa việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

Chương 1 nghiên cứu những vấn đề mang tính cơ sở thực tiễn và cơ sở pháp lý về cơ chế giải quyết tranh chấp tại LHQ. Để có một cách tiếp cận tổng thể về cơ chế giải quyết tranh chấp, Chương này sẽ nghiên cứu khái quát về quá trình thành lập LHQ, trên cơ sở đó nghiên cứu các yếu tố tác động đến việc định hình nên các cơ chế giải quyết trong các thể chế của LHQ. Các quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp và việc áp dụng vào thực tế sẽ được phân tích chuyên sâu từ góc độ các tranh chấp giữa các quốc gia, nhất là đối với vấn đề tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ. Nội dung nghiên cứu ở Chương 1 là cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo của luận văn và việc đề xuất phương án giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trên Biển Đông của Việt Nam thông qua các thể chế của LHQ.

1.1. Cơ sở thực tiễn

Ra đời sau Chiến tranh Thế giới lần thứ II, LHQ là một tổ chức quốc tế do các quốc gia thắng trận thành lập nên, nhằm thiết lập một trật tự thế giới mới trong quan hệ quốc tế mà ở đó quyền và lợi ích của các nước lớn được đảm bảo hơn. Các quốc gia khác, dù không có vai trò quyết định, nhưng cũng có vị trí nhất định trong trật tự này. Vào thời điểm thành lập hơn nửa thế kỷ trước, trong tình trạng lộn xộn sau Chiến tranh thế giới, LHQ phản ánh nguyện vọng lớn nhất của nhân loại: vì một cộng đồng thế giới công bằng và

hòa bình. LHQ hiện nay vẫn là hiện thân cho ước mơ đó, là tổ chức quốc tế hợp pháp duy nhất và có phạm vi hoạt động rộng lớn nhờ số lượng các quốc gia thành viên chiếm hầu hết toàn bộ thế giới.

1.1.1. Sự ra đời của LHQ

Ngày 24/10/1945, khi nhân loại vừa trải qua thảm họa chiến tranh thế giới thứ hai, LHQ được thành lập với mục tiêu ngăn ngừa chiến tranh, gìn giữ hòa bình, bảo đảm an ninh và thúc đẩy quan hệ giữa các quốc gia.

LHQ là một tổ chức phi chính phủ mà tiền thân là Hội quốc liên (League of Nations). Hội quốc liên ra đời sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (ký ngày 28/6/1919, có hiệu lực ngày 10/1/1920), là một tổ chức phi chính phủ, lúc đầu bao gồm 44 nước. Hiến chương Hội quốc liên là một bộ phận cấu thành của hệ thống Hòa ước Vécxây ký năm 1919. Mục tiêu của Hội quốc liên nêu trong Hiến chương là “duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, phát triển quan hệ hợp tác giữa các dân tộc...”. Tuy nhiên, về thực chất, tổ chức này không phải là một hệ thống an ninh tập thể rộng rãi, không phải một tổ chức quốc tế toàn cầu như LHQ, mà là một tổ chức nhằm bảo đảm thực thi các Hòa ước Vécxây, tức là bảo vệ quyền lợi của các cường quốc thắng trận. Hội quốc liên đã gặp phải khá nhiều vấn đề như Mỹ không phê chuẩn Hòa ước Vécxây, cũng không ra nhập Hội quốc liên để rảnh tay hành động. Bên cạnh đó, quy định mọi thành viên của Hội đồng có quyền phủ quyết khiến Hội quốc liên không thể phản ứng hiệu quả trước việc các quốc gia gây chiến. [6] Thực tế, Hội quốc liên đã tỏ ra bất lực trước việc hai thành viên thường trực của Hội quốc liên là Ý và Nhật Bản đã cùng Đức Quốc xã gây nên một cuộc xung đột toàn cầu năm 1930. Đặc biệt, ngay từ đầu, Hội quốc liên đã không cấm chiến tranh hoàn toàn mà chỉ yêu cầu các thành viên chờ 3 tháng trước khi tiến hành chiến tranh, điều này được lý giải dựa trên niềm tin rằng chiến tranh là một sai lầm và đối thoại, đàm phán có thể giải quyết được mọi xung đột giữa các thành viên.

Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ đánh dấu sự thất bại của Hội quốc liên. Ý tưởng về việc thành lập một tổ chức quốc tế hiệu quả hơn Hội quốc liên và dựa trên ý chí của các nước thắng trận đã được các nhà lãnh đạo các nước đồng minh theo đuổi ngay trong những năm tháng của Chiến tranh Thế giới II. Tại Tuyên bố Moscow năm 1943, các nhà lãnh đạo của bốn nước Anh, Trung Quốc, Liên bang Xô Viết và Mỹ đã cam kết hợp tác để thành lập một tổ chức nhằm đảm bảo hòa bình thế giới. Năm 1944, bốn nước nhóm họp hai phiên tại Dumbarton Oaks ở Washington D.C. Một bộ phận khung của HCLHQ được hình thành ở tại Dumbarton Oaks. Các nước đã đồng ý tổ chức này sẽ bao gồm Hội đồng bảo an, Đại hội đồng, Ban thư ký và Tòa án Công lý quốc tế. Tại Hội nghị Yalta năm 1945, một số vấn đề được thảo luận bao gồm vấn đề thành viên, quyền phủ quyết, quyền năng của ĐHĐ, của HĐBA và sự cần thiết của Hội đồng Kinh tế và Xã hội. Kết quả thảo luận của các nước lớn tại Dumbarton Oaks và Yalta đã được gửi tới các quốc gia được mời đến San Francisco. Tại Hội nghị San Francisco, ngày 26/6/1945, đại diện của 50 quốc gia đã ký tên vào HCLHQ. Tuy nhiên, phải đợi đến ngày 24/10/1945, sau khi Quốc hội của Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc và nhiều quốc gia khác phê chuẩn, LHQ mới chính thức được thành lập và đi vào hoạt động.

Trong quá trình chuẩn bị, bên cạnh sự thỏa thuận của các nước lớn, các quốc gia trên thế giới cũng đã có những nỗ lực nhất định nhằm tác động đến quá trình định hình nên các thể chế ở LHQ được ghi nhận trong Hiến chương. Ví dụ như, vai trò của các tổ chức khu vực; việc tăng cường và cụ thể hóa quyền lực của ĐHĐ thông qua việc ĐHĐ có thể giải quyết bất kỳ vấn đề nào được coi là quan trọng đối với các thành viên, nhưng sẽ không giải quyết nếu như đây là vấn đề HĐBA đang xem xét. Liên Xô cũng đã yêu cầu đưa vào Hiến chương những nguyên tắc tiến bộ về quan hệ giữa các nước, như nguyên tắc bình đẳng, bình quyền giữa các nước, nguyên tắc dân tộc tự quyết, nguyên

tắc nhất trí giữa năm nước lớn [14]... Xét tại thời điểm lịch sử lúc đó, sự ra đời của bản Hiến chương LHQ là thắng lợi to lớn của tất cả các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Sau hơn nửa thế kỷ tồn tại và phát triển, LHQ đã trở thành một bộ phận trong quan hệ quốc tế. LHQ tham gia các hàng loạt các hoạt động lớn trong đó rất nhiều hoạt động có tính chất trọng yếu đối với xã hội quốc tế. Nhìn nhận một cách đúng đắn nhất thì LHQ không phải một phương tiện để cấu trúc lại toàn bộ hoặc thay thế hệ thống các quốc gia có chủ quyền, mà đúng hơn là để cải thiện những vấn đề phát sinh do sự thiếu hoàn thiện của hệ thống đó và để quản lý quá trình thay đổi mau chóng trong nhiều lĩnh vực khác biệt nhau. LHQ đã thể hiện vai trò của mình trong những lĩnh vực hoạt động phù hợp với việc bàn bạc trên cơ sở đa phương thực sự, thông qua những cá nhân đại diện không phải cho một quốc gia cụ thể mà cho một tập thể quốc gia. LHQ tham gia vào quá trình thay đổi xã hội quốc tế không bằng cách tạo nên một cấu trúc siêu quốc gia, mà thông qua việc tham gia vào quá trình tổng quát hơn, quản lý những vấn đề khác nhau ở các cấp độ khác nhau, mặc dù còn nhiều chông chéo và thay đổi thất thường.

1.1.2. Những thành công và hạn chế của Liên hợp quốc trong thực hiện vai trò giữ gìn hòa bình, an ninh thế giới và phát triển

1.1.2.1. Những thành công của Liên hợp quốc trong thực hiện vai trò giữ gìn hòa bình, an ninh thế giới và phát triển

Trong những thập kỷ đầu kể từ khi thành lập, trên thực tế, LHQ là diễn đàn đấu tranh chính trị giữa hai phe do Liên Xô và Mỹ dẫn đầu. Cuộc đấu tranh giữa các nước xã hội chủ nghĩa và các nước đế quốc chủ nghĩa đã diễn biến nhiều lúc gay go, căng thẳng, phức tạp, bao gồm rất nhiều mặt, từ việc bảo vệ quyền phủ quyết, bảo vệ hòa bình và an ninh thế giới, đến việc chống chủ nghĩa thực dân.

Hệ thống an ninh tập thể mà HCLHQ xây dựng nên hoàn toàn dựa trên nguyên tắc không sử dụng vũ lực được quy định tại khoản 4 Điều 2. Việc khẳng định rõ ràng nguyên tắc này đánh dấu một bước tiến của luật quốc tế: chuyển dần từ hạn chế các quyền sử dụng chiến tranh sang cấm hoàn toàn chiến tranh. Bởi lẽ trước đây, quyền sử dụng chiến tranh được coi như đặc quyền chủ yếu của các quốc gia có chủ quyền, dựa trên tư tưởng nổi tiếng của Clausewitz: chiến tranh đơn thuần là sự tiếp tục của chính trị bằng phương tiện khác. Tuy nhiên, các luật gia đã sớm hạn chế quyền này của các quốc gia bằng việc sử dụng khái niệm “chiến tranh chính nghĩa”: chiến tranh chính nghĩa là một cuộc chiến tranh hợp pháp chống lại một sự vi phạm luật quốc tế.

Lý thuyết về chiến tranh chính nghĩa, ngay cả khi được quy định chặt chẽ, cũng có thể bị lạm dụng, bởi các nước có quyền xác định khi nào thì một cuộc chiến tranh được coi là “chính nghĩa”. Chính vì thế, HCLHQ đã đưa vào nguyên tắc cấm tất cả mọi hình thức sử dụng vũ lực. Vào thời điểm năm 1945, các cường quốc muốn bảo đảm an ninh quốc tế thông qua một hệ thống an ninh tập thể do chính các nước này kiểm soát. Phạm vi của quyền sử dụng chiến tranh đã thu hẹp đến mức trở thành một quyền tối thiểu đó là quyền tự vệ chính đáng, quyền này được quy định rõ ràng tại Điều 51 Hiến chương. Nhiệm vụ của các quốc gia là phải xác định khi nào mình bị “tấn công” và những cách phản ứng nào được coi là “tự vệ chính đáng”. Về vấn đề này, chúng ta có thể nhắc lại một nhận định nổi tiếng do Clemenceau đưa ra trước khi Hiến chương ra đời: “Một quốc gia muốn gây chiến tranh thì sẽ luôn đặt mình vào tình trạng tự vệ chính đáng”.

Các quốc gia soạn thảo Hiến chương rất tham vọng, họ đã thiết lập một hệ thống an ninh tập thể được quản lý tập trung, một điều chưa từng có trong luật quốc tế. Quyền tự vệ chính đáng chấm dứt khi HĐBA áp dụng “những biện pháp cần thiết để duy trì hòa bình và an ninh quốc tế” (Điều 51). Từ

“chiến tranh chính nghĩa”, người ta đã tiến đến cấm sử dụng vũ lực, được các cơ quan quản lý tập trung và nhất là được HĐBA đảm bảo tôn trọng. HĐBA mang thêm một chức năng mới mà ta có thể gọi là “cảnh sát quốc tế”.

Về cơ bản, LHQ đã có nhiều đóng góp quan trọng cho hòa bình và an ninh quốc tế. Đó là việc chấm dứt sự xâm lược của Pháp, Anh tại Ai Cập cuối năm 1956. Vào thời điểm đó, sau khi Anh, Pháp đưa quân đội xâm chiếm Ai Cập, Liên Xô đã nghiêm khắc cảnh cáo Anh, Pháp, đồng thời đưa vấn đề đó ra LHQ. Các nước xã hội chủ nghĩa và các nước Á, Phi đều nhất trí lên án Anh, Pháp. Vì vậy, Mỹ không thể bao che cho đồng minh của mình được và phải chịu bỏ phiếu tán thành việc LHQ đưa quân đội vào Ai Cập để chấm dứt chiến tranh xâm lược của Anh, Pháp. Trong việc này, Liên Xô có vai trò quyết định và nhờ đó, uy tín của Liên Xô ngày càng được nâng cao. Vào đầu năm 1960, LHQ cũng đã đưa quân vào Công gô, đẩy lùi các thế lực thực dân khỏi nước này, và giành lại quyền độc lập hoàn toàn cho Công gô.

Thành công đáng chú ý nhất của LHQ trong những thập kỷ đầu sau khi thành lập trong lĩnh vực phát triển là thúc đẩy cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và góp phần tiến đến xóa bỏ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân cũ. Tại kỳ họp thứ 15 của ĐHĐ, LHQ đã thông qua “Bản tuyên bố trao trả quyền độc lập cho các nước và các dân tộc thuộc địa” do Liên Xô đề nghị. Kiến nghị này của LHQ có ý nghĩa lịch sử, là chỗ dựa quan trọng cho phong trào giải phóng dân tộc và là một đòn đánh mạnh vào chủ nghĩa thực dân [14]. Nhờ công cuộc phi thực dân hóa số thành viên của LHQ từ 51 nước ban đầu năm 1945 đã tăng lên 117 sau 20 năm và đến nay, LHQ có 193 nước thành viên.

1.1.2.2. Những hạn chế của Liên hợp quốc trong thực hiện vai trò giữ gìn hòa bình, an ninh thế giới và phát triển

Điều đáng lo ngại là từ khi LHQ ra đời đến nay, nguyện vọng và quyết tâm bảo vệ hòa bình và an ninh quốc tế của nhân loại không ngăn chặn được

các cường quốc thực dân, để quốc tiến hành khoảng 200 cuộc chiến tranh trực tiếp hoặc thông qua tay kẻ khác nhằm mục đích xâm lược, bá quyền.

Sau khi Liên Xô tan rã, chiến tranh lạnh giữa các nước lớn chấm dứt, nhưng nhân dân các dân tộc chưa được hưởng hòa bình thực sự, nguy cơ chiến tranh hủy diệt vẫn chưa bị loại trừ. Chiến tranh cục bộ, xung đột sắc tộc hoặc tôn giáo, hoạt động can thiệp, lật đổ... vẫn xảy ra nhiều nơi. Điển hình như việc Mỹ lợi dụng vị thế siêu cường, sử dụng chiêu bài chống khủng bố để phát động “chiến tranh phòng ngừa” hoặc đánh “đòn phủ đầu” chống bất cứ nước nào không nghe lệnh của họ, vi phạm độc lập, chủ quyền của các dân tộc, khi thì lợi dụng lá cờ LHQ (ở khu vực Balkan), khi thì qua mặt LHQ (trong chiến tranh I-rắc tháng 3/2003).

Có thể kể đến sự tham gia của LHQ (HĐBA) trong khủng hoảng I-rắc và cuộc chiến vùng Vịnh như một ví dụ của sự can thiệp của LHQ vào cuộc khủng hoảng nội bộ của một đất nước. Trong vòng hơn 10 năm, HĐBA đã thiết lập chế độ quản thác đối với một quốc gia có chủ quyền và là thành viên của LHQ. HĐBA đã đặt quốc gia này dưới những thử thách khắc nghiệt. Lệnh trừng phạt kinh tế và quản lý chặt chẽ các hoạt động ngoại thương của I-rắc được duy trì cho đến khi cơ quan chịu trách nhiệm thanh sát việc phá hủy các vũ khí hủy diệt hàng loạt xác nhận với HĐBA rằng I-rắc đã thực hiện các nghĩa vụ mà HĐBA áp đặt. Chế độ trừng phạt hà khắc này đã dẫn tới tình trạng khủng hoảng thường xuyên từ năm 1997 trên đất nước I-rắc và khiến dân thường I-rắc phải chịu đau khổ dai dẳng. Đây là trường hợp duy nhất cộng đồng quốc tế đã sử dụng tới các biện pháp nặng nề nhất nhằm ngăn chặn nguy cơ phổ biến vũ khí hạt nhân. HĐBA coi việc I-rắc phải thủ tiêu hoàn toàn các loại vũ khí hủy diệt hàng loạt mà nước này có thể đang sở hữu là tối cần thiết để bảo đảm hòa bình và an ninh quốc tế và I-rắc đã phải chịu một chế độ trừng phạt để đạt được mục tiêu đó. Trường hợp I-rắc cũng là một

trường hợp đặc biệt trong đó LHQ đã sử dụng tới tất cả các cơ chế quy định trong Hiến chương để thực hiện một đối sách mà LHQ cho là cần thiết, không loại trừ cả những biện pháp không được quy định trong HCLHQ.

Ngoài ra, các biện pháp trừng phạt tương tự đã áp đặt trong cuộc khủng hoảng vùng Vịnh, thời gian gần đây, ngày càng được sử dụng nhiều hơn. Ví dụ như: Nghị quyết số 713 (1991) và 727 (1992) về cấm vận vũ khí với Nam Tư; Nghị quyết số 757 (1992) về các biện pháp trừng phạt với Nam Tư cũ, cấm toàn bộ xuất - nhập khẩu và các hình thức chuyển vốn của quốc gia này; Nghị quyết 787 (1992) về cấm máy bay các nước quá cảnh trong không phận của Nam Tư cũ... Ngoài các biện pháp trừng phạt, HĐBA cũng thường xuyên cho phép sử dụng vũ lực. Có thể nói, năm 1950, trong cuộc chiến tranh Triều Tiên, HĐBA đã lần đầu tiên cho phép sử dụng vũ lực. Nghị quyết 678 (1990) về I-rắc đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng khi mở đường cho hàng loạt chiến dịch quân sự HĐBA cho phép. Chẳng hạn Nghị quyết 836 (1993) cho phép Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) can thiệp để bảo vệ an ninh của Nam Tư cũ, Nghị quyết 940 (1994) cho phép Pháp triển khai chiến dịch Turquoise ở Ruanda. Ngược lại, chiến dịch không kích của NATO vào Nam Tư cũ năm 1999 lại không hề được sự cho phép công khai nào của HĐBA [8].

1.2. Cơ sở pháp lý

1.2.1. Hiến chương Liên hợp quốc

Hiến chương LHQ là văn bản thành lập LHQ, được ký kết giữa các quốc gia thành viên, quy định về tôn chỉ, mục đích, nguyên tắc hoạt động của LHQ, về cơ cấu, chức năng và hoạt động của các cơ quan chính của LHQ. Hiến chương được 193 quốc gia thành viên LHQ ký kết, bao gồm 19 chương, gồm lời nói đầu và 110 Điều và Quy chế TAQT gồm 70 Điều là một phần không thể tách rời. Ngay từ lời nói đầu của Hiến chương đã ghi rõ việc giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế là mục đích hàng đầu của LHQ. Theo đó,

“Chúng tôi, nhân dân các nước liên hợp lại, quyết tâm: phòng ngừa cho những thế hệ mai sau khỏi thảm họa của chiến tranh đã hai lần trong khoảng thời gian một đời người gây cho nhân loại những đau thương không kể xiết... Biểu thị sự khoan nhượng cùng nhau sống hòa bình trên tinh thần láng giềng thân thiện, cùng nhau góp sức để duy trì hòa bình và an ninh quốc tế”. Như vậy, nhân dân các nước trong liên minh chống phát xít “quyết tâm” thiết lập một tổ chức quốc tế mang tính toàn cầu với mục tiêu hàng đầu là bảo đảm một nền hòa bình và một trật tự thế giới bền vững.

Để đạt được mục đích này, Hiến chương có quy định tỉ mỉ những tổ chức và biện pháp thích hợp để giải quyết bằng những biện pháp hòa bình các tranh chấp hoặc những tình thế có thể đưa đến sự phá hoại hòa bình, và đồng thời trừng trị mọi hoạt động xâm lược hay mọi hành động phá hoại hòa bình khác. Ngay Điều 1 Hiến chương xác định LHQ cần dùng những biện pháp tập thể có hiệu quả nhằm phòng ngừa và loại trừ mọi mối đe dọa hòa bình, trừng trị mọi hành động xâm lược hay phá hoại hòa bình khác, và điều chỉnh hoặc giải quyết bằng những biện pháp hòa bình theo đúng những nguyên tắc của công lý và pháp luật quốc tế những vụ tranh chấp hoặc những tình huống có tính chất quốc tế, có thể dẫn đến phá hoại hòa bình.

Trong lời nói đầu của bản Hiến chương, nhân dân các nước thành viên, thông qua Chính phủ của họ, đã nhất trí “thừa nhận những nguyên tắc và xác định những phương pháp bảo đảm không dùng vũ lực, trừ trường hợp vì lợi ích chung”. Các biện pháp giải quyết tranh chấp được sử dụng trong các cơ chế giải quyết tranh chấp của LHQ có thể được chia làm 3 loại: một là, nhóm biện pháp liên quan đến vai trò chính trị của LHQ trong việc giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế chủ yếu được quy định tại chương VI của HCLHQ; hai là, nhóm biện pháp cưỡng chế theo các quy định tại chương VII của HCLHQ; ba là, biện pháp liên quan đến việc thành lập lực lượng gìn giữ

hòa bình của LHQ thường được xem là dựa trên “chương VI rưỡi” của Hiến chương vì không có cơ sở pháp lý quy định rõ ràng về lực lượng này trong Hiến chương nhưng đã hình thành trên thực tiễn và hoạt động của nằm giữa hai chương VI và VII của Hiến chương.

Điều 33 HCLHQ nêu rõ các bên đương sự trong mọi cuộc tranh chấp, nếu để kéo dài có thể đe dọa sự duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phải tìm ra giải pháp, trước hết bằng con đường đàm phán, điều tra, trung gian, hòa giải, trọng tài, tòa án, sử dụng những tổ chức hoặc những hiệp định khu vực, hoặc những biện pháp hòa bình khác tùy các quốc gia lựa chọn.

Nhằm loại bỏ mối nguy hại đến hòa bình và an ninh thế giới, LHQ đã thiết lập một cơ chế giải quyết tranh chấp bao gồm những cơ quan sau:

- Đại hội đồng
- Hội đồng bảo an
- Tòa công lý quốc tế

Ngoài ra, trong một số trường hợp, TTK LHQ cũng đóng vai trò hòa giải tranh chấp giữa các bên.

Để đạt được sự chấp thuận thông qua của các quốc gia trên thế giới, một số điều khoản của Hiến chương được quy định ở mức khá chung chung, trong đó khái niệm và nội hàm chưa được thể hiện rõ ràng, thấu đáo. Thực trạng này dễ ngỏ cho các quốc gia và cơ quan của LHQ khả năng chủ động giải thích, vận dụng Hiến chương. Mặc dù, các quốc gia có nghĩa vụ giải thích Hiến chương một cách tận tâm và thiện chí, nhưng trên thực tế việc vận dụng những quy định chưa rõ ràng vẫn tạo nên lợi thế hoặc bất lợi cho các nước thành viên.

1.2.2. Các quy định của Quy chế Tòa án công lý quốc tế về giải quyết tranh chấp

Điều 7 HCLHQ quy định TAQT là một cơ quan chính của LHQ. Ngày 12/11/1974, ĐHĐ LHQ đã thông qua Nghị quyết số 3232 (XXIX) về đánh

giá lại vai trò của TAQT, khẳng định lại một lần nữa TAQT là cơ quan chính của LHQ, có vai trò to lớn trong việc giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế. Theo khoản 3 Điều 36 HCLHQ thì những tranh chấp pháp lý cần được các bên đưa lên TAQT. HCLHQ đã dành cả Chương XIV từ Điều 92 đến Điều 96 quy định những nét cơ bản về TAQT. Trong đó, Điều 92 HCLHQ đã nhấn mạnh:

“Tòa án Công lý quốc tế là cơ quan tài phán chính của LHQ. Tòa án hoạt động phù hợp với một quy chế kèm theo, được xây dựng trên cơ sở Quy chế Pháp viện thường trực quốc tế.

Quy chế của Tòa án Công lý quốc tế kèm theo Hiến chương này và là một bộ phận hợp thành của Hiến chương”.

Quy chế TAQT thể hiện một số nguyên tắc cơ bản trong chương XIV của Hiến chương, được phát triển trên cơ sở Quy chế của Pháp viện, bao gồm 70 Điều trong 5 Chương, gồm: “Tổ chức của Tòa”, “Thẩm quyền của Tòa”, “thủ tục”, “Kết luận tư vấn”, “Sửa đổi”.

TAQT có hai dạng thẩm quyền: thẩm quyền giải quyết các tranh chấp quốc tế và thẩm quyền tư vấn.

Khoản 1 Điều 36 Quy chế TAQT quy định : Tòa có thẩm quyền xét xử tất cả vụ việc mà các bên đưa ra và tất cả các vấn đề được nêu riêng trong HCLHQ hoặc trong các hiệp ước, công ước quốc tế hiện hành.

Tòa giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa các chủ thể là các quốc gia, không phân biệt quốc gia đó có phải là thành viên LHQ hay không. Trong mọi trường hợp xảy ra tranh chấp, thẩm quyền của tòa được xác định trên cơ sở ý chí của chủ thể đang tranh chấp (các bên tranh chấp). Khi thẩm quyền của Tòa được xác lập thì thẩm quyền này là độc lập, dựa trên ý chí tự nguyện từ các bên hữu quan, mà không bị bất cứ sức ép chính trị hay kinh tế nào.

Ngoài thẩm quyền xét xử , TAQT còn có thẩm quyền tư vấn theo yêu cầu của các cơ quan chính của Liên hợp quốc và các tổ chức chuyên môn được ĐHD cho phép . Thẩm quyền này được quy định tại Điều 96 HCLHQ:

ĐHD hay HĐBA có thể yêu cầu TAQT cho ý kiến tư vấn về mọi vấn đề pháp lý. Các cơ quan khác của LHQ và các tổ chức chuyên môn, mà lúc nào được Đại hội đồng cho phép yêu cầu (Điều 65, Quy chế của Tòa), cũng có quyền hỏi ý kiến tư vấn của TAQT về những vấn đề pháp lý có thể đặt ra trong hoạt động của mình. Các tổ chức quốc tế khác và các quốc gia không được sử dụng cơ chế tư vấn này của Tòa.

Mặc dù chỉ mang tính chất tham khảo và không có tính ràng buộc, những ý kiến tư vấn của TAQT có uy tín cũng như giá trị pháp lý rất lớn. Chúng góp phần phát triển luật pháp quốc tế và thúc đẩy quan hệ hòa bình giữa các quốc gia. Phán quyết của Toàn án không thể được xem là một nguồn chính thức, nhưng rõ ràng các phán quyết này cung cấp những bằng chứng có căn cứ xác đáng về pháp luật. Nhiều phán quyết của TAQT đã đóng góp cho sự phát triển tiến bộ của luật quốc tế. Những phán quyết quan trọng của TAQT đối với quá trình xây dựng luật quốc tế như trong vụ Bồi thường các thiệt hại (giải thích HCLHQ, thực tiễn hoạt động của các quốc gia và xác lập tư cách pháp lý của LHQ và sau đó là các tổ chức quốc tế khác); Vụ Tội diệt chủng (nêu rõ tính chất của bảo lưu điều ước); và Vụ Đánh cá ở Na Uy, mà trong đó đã xác định vai trò của hành động phản đối liên tục đối với sự hình thành tập quán mới, cũng như yêu cầu phải có sự đồng ý hay chấp thuận ngầm những tuyên bố đơn phương xâm phạm các quyền hiện có tại các khu vực quốc tế. Có thể nói, các phán quyết của TAQT đã góp phần làm sáng tỏ các học thuyết về nguồn và pháp luật, đồng thời đưa ra bằng chứng về thực tiễn hoạt động của các quốc gia.

1.3. Các thể chế của Liên hợp quốc và việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên biển Đông

1.3.1. LHQ với vai trò quốc tế hóa tranh chấp Biển Đông

Đối với Việt Nam, quốc tế hoá tranh chấp - mà một trong những cách quan trọng là đưa ra LHQ - là cần thiết để đương đầu với chiến lược và chủ trương của Trung Quốc. Điều này cũng vận động được sự tham gia các nước muốn bảo vệ quyền lợi của họ trước đe dọa từ ranh giới lưỡi bò - vốn cũng là một đe dọa rất lớn đối với Việt Nam. Hiện nay, Trung Quốc mạnh hơn hẳn Việt Nam và các nước ASEAN khác cùng tranh chấp như Phillipines hay Malaysia. Sự chênh lệch về sức mạnh kinh tế và quân sự, kèm theo các phản ứng rất chùng mịch và đơn lẻ, từ các đối thủ ASEAN đã khiến Trung Quốc tùy ý vận dụng chiến lược điều hâu trên Biển Đông. Từ khoảng 20 năm đổ lại đây, họ đã sử dụng một công thức tổng hợp bao gồm:

- (1) Tấn công quân sự quy mô nhỏ (Việt Nam, 1988, Philippines, 1996, 1997);
- (2) Đơn phương thăm dò và khai thác tài nguyên trên vùng tranh chấp;
- (3) Đe dọa bằng vũ lực (đối với ngư dân) hoặc sức ép kinh tế (với các tập đoàn dầu khí quốc tế) nhằm ngăn chặn các đối thủ tiến hành khai thác tài nguyên trong vùng tranh chấp;
- (4) Chia rẽ các đối thủ bằng kinh tế và ngoại giao; và
- (5) Tuyên truyền về chủ quyền và thái độ cứng rắn của họ đối với vấn đề Biển Đông trên toàn thế giới.

Công thức này có mục tiêu hướng vào việc thiết lập chủ quyền trên thực tế (de-facto) trên vùng biển này. Đứng về phía Trung Quốc thì chiến lược này là tối ưu vì một mặt nó không biến Trung Quốc thành một gã đồ tể

hiếu chiến, nhưng lại giúp họ từng bước lấy được Biển Đông trong khi tuyên bố chủ quyền của họ không hề có cơ sở pháp lý (de-jure).

Rõ ràng, mục đích của đòi hỏi đàm phán song phương là chiến lược bẻ dũa từng chiếc, và mục đích của đòi hỏi không quốc tế hoá tranh chấp là đối phó với các nước yếu hơn. Thêm nữa, yêu sách của Trung Quốc về ranh giới lưỡi bò ảnh hưởng quyền lợi của tất cả các nước trên thế giới, nên quốc tế hoá tranh chấp là điều bất lợi cho Trung Quốc.

Ngày 06/05/2009, Việt Nam và Malaysia nộp cho Ủy ban Ranh giới thêm lục địa báo cáo chung về khu vực thêm lục địa kéo dài liên quan đến hai nước. 24 tiếng sau, Đại diện Thường trực của Trung Quốc tại Liên Hiệp Quốc gửi công hàm cho Tổng thư ký Ban Ki-moon, yêu cầu Ủy ban không xem xét hồ sơ của Việt Nam và Malaysia. Bản đồ Trung Quốc đính kèm với các phản đối chỉ vẽ một ranh giới biển duy nhất: ranh giới lưỡi bò. Có lẽ, đây là lần đầu tiên Trung Quốc chính thức khẳng định biển và thêm lục địa bên trong ranh giới lưỡi bò là thuộc về nước này với một cơ quan của LHQ. Đồng thời đây là sự leo thang về ngoại giao của Trung Quốc.

Bản đồ 1.1

Bản đồ Biển Đông được Trung Quốc gửi kèm trong công hàm cho LHQ



(Nguồn: Nghiencuubiendong.com)

Chiến lược điều hâu không chỉ được Trung Quốc sử dụng trên biển Đông. Họ cũng đã từng sử dụng công thức này trong cuộc tranh chấp ở Biển Đông Trung Quốc (East China Sea) với Nhật Bản. Tuy nhiên, kết quả của công thức này lại không giống như thành tựu đưa lại trong cuộc tranh chấp trên biển Đông. Quốc tế hóa tranh chấp cũng là một cách thức thể hiện sự cứng rắn của Việt Nam trong vấn đề bảo vệ chủ quyền. Khi đó các tổ chức quốc tế và khu vực như LHQ, Asean sẽ làm gia tăng sức mạnh của Việt Nam.

1.3.2. Cách thức sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp của LHQ

LHQ là một tổ chức quốc tế phổ cập nhất hiện nay. Suy nghĩ đến các cơ chế của LHQ không phải là một đề tài mới. Nhưng trước đây, chúng ta chỉ tìm kiếm các giải pháp cho vấn đề bảo vệ chủ quyền trên Biển Đông một cách riêng lẻ tại từng cơ quan của tổ chức lớn nhất hành tinh này như HĐBA, TAQT... Điều này dẫn đến tính không toàn vẹn và đầy đủ của giải pháp, thậm

chí là bết tắc, vì bản thân LHQ là một tổ chức quốc tế được cấu thành từ các cơ quan của mình, và chúng có mối quan hệ qua lại mật thiết với nhau. Luận văn này sẽ tập trung tìm hiểu các cơ chế của LHQ trong sự phối kết hợp giữa hai hoặc nhiều hơn các cơ quan được trao chức năng giải quyết tranh chấp của LHQ với nhau. Tính phức tạp sẽ vì thế gia tăng, nhưng chỉ khi đó chúng ta mới có thể vượt qua những khó khăn để tìm cơ chế đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam. Sự lựa chọn này còn thể hiện tính hiệu quả ở việc trong bản thân cơ chế giải quyết tranh chấp của LHQ đã đòi hỏi sự tin tưởng lẫn nhau và khả năng hợp tác của các nước Asean. Sẽ có những cơ chế Việt Nam đơn phương sử dụng và cơ chế chỉ có thể sử dụng được khi có sự phối hợp của các nước trong tranh chấp.

Nghiên cứu và sử dụng công cụ LHQ mang lại cho Việt Nam những cơ hội pháp lý cho vấn đề chủ quyền trên Biển Đông dựa trên những đóng góp to lớn trong lịch sử của tổ chức này cho việc hoà bình giải quyết các tranh chấp. Làm sao để phối hợp linh hoạt và hiệu quả trên lý thuyết từng cơ chế của từng cơ quan độc lập tương đối vào một giải pháp chung, là một bài toán khó. Làm sao để vượt qua hạn chế của những cơ chế giờ đây vẫn còn đang tranh cãi mỗi khi bàn về cải tổ tổ chức này, đặc biệt là Trung Quốc với sức mạnh sử dụng quyền phủ quyết (veto) của một nước uỷ viên thường trực HĐBA.

CHƯƠNG 2 - CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THÔNG QUA CÁC THỂ CHẾ CỦA LIÊN HỢP QUỐC

Hệ thống LHQ là trung tâm của cộng đồng quốc tế và Luật quốc tế. Trong khi Luật quốc tế còn thiếu một hệ thống tập trung có hiệu quả và thống nhất cho việc xác định và thực thi Luật quốc tế, thì LHQ đem đến khả năng tiến hành một số hoạt động tập trung. LHQ có một số cấu trúc thể chế - một cơ quan bao gồm các đại diện được đề cử từ hầu hết các quốc gia (ĐHĐ), một cơ quan có quyền hành pháp (HĐBA), và một tòa án (TAQT). Quả thực không thể tưởng tượng được một thế giới toàn cầu hóa mà lại không có những nguyên tắc và thực tiễn của chủ nghĩa đa phương làm trụ cột cho các hoạt động. Một nền kinh tế thế giới mở cửa thay thế cho chủ nghĩa trọng thương; sự suy giảm dần tầm quan trọng của những liên minh quân sự cạnh tranh nhau đi đôi với việc HĐBA thường xuyên đạt sự nhất trí cao hơn; ĐHĐ hay là một cuộc họp lớn giữa các quốc gia, và các tổ chức xã hội dân sự xem xét những vấn đề quan tâm chung của nhân loại... đó là một số dấu hiệu, tuy còn chưa hoàn chỉnh và vững vàng, của một hệ thống đa phương không thể thiếu được đang hoạt động.

2.1. Đại hội đồng

2.1.1. Chức năng, nhiệm vụ, thủ tục hoạt động của Đại hội đồng

2.1.1.1. Chức năng, nhiệm vụ của Đại hội đồng

ĐHĐ là cơ quan duy nhất của LHQ trong đó có mặt tất cả các thành viên. Tại đây, nguyên tắc bình đẳng giữa các nước thành viên được thể hiện qua các thủ tục như: mỗi thành viên có một lá phiếu, mỗi thành viên có 5 đại biểu chính thức (và 5 đại biểu dự khuyết) tại các khóa họp của ĐHĐ bất kể nước đó lớn hay nhỏ.

*** Chức năng quyền hạn**

Theo quy định của HCLHQ, ĐHĐ có những chức năng, quyền hạn chính như sau:

1. Xem xét và kiến nghị về các nguyên tắc hợp tác trong việc duy trì hoà bình và an ninh quốc tế, kể cả những nguyên tắc liên quan đến giải trừ quân bị và các quy định về quân bị;

2. Bàn bạc về các vấn đề liên quan tới hoà bình và an ninh quốc tế, trừ trường hợp tình hình hoặc tranh chấp hiện đang được thảo luận tại Hội đồng Bảo an, và đưa ra các khuyến nghị về các vấn đề đó;

3. Bàn bạc và khuyến nghị về các vấn đề theo quy định của Hiến chương có tác động đến chức năng, quyền hạn của các cơ quan thuộc Liên hợp quốc;

4. Nghiên cứu và khuyến nghị để thúc đẩy hợp tác chính trị quốc tế, phát triển và pháp điển hoá luật pháp quốc tế; thực hiện các quyền con người và các quyền tự do cơ bản cho mọi người, và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục và y tế;

5. Khuyến nghị các giải pháp hoà bình cho mọi tình huống có thể làm phương hại quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc;

6. Nhận và xem xét các báo cáo của HĐBA và các cơ quan khác thuộc LHQ;

7. Xem xét, thông qua ngân sách LHQ và phân bổ đóng góp của các nước thành viên;

8. Bầu các thành viên không thường trực HĐBA, các thành viên Hội đồng Kinh tế - Xã hội, các thành viên được bầu vào Hội đồng Quản thác, cùng HĐBA bầu các thẩm phán TAQT, và bầu TTK LHQ (nhiệm kỳ 5 năm) theo khuyến nghị của HĐBA.

Theo nghị quyết "Đoàn kết vì hoà bình" (Uniting for Peace) thông qua tại ĐHĐ tháng 11/1950, ĐHĐ có thể hành động nếu HĐBA, vì không đạt được sự nhất trí giữa các thành viên, không thể có hành động trong một trường hợp có nguy cơ đe dọa hoà bình, phá vỡ hoà bình hoặc hành động xâm

lược. ĐHD được quyền xem xét vấn đề ngay lập tức để có khuyến nghị với các nước thành viên thực hiện các biện pháp tập thể, trong trường hợp phá hoại hoà bình hoặc xâm lược, bao gồm biện pháp sử dụng vũ lực khi cần thiết, để duy trì và khôi phục hoà bình và an ninh quốc tế.

Về mặt lý thuyết, ĐHD là cơ quan cao nhất của LHQ. ĐHD có quyền thảo luận tất cả các vấn đề hoặc những việc thuộc phạm vi HCLHQ, hoặc thuộc quyền hạn và chức năng của bất kỳ một cơ quan nào ghi trong Hiến chương. ĐHD có quyền đưa ra những kiến nghị về những vấn đề hoặc những vụ việc ấy (trừ khi HĐBA đang xem xét - theo Điều 12) cho các thành viên LHQ hay HĐBA, hoặc cho cả các thành viên LHQ và HĐBA. Như vậy, với điều kiện tuân theo những điều kiện tại Điều 12, ĐHD có thể kiến nghị những biện pháp thích hợp để điều chỉnh hòa bình mọi tình thế xảy ra do bất cứ nguồn gốc nào, mà theo nhận xét của ĐHD có thể phương hại lợi ích chung, hoặc làm tổn thương quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc, kể cả những tình thế nảy sinh do sự vi phạm những điều khoản của Hiến chương mà trong đó có ghi rõ những mục đích và nguyên tắc của LHQ.

Khác với HĐBA, các nghị quyết của ĐHD không có giá trị pháp lý bắt buộc đối với các chính phủ, mà chỉ là những kiến nghị, tuy nhiên có ý nghĩa đạo lý, chính trị quốc tế, thể hiện ý chí của cộng đồng quốc tế [14].

2.1.1.2. Các khóa họp của ĐHD

Khóa thường kỳ mỗi năm họp một lần và những khóa bất thường nếu hoàn cảnh đòi hỏi. Những khóa họp bất thường này do Tổng thư ký triệu tập, theo yêu cầu của HĐBA hoặc của đa số các thành viên LHQ (Điều 20).

Khóa họp đặc biệt được triệu tập trong vòng 15 ngày sau khi TTK LHQ nhận được yêu cầu của HĐBA hoặc đa số các nước thành viên. Trước kia, chủ đề của các khóa họp đặc biệt thường tập trung vào các vấn đề hòa bình an ninh quốc tế và giải trừ quân bị như các vấn đề Namibia và Trung Đông

(1967), về giải trừ quân bị (1978)..., vào các vấn đề kinh tế như trật tự kinh tế thế giới mới (1975-1976). Từ sau chiến tranh lạnh, các khóa họp đặc biệt chú trọng bàn về phát triển.

Khóa họp đặc biệt khẩn cấp được triệu tập trong vòng 24 giờ sau khi TTK LHQ nhận được yêu cầu của đa số (9 phiếu thuận) của HĐBA hoặc đa số thành viên LHQ. Vì tính chất khẩn cấp nên chủ đề các khóa họp này liên quan đến hòa bình và an ninh quốc tế nhằm giải quyết xung đột khu vực hay trong bản thân một nước. Ví dụ, vấn đề Trung Đông năm 1956, Hungary năm 1956, Công gô năm 1960.

Chương trình Nghị sự của các khóa họp thường kỳ ngày càng tăng thêm, từ vài chục đề mục trong những năm đầu, nay đã lên đến trên 150 đề mục. Chương trình nghị sự lâm thời do TTK LHQ soạn thảo và chuyển đến các nước thành viên chậm nhất là 60 ngày trước khi khai mạc khóa họp. Các nước thành viên có thể đưa đề nghị bổ sung về sau.

2.1.1.3. Thủ tục bỏ phiếu

Thủ tục bỏ phiếu được quy định trong Điều 18 của HCLHQ:

- Mỗi thành viên ĐHĐ có một lá phiếu.

- Nghị quyết về các vấn đề quan trọng được thông qua với đa số **hai phần ba phiếu thuận của tổng số thành viên có mặt và tham gia bỏ phiếu**.

Những vấn đề quan trọng gồm có: những kiến nghị liên quan đến hòa bình và an ninh quốc tế; bầu các ủy viên không thường trực của HĐBA; bầu các thành viên Hội đồng Kinh tế và Xã hội; bầu một số thành viên Hội đồng quản thác; kết nạp, đình chỉ, khai trừ các thành viên; các vấn đề thuộc ngân sách...

- Nghị quyết về các vấn đề khác được thông qua với **đa số thường**, kể cả trong trường hợp bỏ phiếu để quyết định xem một vấn đề khác nào đó có thuộc loại cần đa số hai phần ba phiếu thuận hay không.

Như vậy, ĐHĐ không có quyền ra quyết định mà chỉ có thể đưa ra khuyến nghị, trừ những vấn đề liên quan đến ngân sách, bầu cử, tổ chức công việc hoặc thành lập một số cơ quan hỗ trợ. *Vì vậy, khi xem xét các vấn đề liên quan giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế, ĐHĐ không có quyền đưa ra các biện pháp cưỡng chế.* Ngược lại, các nghị quyết của ĐHĐ về việc lập nên các cơ quan hỗ trợ có thể mang tính bắt buộc trong hệ thống pháp luật của LHQ. Như vậy, đã hình thành một thực tiễn theo đó ĐHĐ có thể lập ra các cơ quan hỗ trợ hoạt động tại các quốc gia với điều kiện các quốc gia này cho phép.

2.1.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của ĐHĐ

2.1.2.1. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp

- ĐHĐ có thẩm quyền đối với các tranh chấp mà mọi quốc gia thành viên hay không phải thành viên của LHQ đưa ra trước ĐHĐ. Tuy nhiên, một quốc gia không phải là thành viên của LHQ chỉ có thể lưu ý ĐHĐ về các vụ tranh chấp mà họ là đương sự nếu họ thừa nhận nghĩa vụ hòa bình giải quyết tranh chấp theo như quy định trong HCLHQ (Điều 35, HCLHQ).

- ĐHĐ có thẩm quyền đối với những tranh chấp mà HĐBA đưa ra trước ĐHĐ (khoản 2 Điều 11, HCLHQ).

- ĐHĐ có thẩm quyền đối với những tranh chấp mà ĐHĐ xét thấy có thể phương hại đến lợi ích chung, hoặc làm tổn thương quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc (Điều 14, HCLHQ).

2.1.2.2. Cách thức giải quyết tranh chấp của ĐHĐ

ĐHĐ có quyền thảo luận tất cả các vấn đề liên quan hoặc công việc thuộc phạm vi Hiến chương, hoặc thuộc quyền hạn và chức năng của bất kỳ một cơ quan nào được ghi trong Hiến chương và, trừ các quy định ở Điều 12, có thể ra những khuyến nghị về những vấn đề hoặc những vụ việc ấy cho các thành viên LHQ hay HĐBA hoặc cho cả hai.

Việc duy trì hòa bình và an ninh quốc tế do bất cứ thành viên nào của LHQ, HĐBA hay một nước không phải thành viên của LHQ đưa ra trước ĐHĐ theo khoản 2 Điều 35. ĐHĐ có thể đưa ra kiến nghị về mọi vấn đề thuộc loại này với một hoặc nhiều nước hữu quan, hoặc với HĐBA, hoặc với cả các nước hữu quan và HĐBA. Nếu vấn đề này đòi hỏi phải có hành động thì ĐHĐ chuyển lại cho HĐBA, trước hay sau khi thảo luận.

Tuy nhiên, ĐHĐ không được đưa ra một kiến nghị nào đối với các tranh chấp mà HĐBA đang xem xét trừ trường hợp HĐBA yêu cầu (khoản 2 Điều 12, HCLHQ).

2.1.3. Giá trị pháp lý và thực tiễn của các văn bản của ĐHĐ

Khoản 2 Điều 5 HCLHQ quy định: “Tất cả các thành viên LHQ giúp đỡ đầy đủ LHQ trong mọi hành động của LHQ theo đúng các điều quy định của Hiến chương này và không giúp đỡ một nước nào bị LHQ áp dụng một biện pháp phòng ngừa hay cưỡng chế”.

2.1.3.1. Quyết định

Với quyền năng được Hiến chương trao cho một cách rõ ràng hoặc mặc nhiên, với quyền năng vốn có trong bản chất của mình hay đạt được qua thực tiễn, ĐHĐ có thể đưa ra những quyết định mang tính ràng buộc hoặc có hiệu lực thi hành. Tuy các quyết định này liên quan chủ yếu đến các vấn đề ngân sách và tổ chức nội bộ, nhưng một số quyết định có tác động trực tiếp hoặc có thể gián tiếp lên các nghĩa vụ của quốc gia.

Một số quyết định (các nghị quyết về ngân sách theo Điều 17) trực tiếp ràng buộc các thành viên, trong khi một số quyết định khác có hiệu quả là những “hành động” được gán thêm nghĩa vụ “giúp đỡ đầy đủ” như trong khoản 5 Điều 2. Những quy định và cách giải quyết liên quan trong các quyết định có tính ràng buộc đối với từng vụ việc cụ thể và tạo thành tiền lệ cho tương lai.

Tính ràng buộc và hiệu lực thi hành của các quyết định được áp dụng cho mọi nghị quyết được đa số thông qua như quy định trong Điều 18 Hiến chương về việc bỏ phiếu. Về mặt pháp lý số phiếu bầu không quan trọng, tuy nhiên, một quyết định vấp phải sự phản đối mạnh mẽ có thể làm cho một số quốc gia từ chối hợp tác. Do đó, xét từ quan điểm thực tiễn, việc chấp thuận có thể rất quan trọng thậm chí cả với những quyết định có tính pháp lý ràng buộc.

2.1.3.2. Khuyến nghị

Những khuyến nghị của ĐHD, nếu là các khuyến nghị *stricto sensu*, thì thường không có tính ràng buộc các nước thành viên, tuy nhiên có quy định nghĩa vụ hợp tác và tôn trọng. Liệu các khuyến nghị có thể là những “hành động” theo nghĩa khoản 5 Điều 2 hay không vẫn còn là vấn đề gây nhiều tranh cãi, tuy nhiên các nghị quyết khuyến nghị nên bao gồm nghĩa vụ hỗ trợ như đã quy định trong điều này, hoặc ít nhất là một nghĩa vụ không gây trở ngại cho hành động mà các quốc gia đang thực hiện theo nghĩa vụ của LHQ.

Nghĩa vụ hợp tác, thiện chí và hỗ trợ áp dụng cho mọi khuyến nghị được thông qua một cách hợp pháp, không quá phụ thuộc vào số phiếu bầu. Hiệu quả khích lệ của các khuyến nghị sẽ tăng lên nếu đạt được sự nhất trí hoặc gần như nhất trí hoàn toàn. Khuyến nghị cũng có giá trị tiền lệ hoặc có thể có tính ràng buộc nếu được chấp nhận hoặc không có mâu thuẫn [8].

2.1.3.3. Tuyên bố

Tuyên bố là một trong những loại hình nghị quyết của ĐHD dựa trên cơ sở thực tiễn được thiết lập bên ngoài những quy định rõ ràng trong Chương IV Hiến chương. Thực tiễn thông qua các tuyên bố là thống nhất, được công nhận phổ biến và cổ xưa theo nghĩa bắt đầu xuất hiện từ thời mới thành lập LHQ. Mặc dù hiệu lực của các tuyên bố vẫn còn phải bàn cãi, song chúng không phải là các khuyến nghị và cũng không thể được đánh giá như vậy.

Cần đặc biệt chú ý vai trò của các nghị quyết của ĐHĐ như một công cụ thể hiện sự chấp nhận và ghi nhận của cộng đồng quốc tế của các quốc gia dành cho toàn bộ các quy phạm mang tính mệnh lệnh (*jus cogens*) và vai trò tương tự của chúng trong việc công nhận các nguyên tắc cơ bản khác của Luật quốc tế với ý nghĩa như quy định trong Điều 38 (1)(c) Quy chế TAQT.

Vì thành viên của LHQ hiện nay bao gồm hầu hết các quốc gia trong cộng đồng quốc tế nên những Nghị quyết của ĐHĐ được thừa nhận thể hiện quan điểm chung của toàn thế giới.

Tuy nhiên, có ba khó khăn nổi lên khi cho rằng những nghị quyết này có tính ràng buộc pháp lý. Thứ nhất, ngoại trừ một vài vấn đề đặc biệt, Điều 10 HCLHQ chỉ trao cho ĐHĐ thẩm quyền đưa ra các khuyến nghị - rõ ràng nó không có thẩm quyền lập pháp. Thứ hai, các nghị quyết có thể được thông qua với đa số phiếu đơn giản hay hai phần ba số phiếu tùy thuộc vào vấn đề thủ tục hay vấn đề thực chất, mà không cần đến sự nhất trí. Thiếu số phản đối nghị quyết có thể làm giảm đi tính tin cậy và ý nghĩa xây dựng luật pháp của một nghị quyết, đặc biệt nếu thiếu số này bao gồm cả các quốc gia bị ảnh hưởng nhiều bởi nghị quyết. Thứ ba, có thể phát sinh một vấn đề khác với nghị quyết được thông qua bằng phương pháp đồng thuận mà không cần phải bỏ phiếu. Các quốc gia không được mong đợi bất kỳ một sự phản đối nào, trừ khi phản đối đó có ý nghĩa trọng yếu đối với các lợi ích của họ (tức là cách thông qua này tạo ra áp lực buộc các quốc gia không được phản đối nếu đa số đã ủng hộ nghị quyết) [8]. Tuy nhiên, một vài quốc gia vẫn có thể bảo lưu những điểm quan trọng của nghị quyết trước hoặc sau khi nghị quyết được chính thức thông qua. Do vậy, cần cẩn thận khi đánh giá các nghị quyết để xác định quan điểm của các quốc gia, ngay cả đối với những nghị quyết đã giành được sự đồng thuận rõ rệt. Tuy nhiên, bất chấp những khó khăn nêu trên, phải thừa nhận rằng mặc dù những nghị quyết này về bản chất không có

giá trị ràng buộc, nhưng chúng có thể trở nên ràng buộc do hoạt động của các quốc gia sau đó.

2.2. Hội đồng bảo an

HĐBA hiện đang là cơ quan hoạt động nổi bật và hiệu quả nhất của LHQ. Cùng với sự lớn mạnh của LHQ, HĐBA đã trở thành một công cụ đặc biệt quan trọng của tổ chức này. Dần dần, thẩm quyền của HĐBA được mở rộng thông qua việc giải thích các quy định trong Hiến chương.

2.2.1. Chức năng, nhiệm vụ, thủ tục hoạt động của HĐBA

2.2.1.1. Chức năng, nhiệm vụ của HĐBA

HĐBA là cơ quan chính chịu trách nhiệm giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế. Theo Điều 24 HCLHQ, các nước thành viên LHQ “trao cho HĐBA trách nhiệm chính trong sự nghiệp duy trì hòa bình và an ninh quốc tế và thừa nhận rằng, khi thực hiện những nghĩa vụ do trách nhiệm ấy đặt ra, HĐBA hành động với tư cách thay mặt cho các thành viên của LHQ”. Trách nhiệm chính đó được thể hiện trong 2 nhiệm vụ chủ yếu: một là, giải quyết hòa bình các xung đột; hai là, có hành động đối với các mối đe dọa hòa bình, phá hoại hòa bình và hành động xâm lược.

Quyền hạn của HĐBA chủ yếu được nêu tại chương VI và chương VII của bản Hiến chương, ngoài ra cơ quan này còn có một số trách nhiệm khác do chương VIII và chương X quy định. Nhiệm vụ của HĐBA là “giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế”. Tuy nhiên, bản Hiến chương lại không hề đưa ra một định nghĩa nào cho khái niệm này và giao trách nhiệm cho HĐBA phải tự xác định những tình huống có khả năng đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế. Đây là trách nhiệm quan trọng đặt vào tay các thành viên của HĐBA, nhất là đối với năm thành viên thường trực. Như vậy, theo Điều 39 HCLHQ, HĐBA là cơ quan duy nhất của LHQ có quyền quyết định sự có thật của mọi sự đe dọa hòa bình, phá hoại hòa bình hoặc hành động xâm lược và đưa ra kiến nghị

hoặc quyết định các biện pháp cần được tiến hành phù hợp với các Điều 41 và Điều 42 để duy trì hoặc khôi phục hòa bình và an ninh quốc tế. Những chức năng nhiệm vụ mà HĐBA được các thành viên LHQ trao cho nhằm 3 mục tiêu: giữ gìn hòa bình, văn hồi hòa bình và kiến tạo hòa bình [14].

** Quyền hòa giải của HĐBA*

Chương VI của Hiến chương quy định trách nhiệm giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế của HĐBA. Chương VI với nội dung mô phỏng từ Minh ước Hội quốc liên, nhấn mạnh trước hết đến vai trò của các bên tham gia tranh chấp trong việc giải quyết tranh chấp của họ với nhau, HĐBA không có quyền cưỡng chế với các nước này. HĐBA chỉ có thể góp phần giải quyết tranh chấp với vai trò trung gian hòa giải theo yêu cầu của các bên tham gia tranh chấp. Cơ quan này có quyền đưa ra các khuyến nghị nhằm giải quyết khủng hoảng. Trong phạm vi chương VI chỉ có một quyền quyết định thực sự của HĐBA được quy định tại Điều 34, đó là ***quyền được tiến hành điều tra một tranh chấp bất kỳ hoặc bất kỳ tình huống nào có thể dẫn tới xung đột quốc tế***. Điều này có thể được áp dụng trong khuôn khổ chương VII.

Các quy định tại chương VI rất ít khi được viện dẫn trong các Nghị quyết của HĐBA, nhưng đây là nền tảng cho các hoạt động giữ gìn hòa bình và là xuất phát điểm cho quá trình khai thông thực thi nội dung chương VII, đồng thời là một nét mới của hệ thống an ninh tập thể được thiết lập từ năm 1945.

** Quyền cưỡng chế của HĐBA*

Điều 39 của Hiến chương quy định khả năng đầu tiên áp dụng các quyền cưỡng chế của HĐBA. Theo điều khoản này, HĐBA có quyền xác định có tồn tại một sự “đe dọa hòa bình, (...), phá hoại hòa bình hoặc (...) một hành động xâm lược”. Việc xác định giúp cho HĐBA có thể đưa ra các khuyến nghị đối với các quốc gia có liên quan, hoặc áp dụng các điều khoản tiếp theo của chương VII.

HĐBA có quyền áp dụng các biện pháp tạm thời, căn cứ vào Điều 40 của Hiến chương, có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế phi quân sự, theo Điều 41, và có quyền sử dụng các biện pháp cưỡng chế bằng quân sự theo quy định tại Điều 42. Riêng Điều 41 có nêu một loạt các biện pháp mà HĐBA có thể sử dụng, gồm “các biện pháp có thể là cắt đứt toàn bộ hay từng phần quan hệ kinh tế, đường sắt, đường biển, hàng không, bưu chính, điện tín, vô tuyến điện và các phương tiện thông tin khác, kể cả việc cắt đứt quan hệ ngoại giao”. Danh sách này không hạn chế, HĐBA hoàn toàn có thể bổ sung thêm trong trường hợp cần thiết cả biện pháp hay được dùng nhất hiện nay là cấm vận kinh tế.

Hơn nữa, việc áp dụng Điều 42 không phụ thuộc vào việc sử dụng Điều 41 trước đó. Các hình phạt đưa ra không bắt buộc phải theo mức độ tăng dần, theo Điều 42, các biện pháp quân sự được sử dụng khi “HĐBA nhận thấy các biện pháp nêu ở Điều 41 không hoặc có vẻ không thích hợp”. Như vậy, HĐBA có toàn quyền xác định xem việc sử dụng Điều 42 có thích hợp hay không.

Theo Điều 53 của bản Hiến chương, “HĐBA sử dụng, nếu thấy cần thiết, những hiệp định hoặc các tổ chức khu vực để thi hành những hành động cưỡng chế dưới sự điều khiển của mình”. Khái niệm “sử dụng” rõ ràng cho thấy mối quan hệ phụ thuộc, điều này cũng thể hiện ở phần tiếp theo: “không một hành động cưỡng chế nào được thi hành chiếu theo những hiệp định hay do những tổ chức khu vực quy định, nếu không được HĐBA cho phép”. Điều 54 bổ sung thêm việc HĐBA phải thường xuyên thông báo một cách đầy đủ những tin tức về mọi hành động đã được tiến hành hay đang có dự định tiến hành theo những hiệp định khu vực hay bởi những tổ chức khu vực, để duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

2.2.1.2. Các phiên họp

Các phiên họp HĐBA tiến hành thực hiện gồm có các loại như sau:

- Phiên họp định kỳ (preodic meetings), mỗi năm hai lần, ngày tháng do HĐBA quy định.

- Các phiên họp khẩn cấp theo yêu cầu của các quốc gia thành viên LHQ hoặc TTK LHQ khi có xung đột hoặc tình huống có khả năng đe dọa hòa bình, an ninh quốc tế. Một nước không phải là thành viên LHQ, là một bên tham gia tranh chấp, cũng có thể đưa cuộc tranh chấp ra trước HĐBA để cơ quan này xem xét giải quyết. HĐBA sẽ ấn định những điều kiện để một nước không phải thành viên LHQ là đương sự trong các cuộc tranh chấp được mời tham dự, nhưng không có quyền bỏ phiếu.

- Các cuộc họp trên cơ sở thường xuyên (continuous basis) để có thể ứng phó nhanh chóng những diễn biến của tình hình quốc tế, và để kiểm phối các hoạt động giữ gìn hòa bình trên cơ sở các báo cáo của TTK LHQ.

Về tính chất các phiên họp, HĐBA có thể tổ chức những phiên họp chính thức, các phiên họp kín hoặc các cuộc trao đổi không chính thức.

Trong tất cả các cuộc họp kể trên, HĐBA có thể thông qua những nghị quyết, khuyến nghị hoặc đơn thuần là tuyên bố của Chủ tịch.

Hiến chương LHQ và Thủ tục hoạt động tạm thời của HĐBA là hai văn bản pháp lý quốc tế quy định về thủ tục hoạt động của cơ quan này. Trên thực tế, thủ tục hoạt động của HĐBA còn được ghi nhận rải rác trong rất nhiều văn bản, tài liệu khác nhau suốt quá trình tồn tại của cơ quan này từ năm 1945 đến nay. Nhiều nguyên tắc hoạt động của HĐBA được hình thành từ thực tiễn hoạt động của cơ quan này và không được ghi nhận ở văn bản nào. Hệ thống các nguyên tắc thành văn và bất thành văn về thủ tục hoạt động của HĐBA khá rắc rối và tạo ra những khó khăn không nhỏ cho các ủy viên không thường trực. Vì vậy, thủ tục hoạt động của HĐBA thường bị phê phán là thiếu

tính minh bạch và hiệu quả. Dưới đây là một số hoạt động tuy không được quy định cụ thể trong các văn bản chính thức về HĐBA nhưng lại có vai trò quan trọng trong hoạt động của cơ quan này.

* Các cuộc tham vấn toàn thể

Vai trò của các cuộc tham vấn toàn thể (consultation of the whole) trong hoạt động của HĐBA được thừa nhận, tuy nhiên bản thân khái niệm tham vấn toàn thể như một cuộc họp không hề được quy định trong bất cứ văn bản pháp lý quốc tế nào, chưa nói đến thủ tục, nguyên tắc tiến hành các cuộc tham vấn, nội dung, diễn biến và kết quả của các cuộc tham vấn đó. Thực tiễn cho thấy, những vấn đề được đưa ra thảo luận ở HĐBA thường rất căng thẳng và mâu thuẫn sâu sắc. Vì vậy, HĐBA thường luôn cố gắng đưa các vấn đề và các dự thảo nghị quyết ra thảo luận giữa các thành viên HĐBA trước khi đưa ra thảo luận hoặc bỏ phiếu tại các cuộc họp với mục đích dàn xếp phần nào những bất đồng, giành được sự đồng thuận về một dự thảo nghị quyết trước khi công khai với dư luận quốc tế. Về bản chất, đây là cuộc họp kín giữa 15 thành viên HĐBA nhưng lại không được quy định trong Hiến chương [6]. Vì vậy, tham vấn toàn thể không được xếp vào các cuộc họp chính thức của HĐBA theo quy định của Hiến chương cũng như trong Thủ tục hoạt động tạm thời của HĐBA. Những vấn đề chỉ mới nêu ra thảo luận ở các cuộc tham vấn toàn thể, do đó, không nằm trong Chương trình nghị sự của HĐBA.

* Chương trình nghị sự

Chương trình nghị sự của HĐBA là danh sách tất cả các vấn đề mà HĐBA đang xem xét. Do HĐBA ít khi quyết định thôi không xem xét một vấn đề cụ thể nào đó nên chương trình nghị sự của HĐBA luôn ở trong tình trạng quá tải. Thêm vào đó, vì lý do chính trị, đôi khi một số quốc gia, chủ yếu là ủy viên thường trực muốn giữ một vấn đề trong chương trình nghị sự của HĐBA mặc dù vấn đề đó, về thực chất, không còn tạo mối đe dọa hòa

bình và an ninh quốc tế. Danh sách các vấn đề đang được HĐBA xem xét lên tới 148 vào thời điểm ngày 1/3/2006 [6]. Hiện nay, danh sách vấn đề đang được HĐBA xem xét đang ở con số 81 vấn đề vào tháng 1/2013 [6]. Như vậy, có thể thấy, một chương trình nghị sự công kênh quá mức như vậy dễ khiến cho các nước ủy viên không thường trực với rất ít kinh nghiệm và thời gian xác định được vấn đề nào là vấn đề thực sự còn đâu là vấn đề “ảo” trong chương trình nghị sự.

Gần đây, đáp ứng đòi hỏi của thành viên LHQ, trong HĐBA có sự cải tiến trong phương thức hoạt động liên quan đến việc tổ chức các cuộc họp nhằm tăng thêm tính hiệu lực, nhất là tính dân chủ và minh bạch. Cụ thể, là giảm các cuộc họp kín, các trao đổi không chính thức giữa một nhóm nhỏ các thành viên, chủ yếu là các ủy viên không thường trực, tăng thêm việc thành lập các Nhóm làm việc toàn thể (Working groups of the whole) ở cấp chuyên viên nhằm tạo điều kiện để tất cả các thành viên HĐBA có thể tham gia vào quá trình soạn thảo các nghị quyết hay tuyên bố của Chủ tịch. Ngoài ra, chương trình nghị sự của HĐBA cũng được thông báo chi tiết trong các “Nhật trình” hằng ngày của LHQ. Đồng thời, nhằm cải thiện thực trạng các quy định về thủ tục hoạt động của HĐBA nằm rải rác trong các văn bản, tài liệu khác nhau của cơ quan này, từ năm 2006, HĐBA bắt đầu tổng kết các quy định về thủ tục hoạt động của HĐBA áp dụng trên thực tiễn. Công việc này do Ban Thư ký thực hiện bằng cách liệt kê số, ký hiệu và tên gọi của các Tuyên bố và Lưu ý của Chủ tịch HĐBA liên quan đến thủ tục hoạt động của HĐBA trong từng giai đoạn. Danh sách này sẽ được công bố dưới dạng một bản Lưu ý của Chủ tịch HĐBA. Đây chỉ là một sự tổng hợp và liệt kê thuần túy các văn bản khá công kênh có chứa các chi tiết liên quan đến thủ tục hoạt động. Vì vậy, ngay sau khi đã được liệt kê thì việc tra cứu và tìm hiểu vẫn còn rất khó khăn và thách thức.

2.2.1.3.Thủ tục bỏ phiếu

Những điều khoản liên quan đến việc đưa ra quyết định và bỏ phiếu của HĐBA nằm trong nhiều tài liệu khác nhau, như việc bỏ phiếu để chọn thẩm phán được quy định tại Điều 10 Quy chế TAQT và đoạn IV chương VI Thủ tục hoạt động tạm thời của HĐBA; hay thủ tục bỏ phiếu liên quan đến các điều kiện kết nạp quốc gia là thành viên LHQ được quy định tại chương VI Thủ tục hoạt động tạm thời của cơ quan này. Nhưng sức nặng trong mỗi lá phiếu của các thành viên HĐBA thể hiện tập trung nhất tại Điều 27 Hiến chương và Điều 40 Thủ tục hoạt động tạm thời.

Điều 27:

- 1. Mỗi thành viên HĐBA có một lá phiếu.*
- 2. Những nghị quyết của HĐBA về các vấn đề thủ tục được thông qua khi 9 thành viên Hội đồng bỏ phiếu thuận.*
- 3. Những nghị quyết của HĐBA về những vấn đề khác được thông qua sau khi 9 ủy viên của HĐBA, trong đó có tất cả các ủy viên thường trực bỏ phiếu thuận, dĩ nhiên là các bên đương sự trong tranh chấp sẽ không được bỏ phiếu về các nghị quyết chiếu theo chương VI và Điều 52 khoản 3.*

Điều 40 :

Việc bỏ phiếu của HĐBA sẽ được tiến hành phù hợp với các điều khoản liên quan trong Hiến chương và Quy chế Tòa án công lý quốc tế.

- Những vấn đề thủ tục và không là vấn đề thủ tục theo khoản 2 Điều 27 HCLHQ

Hầu hết việc bỏ phiếu ở HĐBA, tự thân chúng không chỉ ra được liệu vấn đề Hội đồng đang xem xét bỏ phiếu là thủ tục hay không thủ tục. Đó là khi, một yêu cầu được thông qua bằng một cuộc bỏ phiếu đồng thuận; hay một yêu cầu bị thất bại trong việc giành đủ 9 phiếu ủng hộ cần thiết; hoặc khi tất cả các thành viên thường trực bỏ phiếu thuận. Tuy vậy, vẫn có thể xác định

việc HĐBA bỏ phiếu cho một vấn đề là thủ tục hay không thủ tục căn cứ vào kết quả bỏ phiếu trong trường hợp khi một đề nghị giành được 9 hoặc nhiều hơn 9 phiếu thuận, với một hoặc nhiều hơn ủy viên thường trực bỏ phiếu trống [6]. Trong trường hợp này nếu yêu cầu được Hội đồng thông qua sẽ xác định được vấn đề được bỏ phiếu là vấn đề thủ tục, ngược lại nếu yêu cầu không được thông qua thì đây là vấn đề không phải thủ tục.

Các vấn đề được xem là thủ tục thường là :

1. *Gộp các vấn đề vào nhau trong chương trình nghị sự*
2. *Thứ tự các vấn đề trong chương trình nghị sự*
3. *Hoãn việc xem xét các vấn đề trong chương trình nghị sự*
4. *Đưa ra khỏi danh sách các vấn đề mà Hội đồng đã xem xét*
5. *Các điều hành của Chủ tịch Hội đồng*
6. *Đình chỉ một cuộc họp*
7. *Hoãn một cuộc họp*
8. *Việc mời tham gia một vụ việc*
9. *Điều hành công việc*
10. *Triệu tập các cuộc họp khẩn cấp của HĐĐ*

(Xem Repertoire of Practice of the Security Council, Supplement 1946-1951, Chapter IV, p.49 và các báo cáo khác)

Trong trường hợp nào đó, nếu xét thấy cần thiết, HĐBA bằng việc bỏ phiếu xem xét một vấn đề là thủ tục hay không. Thủ tục xem xét này được gọi là “vấn đề sơ bộ”. Trong thực tế, HĐBA chưa bỏ phiếu để xem xét vấn đề sơ bộ này. HCLHQ không quy định vấn đề nào là vấn đề thủ tục hay không là vấn đề thủ tục. Điều này dẫn đến thực tiễn các thành viên thường trực dùng quyền “*phủ quyết kép*” để ngăn cản một quyết định của HĐBA không phù hợp với lợi ích của họ. Trước một vấn đề được đưa ra trong dự thảo chương trình nghị sự, các ủy viên thường trực thường có xu hướng coi đó là một vấn

đề không phải vấn đề thủ tục. Thực tiễn hoạt động của HĐBA, qua kết quả bỏ phiếu, là căn cứ duy nhất giúp xác định một vấn đề được đưa ra là thủ tục hay không. Dưới đây là một số ví dụ về việc này:

BẢNG 2.1

Các vụ việc mà kết quả bỏ phiếu của HĐBA chỉ ra đặc điểm thủ tục của vấn đề

(MỘT SỐ VÍ DỤ BỎ PHIẾU CỦA HĐBA GIAI ĐOẠN 1989-1992)

1. Đình chỉ một cuộc họp

VẤN ĐỀ NGHỊ SỰ	PHIÊN HỌP VÀ NGÀY	BỎ PHIẾU	SỐ UỶ VIÊN THƯỜNG TRỰC BỎ PHIẾU CHỐNG
Tình trạng trên các lãnh thổ của Arab bị chiếm đóng	2970 (phần I) 19/12/1990	Đề nghị được thông qua bởi 9 phiếu thuận, 6 phiếu chống	2

2. Mời tham gia quá trình xem xét

VẤN ĐỀ NGHỊ SỰ	NGƯỜI ĐƯỢC MỜI	PHIÊN HỌP VÀ NGÀY	BỎ PHIẾU (TRONG MỖI VỤ VIỆC ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC THÔNG QUA) ^b	SỐ UỶ VIÊN THƯỜNG TRỰC BỎ PHIẾU CHỐNG
Lá thư ngày 4/1/1989 của đại diện Libyan Arab Jamahiriya gửi Chủ tịch HĐBA	Quan sát viên thường trực của Palestine ^a	2841 11/1/1989	11-1-3	1
Tình trạng trên các lãnh thổ của Arab bị chiếm đóng	Như trên	2845 10/1/1989	11-1-3	1
	Như trên	2863 6/6/1989	11-1-3	1
	Như trên	2870 6/7/1989	11-1-3	1

a. Về cơ sở pháp lý của việc tham gia của quan sát viên thường trực của Palestine, xem Reportoire of the practice of the Security Council Supplement 1989-1992, chapter III, part I, sect.C.

b. Thứ tự kết quả bỏ phiếu là: phiếu thuận - phiếu chống- không tham gia.

(Nguồn: www.JCI.ORG, REPORTOIRE OF THE PRACTICE OF THE SECURITY COUNCIL SUPPLEMENT 1989-1992, CHAPTER IV VOTING, PP.7-8)

BẢNG 2.2**Các vụ việc mà kết quả bỏ phiếu của HĐBA chỉ ra đặc điểm không thủ tục của vấn đề**

(MỘT SỐ VÍ DỤ BỎ PHIẾU HĐBA GIAI ĐOẠN 2004-2007)

VẤN ĐỀ NGHỊ SỰ	PHIÊN HỌP VÀ NGÀY	CÁC YÊU CẦU (CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT, VV...)	ĐƯỢC ĐỀ TRÌNH BỞI	BỎ PHIẾU (VỚI MỖI VỤ VIỆC, YÊU CẦU BỊ BÁC BỎ)	THÀNH VIÊN THƯỜNG TRỰC BỎ PHIẾU CHÔNG ¹
Tình hình ở Trung Đông, liên quan đến câu hỏi của Palestine	4934 25/3/2004	S/2004/240	Algeria, Libyan Arab Jamahiriya	11-1-3	Mỹ
Tình hình ở Cyprus	4947 21/4/2004	S/2004/302	Vương quốc Anh, Mỹ	14-1-0	Liên bang Nga
Tình hình ở Trung Đông, liên quan đến câu hỏi của Palestine	5051 5/10/2004	S/2004/783	Algeria, Pakistan, Tunisia	11-1-3	Mỹ
Như trên	5488 13/7/2006	S/2006/508	Qatar	10-1-4	Mỹ
Như trên	5565 11/11/2006	S/2006/878	Qatar	10-1-4	Mỹ
Tình hình ở Myanmar	5619 12/1/2007	S/2007/14, như sửa đổi bằng miệng	Vương quốc Anh, Mỹ	9-3-3	Trung Quốc, Liên bang Nga

1. Các văn bản và các giải thích về việc bỏ phiếu, xem các vụ việc liên quan ở chương VIII, Repertoire 2004-2007.

2. Thứ tự kết quả bỏ phiếu là : phiếu thuận - phiếu chống - không tham gia

(NGUỒN: *WWW.JCI.ORG/REPORTOIRE OF THE PRACTICE OF THE SECURITY COUNCIL SUPPLEMENT 2004-2007, CHAPTER IV VOTING, pp.7-8*)

Như vậy, có thể kết luận rằng, vấn đề tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông là một vấn đề không phải vấn đề thủ tục nếu xuất hiện trong chương trình nghị sự của HĐBA. Điều này dẫn đến mối lo ngại về việc Trung Quốc, một trong những nhân vật chiếm nhiều ưu thế nhất trong tranh chấp, có thể sử dụng quyền phủ quyết của một ủy viên thường trực để ngăn cản những sáng kiến của HĐBA về giải quyết tranh chấp có lợi cho Việt Nam?

- Quyền phủ quyết (veto)

Theo khoản 3 Điều 27 Hiến chương, những nghị quyết của HĐBA về một vấn đề không phải là vấn đề thủ tục được thông qua sau khi 9 ủy viên bỏ phiếu thuận (*“the affirmative vote of nine members”*), trong đó có phiếu thuận của tất cả các ủy viên thường trực (*“the concurring of permanent members”*). Chỉ cần bất kỳ thành viên thường trực nào bỏ phiếu trống với quyết định của HĐBA thì quyết định đó không được thông qua dù hội tụ đủ 9, thậm chí 14 phiếu thuận.

Đây chính là quyền phủ quyết (veto) của các ủy viên thường trực HĐBA tuy cụm từ này không được ghi cụ thể trong HCLHQ. Quy định này còn được gọi là “nguyên tắc nhất trí” giữa 5 ủy viên thường trực. Điểm khác biệt rõ nét nhất (nhưng không phải duy nhất) giữa thành viên thường trực và thành viên không thường HĐBA là quyền phủ quyết [6].

Nhận thấy, quyền phủ quyết của các nước ủy viên thường trực được cài đặt mọi nơi trong Hiến chương, về việc: thông qua quyết định của HĐBA về các vấn đề hòa bình và an ninh quốc tế; kết nạp thành viên mới vào Liên Hợp quốc; phủ quyết với mọi việc sửa đổi Hiến chương. Trường hợp duy nhất mà các ủy viên thường trực HĐBA bỏ sót là: Bầu các nước thành viên không thường trực của HĐBA. Khi đó việc bỏ phiếu hoàn toàn thuộc thẩm quyền của ĐHD, các ủy viên thường trực không thể dùng quyền phủ quyết để tác động trực tiếp.

Việc sử dụng quyền phủ quyết (veto) trong Chiến tranh lạnh được các nước ủy viên thường trực sử dụng như là một công cụ trong sự đối đầu của các phe và khiến cho hoạt động của HĐBA gần như tê liệt hoàn toàn. Từ năm 1945 - 1990 quyền phủ quyết được sử dụng 264 lần. HĐBA thảo luận các vấn đề thường trong không khí căng thẳng và mâu thuẫn sâu sắc. Từ năm 1991 đến nay đã chứng kiến sự đổi mới trong việc các ủy viên thường trực sử dụng quyền phủ quyết của mình. Quyền phủ quyết được sử dụng rất hiếm hoi, 15 lần từ năm 1991 đến 2004 dù số lượng nghị quyết được thông qua tăng gấp 2- 3 lần so với thời kỳ chiến tranh lạnh.

Về bản chất, mặc dù quyền phủ quyết được sử dụng rất hiếm hoi trong thời gian gần đây nhưng **“phủ quyết ngầm”** hoặc **“đe dọa sử dụng quyền phủ quyết”** vẫn tồn tại. Chúng có tác dụng như sử dụng quyền phủ quyết và có thể ngăn chặn việc đề xuất những vấn đề trái quyền lợi thành viên nào đó. Khi đó có những vấn đề không xuất hiện trong chương trình nghị sự, có những ý không bao giờ được đưa vào dự thảo nghị quyết vì nó mâu thuẫn với quyền lợi sống còn của nước ủy viên thường trực nào đó.

Có thể nói, quyền phủ quyết thường bị lạm dụng bất lợi đối với đại đa số các nước thành viên LHQ. Về khách quan, quyền phủ quyết có ý nghĩa tích cực trong bối cảnh quốc tế khi LHQ ra đời, thể hiện sự bình đẳng giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, đảm bảo nguyên tắc cũng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau, tránh nguy cơ biến HĐBA thành công cụ của đa số các nước tư bản chủ nghĩa (Mỹ, Anh, Pháp, Trung Hoa dân quốc) chống thiểu số nước xã hội chủ nghĩa (chỉ một mình Liên Xô, đến năm 1971 Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mới được khôi phục quyền hợp pháp tại LHQ nói chung, tại HĐBA nói riêng). Sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa không còn nữa, ý nghĩa chính trị - pháp lý của quyền phủ quyết không còn như xưa nữa.

Trên thực tế, có trường hợp một nghị quyết về các vấn đề thực chất của HĐBA có thể được thông qua mà không cần hội tụ để 5 phiếu thuận của tất cả các ủy viên thường trực. Đó là khi một hoặc nhiều ủy viên thường trực, tuy không ủng hộ, nhưng cũng không muốn ngăn cản việc thông qua nghị quyết đó, có thể bỏ phiếu trắng (abstain) hoặc không tham gia bỏ phiếu. Ví dụ, ngày 12/6/2003, HĐBA bỏ phiếu kéo dài thêm một năm nữa cho việc phép quân Mỹ tham gia lực lượng giữ gìn hòa bình LHQ được miễn trừ truy tố trước Tòa án hình sự quốc tế (ICC). Pháp, một ủy viên thường trực, không đồng ý cho Mỹ được hưởng ưu đãi này. Tuy nhiên, để tránh xung đột với Mỹ, Pháp “không tham gia bỏ phiếu” tại HĐBA về vấn đề này.

- *Bắt buộc bỏ phiếu trắng (Voluntary abstention/requiring abstention)*

Theo khoản 3 Điều 27 Hiến chương, nếu là các bên đương sự trong tranh chấp thì các ủy viên HĐBA sẽ bỏ phiếu trắng về các nghị quyết chiếu theo chương VI và khoản 3 Điều 2.

Trong các trường hợp bắt buộc bỏ phiếu trắng này, chia thành hai khả năng, đó là khi một bên đương sự trong tranh chấp là:

- + Ủy viên không thường trực HĐBA
- + Ủy viên thường trực HĐBA

Khi một ủy viên thường trực HĐBA là một bên tranh chấp trong đương sự, việc bắt buộc bỏ phiếu trắng là vô cùng quan trọng. Bởi điều này liên quan đến quyền phủ quyết của ủy viên thường trực với một nghị quyết hay quyết định có thể bất lợi cho ủy viên này.

Có những trường hợp bỏ phiếu trắng được đáp ứng bởi một nước ủy viên khi quyết định được đưa ra bởi Hội đồng. Cũng có những trường hợp vấn đề bỏ phiếu trắng theo khoản 3 Điều 27 được nêu ra và xuất hiện những thảo luận có ý nghĩa. Trong quá trình xem xét đến nghĩa vụ của một nước ủy viên từ bỏ việc bỏ phiếu khi là một bên trong tranh chấp, rất nhiều những khó

khẩn liên quan đến việc áp dụng khoản 3 Điều 27 nảy sinh, chủ yếu trong những cuộc họp đầu của Hội đồng. Những khó khăn này chủ yếu liên quan đến các vấn đề:

+ Liệu vấn đề được xem xét có là một tranh chấp theo nghĩa của khoản 3 Điều 27 hay không.

+ Liệu bản thân việc quyết định một vấn đề là tranh chấp có là một vấn đề thủ tục hay không.

+ Cách thức nào để quyết định một thành viên là một bên trong tranh chấp.

+ Đây là phạm vi của những quyết định về việc một ủy viên buộc phải từ bỏ phiếu trắng khi là một bên trong tranh chấp.

(xem Repertoire of Practice of the Security Council, Supplement 1946-1951, Chapter IV: Voting, pp.165-170).

- Ủy viên thường trực HĐBA tự nguyện bỏ phiếu trắng với điều kiện phù hợp khoản 3 Điều 27 HCLHQ (voluntary abstention)

Vì việc tự nguyện bỏ phiếu trắng của ủy viên thường trực trong sự xem xét này không thể phân biệt rõ ràng với việc bỏ phiếu trắng của ủy viên thường trực về một vấn đề được nhất trí coi là vấn đề thủ tục tại khoản 2, Điều 27 nên phải xác định định nghĩa là tự nguyện bỏ phiếu trắng theo khoản 3, Điều 27. Phạm vi các nghị quyết mà ở đó các ủy viên thường trực bỏ phiếu trắng theo khoản 3, Điều 27 là chương VII, VIII và IX của HCLHQ.

Việc bỏ phiếu trắng của ủy viên thường trực với điều kiện phù hợp với khoản 3, Điều 27, trong thực tiễn hoạt động của HĐBA, không được coi là bỏ phiếu chống. Phù hợp với hoạt động nhất quán của mình HĐBA xem xét thông qua nghị quyết mặc dù có việc bỏ phiếu trắng này (Tổng hợp từ các báo cáo của HĐBA, www.un.org).

BẢNG 2.3

Một số vụ việc ủy viên thường trực HĐBA bỏ phiếu trắng phù hợp với khoản 3 Điều 27 HCLHQ

(MỘT SỐ VÍ DỤ BỎ PHIẾU CỦA HĐBA GIAI ĐOẠN 2004-2007)

CÁC YÊU CẦU VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT	VẤN ĐỀ NGHỊ SỰ	PHIÊN HỌP VÀ NGÀY	BỎ PHIẾU ¹	BỎ PHIẾU TRẮNG BỞI
S/2004/240 (không thông qua được vì phiếu chống của một ủy viên thường trực)	Tình hình ở Trung Đông, liên quan đến câu hỏi của Palestine	4934 25/3/2004	11-1-3	Vương quốc Anh
1544(2004)	Như trên	4972 19/5/2004	14-0-1	Mỹ
1556	Báo cáo của Tổng thư ký về Sudan	5015 30/7/2004	13-0-2	Trung Quốc (và ủy viên không thường trực Pakistan)
1559(2004)	Tình hình ở Trung Đông	5028 2/9/2004	9-0-6	Liên bang Nga, Trung Quốc (và các ủy viên không thường trực Algeria, Brazil, Pakistan, Philippines)
1564	Các báo cáo của Tổng thư ký về Sudan	5040 18/9/2004	11-0-4	Trung Quốc, Liên bang Nga (và các ủy viên không thường trực Algeria, Pakistan)
S/2004/783 (không thông qua được do phiếu chống của một ủy viên thường trực)	Tình hình ở Trung Đông, liên quan đến câu hỏi của Pakistan	5051 5/10/2004	11-1-3	Vương quốc Anh (và ủy viên không thường trực Germany, Romania)

1. Thứ tự bỏ phiếu là: phiếu thuận - phiếu chống - phiếu trắng

(NGUỒN: WWW.TAQT – JCI.ORG/ REPERTOIRE OF THE PRACTICE OF THE SECURITY COUNCIL SUPPLEMENT 2004-2007, CHAPTER IV VOTING, pp.10-11)

Như vậy về việc bỏ phiếu trắng theo khoản 3, Điều 27 HCLHQ có thể khái quát như sau:

BẢNG 2.4

Trường hợp	Chủ thể	Nội dung bỏ phiếu trắng	Hệ quả pháp lý
Bắt buộc khi là một bên trong tranh chấp	- Ủy viên thường trực và/ hoặc ủy viên không thường trực	Chương VI HCLHQ: Giải quyết hoà bình các cuộc tranh chấp	- Không bị coi là phiếu chống. - Không ngăn cản việc thông qua nghị quyết nếu vẫn thoả mãn đủ 9 phiếu thuận.
Tự nguyện bỏ phiếu trắng khi không là một bên trong tranh chấp	-Ủy viên thường trực và/ hoặc ủy viên không thường trực ¹	Các chương sau: VII: Hành động trong trường hợp hoà bình bị đe doạ, bị phá hoại hoặc có hành vi xâm lược VIII: Những hiệp định khu vực IX: Hợp tác quốc tế về kinh tế xã hội	- Không bị coi là phiếu chống; - Không ngăn cản việc thông qua nghị quyết nếu vẫn thoả mãn đủ 9 phiếu thuận.

Việc ủy viên không thường trực bỏ phiếu trắng không làm cản trở thông qua một nghị quyết của HĐBA, trừ khi tất cả các thành viên thường trực bỏ phiếu thuận và số thành viên không thường trực bỏ phiếu trắng nhiều hơn 4.

(Nguồn: Repertoire of Practice of the Security Council, Supplement 1946-1951, Chapter IV, p.166.)

- Thông qua nghị quyết không bằng bỏ phiếu

+ Bằng đồng thuận

+ Bằng báo cáo của Chủ tịch Hội đồng sau khi vấn đề được thông qua bởi các thành viên Hội đồng trong các cuộc tham vấn.

+ Bằng các kiến nghị hoặc đề xuất của Chủ tịch Hội đồng.

Trong phần này, tập trung phân tích thực tế hoạt động qua giai đoạn 2000-2003 về những nghị quyết thông qua không bằng bỏ phiếu.

(Nguồn: Repertoire of Practice of the Security Council, Supplement 2000-2003, Chapter IV: Voting).

Hầu hết các đề xuất mang tính thủ tục trong giai đoạn này đều được thông qua mà không cần bỏ phiếu. Các quyết định đã rõ ràng cũng được thông qua mà không cần bỏ phiếu. Trong số 232 nghị quyết được thông qua nhờ bỏ phiếu thì có 214 nghị quyết đồng thuận.

Trong các trường hợp khác, các quyết định của HĐBA sẽ được Chủ tịch Hội đồng bảo lưu bằng công hàm hoặc thư mặc dù các quyết định đó không đề cập tới việc bỏ phiếu. Thông thường thì các thư và công hàm này được thể hiện bằng văn bản và nội dung của một hay hai bức thư hay công hàm này đều được nhất trí do Chủ tịch Hội đồng đọc tại hội nghị trước khi được công bố.

2.2.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của HĐBA

2.2.2.1. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của HĐBA

Theo Điều 24 HCLHQ, các quốc gia thành viên LHQ trao cho HĐBA trách nhiệm chính trong việc duy trì và khôi phục hòa bình và an ninh quốc tế. Các quốc gia thành viên LHQ phải chấp nhận thực hiện theo những quyết định của HĐBA theo quy định tại Điều 25 của HCLHQ. Thẩm quyền của HĐBA trong việc giải quyết hòa bình các tranh chấp quốc tế được quy định tập trung tại Chương VI và Chương VII HCLHQ.

Theo Điều 39 của HCLHQ, HĐBA là cơ quan duy nhất của LHQ có quyền quyết định đánh giá thực tại của các mối đe dọa đối với hoà bình, phá hoại hoà bình hoặc hành động xâm lược, và sẽ khuyến nghị hoặc quyết định các biện pháp cần được tiến hành phù hợp với các Điều 41 và 42, để duy trì hoặc khôi phục hoà bình và an ninh quốc tế.

- Những tranh chấp mà tất cả các quốc gia là thành viên của LHQ hay không là thành viên của LHQ nhưng thừa nhận nghĩa vụ hoà bình giải quyết tranh chấp theo quy định tại HCLHQ quốc lưu ý đến HĐBA. (Điều 35(1),(2), HCLHQ).

- Những tranh chấp mà các bên không giải quyết được bằng những biện pháp chỉ rõ trong Điều 33 (Điều 27(1), HCLHQ).

- Những tranh chấp có thể làm nguy hại đến hoà bình và an ninh quốc tế mà ĐHĐ lưu ý đến HĐBA (Điều 11(3), HCLHQ).

- Những tranh chấp mà TTK LHQ lưu ý HĐBA (Điều 99, HCLHQ).

- Những tranh chấp mà HĐBA xét thấy rằng sự kéo dài của tranh chấp đó có thể đe dọa việc duy trì hoà bình và an ninh quốc tế (Điều 37(2), HCLHQ).

2.2.2.2. Biện pháp giải quyết tranh chấp của HĐBA

Chương VI của HCLHQ quy định trách nhiệm giải quyết hoà bình tranh chấp quốc tế của HĐBA. Chương VI nhấn mạnh trước hết vai trò các bên tham gia tranh chấp. HĐBA không có quyền cưỡng chế họ mà chỉ góp phần giải quyết tranh chấp với vai trò trung gian hòa giải theo yêu cầu của các bên tham gia hoặc đưa ra khuyến nghị nhằm giải quyết khủng hoảng. Cụ thể là:

+ HĐBA, trong trường hợp cần thiết, yêu cầu các bên đương sự giải quyết tranh chấp của họ bằng các biện pháp hoà bình được nêu ra tại khoản 1 Điều 3.

+ HĐBA có thẩm quyền điều tra mọi tranh chấp hoặc mọi tình thế có thể dẫn đến bất đồng hoặc gây ra tranh chấp, xác định xem tranh chấp ấy hoặc tình thế ấy nếu kéo dài có thể đe dọa đến hoà bình và an ninh quốc tế không (Điều 34).

+ HĐBA có thẩm quyền kiến nghị những thủ tục hoặc những phương thức giải quyết phù hợp (khoản 1 Điều 36). HĐBA có thể can thiệp, nếu muốn, vào bất kỳ giai đoạn nào của các cuộc tranh chấp mà nếu tiếp diễn có khả năng gây hại tới hòa bình và an ninh quốc tế. Tuy nhiên, khi đưa ra những khuyến nghị như vậy, HĐBA cần phải chú trọng mọi thủ tục mà các các đương sự đã áp dụng để giải quyết các tranh chấp ấy. Đồng thời, HĐBA cũng cần chú trọng đến một nguyên tắc chung là những tranh chấp pháp lý phải được các bên tranh chấp đưa lên TAQT.

+ Trong trường hợp các bên tranh chấp không thể giải quyết bằng các phương pháp nêu tại Điều 33 thì theo Điều 37, các bên này sẽ đưa vụ việc lên HĐBA. Nếu HĐBA nhận thấy việc kéo dài các vụ tranh chấp trên thực tế có thể đe dọa đến hoà bình và an ninh quốc tế, HĐBA sẽ quyết định có nên hành động theo Điều 36 hay không, hoặc kiến nghị các điều kiện giải quyết tranh chấp mà HĐBA cho là phù hợp (khoản 2 Điều 37).

Theo chương VII HCLHQ, khi HĐBA nhận thấy những vụ tranh chấp có thể đe dọa đến hòa bình và an ninh quốc tế, theo Điều 39 HĐBA sẽ kiến nghị, quyết định những biện pháp phù hợp với các Điều 41 và 42 để duy trì hoặc khôi phục hòa bình và an ninh quốc tế. Việc áp dụng các biện pháp tại Điều 41 và 42 là nhằm chống lại hành vi đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế chứ không phải hành vi giải quyết tranh chấp. Các bên tranh chấp vẫn có toàn quyền giải quyết các tranh chấp theo đúng quy định của Luật quốc tế.

Như vậy, thẩm quyền của HĐBA là độc lập, riêng biệt, không cần phải đợi đơn đệ trình của các thành viên. Tuy nhiên theo quy định của Hiến

chương, các quốc gia có thể lưu ý HĐBA về những tranh chấp mà mình là đương sự. Theo quy định tại Điều 34 của Hiến chương, một quốc gia không phải là thành viên LHQ cũng có quyền này miễn là quốc gia đó đã thừa nhận trước đó những nghĩa vụ giải quyết hoà bình các tranh chấp như Hiến chương quy định. Tuy nhiên điều khoản này không nhằm mục đích gây ra sự chậm trễ và sự phụ thuộc của HĐBA vào các kiến nghị hay lưu ý của các quốc gia có liên quan.

2.2.3. Giá trị pháp lý và thực tiễn của các văn bản của Hội đồng bảo an

Quyền quan trọng nhất của HĐBA là các quyền được quy định tại chương VII bao gồm cả quyền nêu khuyến nghị và quyền ra quyết định. Theo Điều 25 của Hiến chương, các quyết định của HĐBA, khi đã được thông qua đều có tính ràng buộc và tất cả các thành viên LHQ có trách nhiệm phải tôn trọng và thi hành. Đây rõ ràng là một ngoại lệ đối với nguyên tắc đồng thuận của luật quốc tế, mặc dù là quyền được ghi nhận trong một điều ước được tất cả các quốc gia thành viên chấp thuận. Hơn nữa, trong chừng mực nào đó, khoản 6 Điều 2 HCLHQ lại tạo ra nghĩa vụ với các nước thứ ba phải tôn trọng những quy định của Hiến chương và như vậy phải tôn trọng quyền lực của HĐBA.

Điều 25 Hiến chương LHQ quy định “Theo Hiến chương này, các thành viên LHQ đồng ý phục tùng và thực hiện các nghị quyết của HĐBA”.

Cơ chế hoạt động của HĐBA LHQ - cơ quan chấp hành có thực quyền nhất của LHQ và đảm nhiệm trách nhiệm hàng đầu của LHQ là duy trì hoà bình và an ninh quốc tế. Một đặc điểm nổi bật của LHQ là tổ chức này phản ánh sự dàn xếp và cân bằng quyền lực giữa các cường quốc thắng trận, chỉ các quyết định của HĐBA mới có tính cưỡng chế thực hiện. Các nghị quyết tại các cơ quan chính khác của LHQ như ĐHĐ, Hội đồng Kinh tế - Xã hội, Hội

đồng Quản thác, và cả TAQT chỉ có tính khuyến nghị, đạo lý và tạo sức ép dư luận. Để bảo đảm lợi ích và thu hút sự tham gia của cho các cường quốc, HĐBA là cơ quan duy nhất dành cho 5 cường quốc quyền phủ quyết (veto) khi thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng. Quyền hạn của HĐBA an tập trung vào hai lĩnh vực hoạt động chính là giải quyết hoà bình các tranh chấp quốc tế và tiến hành các biện pháp cưỡng chế.

2.3. Tòa án Công lý quốc tế

Tòa án công lý quốc tế là cơ quan tư pháp chính của LHQ, thành lập và hoạt động theo Quy chế Tòa án quốc tế đính kèm và được coi là bộ phận cấu thành của Hiến chương (Điều 92, HCLHQ). Theo khoản 3 Điều 36 HCLHQ thì những tranh chấp pháp lý cần được các bên đưa lên TAQT.

TAQT có hai dạng thẩm quyền: thẩm quyền giải quyết các tranh chấp quốc tế và thẩm quyền tư vấn.

2.3.1. Quyền giải quyết các tranh chấp quốc tế

Khoản 1 Điều 36 Quy chế TAQT quy định : Tòa có thẩm quyền xét xử tất cả vụ việc mà các bên đưa ra và tất cả các vấn đề được nêu riêng trong HCLHQ hoặc trong các hiệp ước, công ước quốc tế hiện hành.

Tòa giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa các chủ thể là các quốc gia, không phân biệt quốc gia đó có phải là thành viên LHQ hay không.

Trong mọi trường hợp xảy ra tranh chấp, thẩm quyền của tòa được xác định trên cơ sở ý chí của chủ thể đang tranh chấp (các bên tranh chấp). Nói cách khác, TAQT chỉ có thể xét xử các cuộc tranh chấp quốc tế khi có yêu cầu và được sự đồng ý của các nước liên quan. Các nước không bị bắt buộc phải đưa các tranh chấp của mình ra trước TAQT. Theo Điều 96 HCLHQ, các nước thành viên có thể có nhiều cách để giải quyết tranh chấp quốc tế mà mình có liên quan.

Khi thẩm quyền của Tòa được xác lập thì thẩm quyền này là độc lập, dựa trên ý chí tự nguyện từ các bên hữu quan, mà không bị bất cứ sức ép chính trị hay kinh tế nào.

Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của TAQT được thiết lập theo 03 phương thức:

2.3.1.1. Xác định thẩm quyền của Tòa theo từng vụ việc (Thoả thuận thỉnh cầu/Special agreement)

Cơ sở pháp lý điều chỉnh hình thức xác định thẩm quyền theo vụ việc này được quy định tại khoản 1, Điều 36 và đoạn 1, Điều 40 Quy chế TAQT và Điều 39 Nội quy hoạt động của Toà.

Trong mọi trường hợp các quốc gia tranh chấp sẽ ký một hiệp ước gọi là thoả thuận thỉnh cầu, đề nghị Toà xem xét phân giải tranh chấp giữa họ. Thoả thuận này phải mang tính hình thức, rõ ràng và thường được giải quyết qua con đường ngoại giao để việc kiện lên toà có giá trị về mặt pháp lý. Trong thoả thuận này các quốc gia nêu rõ đối tượng tranh chấp, các câu hỏi cần giải quyết, phạm vi thẩm quyền của Toà, phạm vi luật áp dụng (đoạn 1. Điều 40 Quy chế và Điều 39 Nội quy của Toà). Trong khu vực Đông Nam Á, đã hai lần các nước sử dụng phương thức xác định thẩm quyền của Toà này để giải quyết tranh chấp biển. Đó là vụ việc Chủ quyền tối cao trên các đảo Pulau Ligitan và Pulau Sipadan (Indonesia và Malaysia) và vụ Chủ quyền tối cao trên Pedra Branca/ Pulau Batu Puteh, các giải đá giữa và đá ngầm phía nam (Malaysia/ Singapore). Hồ sơ đệ trình lên TAQT cho loại thoả thuận này gồm có:

- Thoả thuận thỉnh cầu ký giữa Chính phủ hai nước.
- Biên bản trao đổi văn kiện phê chuẩn thoả thuận thỉnh cầu.
- Hai phụ lục về Văn kiện phê chuẩn của nước A và Văn kiện phê chuẩn của nước B do hai nước gửi thông báo chung tới Toà.

Trong thoả thuận thỉnh cầu các bên cũng có thể quy định thẩm quyền của Toà xét xử Forum prorogatum nghĩa là mở rộng thẩm quyền của Toà không chỉ xem xét các hành động đã xảy ra trước ngày ký thoả thuận thỉnh cầu mà cả các sự việc, đặc biệt là thái độ và cách cư xử của quốc gia bị đơn sau khi vụ tranh chấp được đưa ra trước Toà [9].

Hình thức thoả thuận thỉnh cầu này được áp dụng trong 11/35 vụ việc trong giai đoạn hoạt động của PCIJ và 16 vụ việc trong hoạt động của TAQT từ sau chiến tranh thế giới đến nay (TAQT Handbook 2004, tr.37). Từ sau năm 1960 đến nay, các nước thường dùng hình thức thoả thuận thỉnh cầu để đưa các vụ tranh chấp có liên quan đến phân định thềm lục địa và biên giới ra trước Toà (xem Bảng 2.5 các vụ việc xác định thẩm quyền TAQT bằng thoả thuận thỉnh cầu). Có đến 14 trường hợp các quốc gia đã đưa tranh chấp ra trước Toà và mời phía bên kia chấp nhận thẩm quyền của Toà nhưng đã không thành công (TAQT Handbook 2004, tr.40). Toà chỉ có thể hoạt động trên cơ sở thoả thuận của các quốc gia.

2.3.1.2. Chấp nhận trước thẩm quyền của Toà trong các điều ước quốc tế (Jurisdictional clause)

Thẩm quyền bắt buộc của Toà có thể được xác lập thông qua các điều khoản đặc biệt trong các điều ước quốc tế song phương và đa phương thừa nhận trước thẩm quyền của Toà.

Thông thường, trong các hiệp ước và công ước song phương hoặc đa phương thường trù định điều khoản đặc biệt, trong đó các bên thoả thuận trước rằng, khi có tranh chấp xảy ra trong giải thích và thực hiện một điều ước quốc tế, một bên có thể đưa tranh chấp ra trước Toà.

BẢNG 2.5**Những vụ việc được đưa ra trước toàn bằng thỏa thuận thỉnh cầu
(một thỏa hiệp tài phán)**

VỤ VIỆC	CÁC BÊN	NGÀY KÝ	NGÀY ĐỀ TRÌNH
Quy chế ty nạn	Colombia/Peru	31/8/1949	15/10/1949
Các đảo Minquiens và Ecrehos	Pháp/Anh	29/12/1950	6/10/1951
Biên giới trên bộ	Bỉ/Hà Lan	7/3/1957	27/10/1957
Thêm lục địa biển Bắc	Đức/Đan Mạch	2/2/1967	20/2/1967
Thêm lục địa biển Bắc	Đức/Hà Lan	2/2/1967	20/2/1967
Thêm lục địa (Tunisia/Libyan Arab Jamahiriya)	Tunisia/Libya Arab Jamahiriya	10/6/1977	1/12/1978 và 19/2/1979 ¹
Phân định danh giới biển trong khu vực vịnh Main	Canada/Mỹ	29/3/1979	25/10/1981
Thêm lục địa (Libyan Arab Jamahiriya/Malta)	Libyan Arab Jamahiriya/Malta	23/5/1976	26/7/1982
Tranh chấp biên giới	Burkina/Cộng hoà Mali	16/9/1983	14/10/1983
Tranh chấp biên giới đất liền, đảo và biển	El Salvador/Honduras	24/5/1986	11/12/1986
Tranh chấp lãnh thổ	Libyan Arab Jamahiriya/Chad	31/8/1989	31/8/1990 và 3/9/1990 ²
Dự án Gabcikovo-Nagymaros	Hungari/Slovakia	7/3/1993	2/7/1993
Đảo Kasikili/Sedudu	Botswana/Namibia	15/2/1996	29/5/1996
Chủ quyền trên đảo Pulau Ligitan và Pulau Sipadan	Indonesia/Malaysia	31/5/1997	2/10/1998

Tranh chấp biên giới	Benin/Niger	15/6/2001	3/5/2002
Chủ quyền trên đảo Pedra Branca/Pulau Batu Puteh, Middle Rocks và South Ledge	Malaysia /Singapore	6/2/2003	24/7/2003

1. Lần một liên quan đến đệ trình của Tunisia và lần hai được đệ trình bởi Libyan Arab.

2. Lần một liên quan đến đệ trình của Libyan Arab và lần hai do Chad đệ trình về việc thiết lập vụ kiện chống lại Libyan Arab. Hai bên sau đó đồng ý rằng việc xét xử được thiết lập hiệu quả bởi hai đệ trình thành công của thoả thuận thỉnh cầu.

(Nguồn TAQT Handbook 2004, pp.38-39)

2.3.1.3. Tuyên bố đơn phương chấp nhận trước thẩm quyền của Tòa theo khoản 2 Điều 36 Quy chế TAQT (Declarations/ optional clause)

Thẩm quyền của TAQT còn được xác định thông qua tuyên bố của các quốc gia chấp nhận thẩm quyền xét xử của Tòa (như là một nghĩa vụ bắt buộc) trong quan hệ với bất kỳ quốc gia nào khác cũng chấp nhận những nghĩa vụ tương tự, trong tất cả các tranh chấp liên quan đến những vấn đề được liệt kê tại khoản 2 Điều 36 Quy chế TAQT bao gồm:

- (i) Việc giải thích một hiệp ước.
- (ii) Bất kỳ câu hỏi nào về luật pháp quốc tế.
- (iii) Sự xuất hiện của bất kỳ nhân tố nào mà sự hình thành của nó sẽ dẫn đến một vi phạm nghĩa vụ quốc tế.
- (iv) Bản chất hoặc phạm vi bồi thường đối với việc vi phạm nghĩa vụ quốc tế.

BẢNG 2.6

**Danh sách 66 quốc gia chấp nhận thẩm quyền bắt buộc của TAQT
(có hoặc không có bảo lưu)**

ÊN NƯỚC	NGÀY HIỆU LỰC	TÊN NƯỚC	NGÀY HIỆU LỰC
Australia	22/3/2002	Lesotho	6/9/2000
Austria	19/5/1971	Liberia	20/3/1952
Barbados	1/8/2980	Lienchtenstein	29/3/1950
Belgium	17/6/1958	Madagasca	2/7/1992
Botswana	16/3/1970	Lucxembourg	15/9/1930
Bulgary	21/6/1992	Malawi	12/12/1966
Cambodia	19/9/1957	Malta	2/9/1983
Cameroon	3/3/1994	Mauritius	23/9/1968
Canada	10/3/1994	Mexico	28/10/1947
Costa Rica	20/2/1973	Nertherland	1/8/1956
Cote d'Ivoire	29/9/2001	New Zealand	23/9/1977
Cyprus	3/9/2002	Nicaragua	24/9/1929
Democratic Republic of the Congo	8/2/1989	Nigeria	30/4/1998
Denmark	10/12/1956	Norway	25/6/1996
Djibouti	2/9/2005	Pakistan	13/9/1960
Dominica, Commonwealth of	3/3/2006	Panama	25/10/1921
Dominica Republic	30/9/1924	Paraguay	25/9/1996
Egypt	22/7/1957	Peru	7/7/2003
Estonia	31/10/1991	Philippnies	18/1/1972
Finland	25/6/1958	Poland	25/3/1996
Gambia	22/6/1966	Portugar	25/2/2005

Goergia	20/6/1995	Senegal	2/12/1985
Germany	30/4/2008	Slovakia	28/5/2004
Greece	10/1/1994	Somalia	11/4/1963
Guinea, Repblic of	4/12/1998	Spain	20/10/1990
Giunea-Bissau	7/8/1989	Sudan	2/1/1958
Haiti	4/10/1921	Suriname	31/8/1987
Honduras	6/6/1986	Swaziland	26/5/1969
Hungary	22/10/1992	Sweden	6/4/1957
India	18/9/1974	Swtzerland	28/6/1948
Kenya	19/4/1965	Togo	25/10/1979
Uganda	3/10/1963	United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland	5/6/2004
Uruguay	28/1/1921		

(NGUỒN: TAQT HANDBOOK 2004/P.46 VÀ TRANG WEB TAQT-JCI. ORG
TAQT/JURISDICTION)

2.3.2. Quyền đưa ra kiến tư vấn của Tòa án quốc tế

Ngoài thẩm quyền xét xử, TAQT còn có thẩm quyền tư vấn theo yêu cầu của các cơ quan chính của LHQ và các tổ chức chuyên môn được ĐHD cho phép. Thẩm quyền này được quy định tại Điều 96 HCLHQ.

2.3.2.1. Chủ thể có thẩm quyền yêu cầu tư vấn

ĐHD hay HĐBA có thể yêu cầu TAQT cho ý kiến tư vấn về mọi vấn đề pháp lý.

Các cơ quan khác của LHQ và các tổ chức chuyên môn, mà lúc nào cũng được ĐHD cho phép, cũng có quyền hỏi ý kiến tư vấn của TAQT về những vấn đề pháp lý có thể đặt ra trong hoạt động của mình.

Theo khoản 1 Điều 65 quy định: Tòa án có thể có những kết luận tư vấn về một vấn đề pháp luật bất kì lúc nào theo yêu cầu của một cơ quan bất kì được chính Hiến chương LHQ hoặc theo đúng bản Quy chế này, cho toàn quyền được yêu cầu tư vấn. Hiện nay, có 22 cơ quan và tổ chức có quyền yêu cầu Tòa ý kiến tư vấn về một vấn đề pháp lý.

Mặc dù, chỉ mang tính chất tham khảo và không có tính ràng buộc, những ý kiến tư vấn của TAQT có uy tín cũng như giá trị pháp lý rất lớn. Chúng góp phần phát triển luật pháp quốc tế và thúc đẩy quan hệ hòa bình giữa các quốc gia.

2.3.2.2. Thủ tục xem xét đưa ra kết luận tư vấn

Do có những đặc trưng xuất phát từ bản chất đặc biệt và mục đích của thẩm quyền tư vấn, thủ tục tư vấn của Tòa dựa trên các điều khoản trong Quy chế và Điều lệ hoạt động có liên quan đến vụ kiện tranh chấp, tới phạm vi có thể được áp dụng.

Thủ tục tư vấn được bắt đầu bằng việc nộp một đơn viết trình bày chính xác yêu cầu tư vấn, kèm theo tất cả các tài liệu có thể dùng để làm sáng tỏ vấn đề. Sau khi thảo luận thích hợp, cơ quan hoặc tổ chức tìm kiếm ý kiến tư vấn sẽ được trao quyền đệ trình một vấn đề hoặc nhiều vấn đề trong một nghị quyết hoặc quyết định Trong vòng trung bình hai tuần (mặc dù trong vụ Thành phần của ủy ban an toàn hằng hải trong vụ IMCO là hai tháng và trong vụ liên quan tới Tính hợp pháp của việc một nước sử dụng vũ khí hạt nhân trong xung đột vũ trang thời gian là ba tháng) yêu cầu sẽ được thông báo tới Tòa án dưới hình thức một bức thư của Tổng thư ký LHQ hoặc từ Giám đốc hoặc Tổng thư ký của thực thể yêu cầu tư vấn gửi tới Chủ tịch của TAQT

hoặc, phù hợp với những điều khoản liên quan trong Quy chế tòa án sẽ được gửi tới Ban thư ký. Ngay sau đó, bức thư này sẽ được thông báo tới các nước có liên quan. Trong những vụ việc khẩn cấp tòa án có thể làm những gì được cho là cần thiết để đẩy nhanh tốc độ của quá trình.

Để kết luận tư vấn có đầy đủ các tri thức về thực tế vụ việc, tòa án được trao thẩm quyền tiến hành thủ tục tranh tụng nói và viết, như đối với thủ tục xét xử những vụ việc tranh chấp trước Tòa. Về lý thuyết, Tòa án có thể không tiến hành những thủ tục này nhưng Tòa chưa bao giờ xét xử với các thủ tục này một cách hoàn toàn. Một vài ngày sau khi được yêu cầu Tòa sẽ rút ra một danh sách các quốc gia và tổ chức quốc tế có khả năng cung cấp thông tin về những vấn đề có liên quan trước Tòa. Các nước được nêu ra không có vị trí tương tự như các bên trong quá trình tranh chấp, và bất kỳ sự tham gia nào của các nước trong quá trình tư vấn sẽ không bị ràng buộc bởi quan điểm của Tòa. Nhìn chung các quốc gia được liệt kê đều là thành viên của tổ chức yêu cầu ý kiến tham vấn. Đôi khi, bao gồm cả những quốc gia mà tòa mở rộng ra trong quá trình khởi tố vụ tranh chấp nếu xét thấy có liên quan. Một nước bất kỳ không được tòa tham khảo ý kiến có thể yêu cầu đưa vào danh sách. Tuy nhiên, điều này rất hiếm khi xảy ra vì TAQT cho phép các tổ chức quốc tế khác ngoài tổ chức đã yêu cầu ý kiến tư vấn tham gia vào quá trình tư vấn (ví dụ, vụ Các bảo lưu đối với Công ước về ngăn ngừa và trừng phạt về tội ác phân biệt chủng tộc (1950-1951)). Trong vụ Những hậu quả pháp lý với các quốc gia của việc Nam Phi tiếp tục hiện diện ở Namibia và Những hậu quả pháp lý của việc xây dựng một bức tường ở lãnh thổ bị chiếm đóng của Palestinian, Tòa án quyết định tán thành các yêu cầu được tham gia của các tổ chức liên chính phủ vì nhận thấy rằng chúng có thể cung cấp các thông tin có liên quan. Với các tổ chức phi chính phủ, chỉ có một tổ chức từng được TAQT trao quyền để cung cấp thông tin nhưng cuối cùng đã không

làm như vậy (vụ Quy chế quốc tế của Tây Nam Phi). Tòa án từ chối bắt kỳ yêu cầu nào bởi các bên tư nhân (vụ Quy chế quốc tế của Tây Nam Phi, Những hậu quả pháp lý với các quốc gia của việc Nam Phi tiếp tục hiện diện ở Namibia).

2.3.3. Kết quả thực tiễn hoạt động của TAQT

Từ ngày thành lập đến nay, TAQT đã xem xét, ra phán quyết hoặc có ý kiến kết luận tư vấn đối với hơn một trăm trường hợp. Tháng 7/1972, Tòa đã thông qua những sửa đổi về thủ tục theo hướng đơn giản hóa, nhanh chóng, linh hoạt và giảm bớt tốn kém cho các bên.

Các trường hợp đưa ra TAQT bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau. Có thể kể đến nhiều vụ việc liên quan đến vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, luật biển như: giữa Anh và Cộng hòa Liên bang Đức với Băng Đảo về vùng đặc quyền đánh cá trên biển năm 1972; giữa Cộng hòa Liên bang Đức với Đan Mạch và Hà Lan tại vùng biển Bắc; giữa Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ về các đảo trong vịnh Égée.

Đặc biệt, không thể không kể đến những đóng góp của TAQT trong lĩnh vực luật biển. Các bản án trọng tài và phán quyết của Pháp viện thường trực quốc tế cũng như TAQT về lĩnh vực luật biển chiếm một tỷ trọng đáng kể. Sẽ không đúng khi nói rằng các phán quyết của Tòa đã đưa đến kết quả làm thay đổi hẳn hệ thống các nguyên tắc của Luật Biển quốc tế nhưng không có gì quá đáng khi nhận xét luật biển hiện đại đã được hiểu thêm rất nhiều do luật xét xử mà Tòa mang lại. Có thể kể đến những đóng góp như về quy chế pháp lý của eo biển quốc tế, đường cơ sở thẳng, khái niệm thêm lục địa, vịnh lịch sử, trong việc xây dựng các quy định về các vùng đánh cá và vùng đặc quyền kinh tế, phân định biển...

Mặc dù, chỉ là một cơ quan tài phán đưa ra các phán quyết và kết luận tư vấn trong chừng mực cho phép, ngày nay không có một cơ quan tài phán

nào giải quyết các vấn đề của cộng đồng quốc tế trong một tổng thể và được các quốc gia sử dụng một cách chung nhất trong việc bảo vệ những giá trị của luật quốc tế như TAQT. Các phán quyết và kết luận tư vấn của Tòa đã đề cập mọi khía cạnh khác nhau của công pháp cũng như tư pháp quốc tế, liên quan tới tất cả các bên trên thế giới, tới việc kiểm tra các hệ thống pháp lý khác nhau, các thực tiễn quốc gia đa dạng cũng như hoạt động nội bộ của các tổ chức quốc tế. Tòa đã chứng tỏ vấn đề không phải ở chỗ các vụ tranh chấp đưa ra trước Tòa có tầm quan trọng đặc biệt hay không mà là thông qua việc giải quyết tranh chấp, Tòa cũng các cơ quan chính của LHQ thúc đẩy quá trình duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, và phát triển quan hệ hợp tác giữa các quốc gia.

Một thực tiễn đặt ra là, những vấn đề đưa ra trước Tòa thường là những vấn đề không lớn ví dụ các vụ tai nạn máy bay những năm 1950, vụ *Electronica Sicula (ELSI)* ...hay một số yêu cầu giải thích điều lệ của các tổ chức quốc tế hay HCLHQ. Tòa cũng giải quyết một số vụ việc về tranh chấp lãnh thổ như vụ Các đảo Minquier và Ecréhous, Tranh chấp biên giới Hà Lan và Bỉ, Đền Préah Vihear, Tranh chấp biên giới giữa Buocskino Phasô và Mali, Tranh chấp lãnh thổ Libi/Sát. Tuy nhiên, những vụ mà Tòa xét xử không phải là những vụ tranh chấp biên giới lãnh thổ lớn. Có nhiều vụ tranh chấp lớn đã không được giải quyết bằng con đường tài phán tại TAQT.

2.4. Tổng thư ký Liên hợp quốc

TTK LHQ là viên chức cao cấp nhất của LHQ, do ĐHĐ bổ nhiệm theo kiến nghị của HĐBA. TTK đứng đầu và điều hành hoạt động của Ban Thư kí LHQ, hoạt động trong tất cả các cuộc họp của ĐHĐ, Hội đồng Kinh tế và Xã hội, Hội đồng Thác quản và thực hiện mọi chức năng khác do các cơ quan này giao cho.

Theo Điều 99 của HCLHQ, TTK có thể đề xuất với HĐBA bất kì vấn đề nào mà theo ý kiến của ông có thể đe dọa đến hòa bình và an ninh quốc tế. Trong suốt hơn 40 năm chiến tranh lạnh, LHQ đã phải tìm kiếm con đường đi riêng của mình để thích ứng với tình hình khi HĐBA bị tê liệt do những bất đồng giữa các ủy viên thường trực. Trong suốt thời kỳ này, TTK LHQ là người thực hiện các hoạt động gìn giữ hòa bình không mang tính bạo lực nhân danh HĐBA.

Trong quá trình thành lập LHQ, người ta dự kiến rằng TTK sẽ chủ yếu thực hiện các chức năng hành chính. Tuy nhiên, một trong những hậu quả không lường trước được của chiến tranh lạnh là việc mở rộng đáng kể những quyền hạn của TTK. Công việc của HĐBA bị tê liệt, còn các cường quốc trở thành con tin của sự cần thiết phải ủng hộ và duy trì cân bằng lực lượng hạt nhân dựa trên sự đe dọa lẫn nhau. Trong điều kiện đó, TTK với tư cách là một quan chức cao cấp chỉ hành động vì lợi ích của LHQ đã nhiều lần cho thấy TTK có vai trò quan trọng sống còn đối với vận mệnh cộng đồng quốc tế, đặc biệt giữa phương Tây và phương Đông.

Trên thực tế, TTK LHQ có vai trò như một nhà hòa giải các tranh chấp quốc tế. Tổng thư kí sử dụng “good offices” (được hiểu là uy tín của mình và sức ảnh hưởng của cộng đồng quốc tế mà ông đại diện) để gặp gỡ công khai hoặc riêng các nhà lãnh đạo trên thế giới nhằm ngăn chặn các tranh chấp quốc tế leo thang và lan rộng. Ví dụ, năm 1998, Tổng thư kí Kofi Anan đã dàn xếp tranh chấp giữa Iraq và Mỹ về vấn đề thanh sát vũ khí tại Iraq. Các nhà lãnh đạo trên thế giới rất tôn trọng và tin tưởng TTK. Do đó, những nỗ lực nhằm hòa giải hoặc ngăn chặn tranh chấp quốc tế của TTK rất được các nhà lãnh đạo trên thế giới coi trọng. Nhờ có “good offices” mà rất nhiều TTK đã thành công trong vai trò là một “nhà hòa giải thế giới”.

2.5. Các quy định về thể đối trọng giữa các thể chế của LHQ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp

2.5.1. Mối quan hệ trong giải quyết tranh chấp giữa HĐBA, ĐHĐ và TAQT

Như vậy, mối liên hệ của TAQT với HĐBA và ĐHĐ thể hiện tập trung ở các điểm sau:

- Các thẩm phán của TAQT đều do HĐBA và ĐHĐ bầu ra.

- Với HĐBA: khoản 3 Điều 36 HCLHQ trù định: “HĐBA phải lưu ý đối với những tranh chấp có tính chất pháp lý, thông thường, các đương sự phải đưa các tranh chấp đó ra TAQT theo đúng các quy định của Quy chế Tòa án”. Theo nội dung điều khoản trên, HĐBA có thể vào bất kỳ thời điểm nào của tranh chấp, khuyến nghị các bên áp dụng những thủ tục và biện pháp thích hợp nhằm duy trì hòa bình và an ninh quốc tế và phải lưu ý các bên rằng tranh chấp đó nên được đưa ra trước Tòa. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là HĐBA bắt buộc các quốc gia phải đưa tranh chấp của mình ra cho Tòa xử lý mà không thể sử dụng các biện pháp khác. Tính tự do của các quốc gia trong việc lựa chọn thẩm quyền của Tòa không cần đến sự tham dự của các cơ quan khác của LHQ, không phụ thuộc vào áp lực nào kể cả của HĐBA.

Cả HĐBA và TAQT đều giải quyết tranh chấp quốc tế, trong đó HĐBA hoạt động có tính chất chính trị cao, TAQT là cơ quan tư pháp của LHQ giải quyết theo luật quốc tế. Theo đó, về bản chất hai cơ quan này hoàn toàn tách biệt nhau. Trong vụ Nicaragua, TAQT đã khẳng định quyền xét xử của mình tồn tại song song với HĐBA đối với cùng một vụ việc khi HĐBA chưa đưa ra được cách giải quyết hay từ chối xem xét. Trong trường hợp, vụ việc đã được HĐBA đưa ra cách giải quyết thì TAQT không có thẩm quyền để xem xét vụ việc hay bản thân tính hợp pháp của quyết định ấy. Ngoài ra, HĐBA còn có thể được sử dụng như một cơ quan cưỡng chế thi hành phán quyết của TAQT

bởi các bên trong tranh chấp. Tuy nhiên, tính độc lập trong quan hệ với các cơ quan khác của LHQ không có nghĩa phá vỡ sự thống nhất chung của tổ chức. Vì mọi tranh chấp quốc tế đồng thời là tranh chấp chính trị và pháp lý ở các mức độ khác nhau vì mọi tranh chấp quốc tế đồng thời là tranh chấp chính trị và pháp lý ở các mức độ khác nhau. “HĐBA có chức năng chính trị; Toà thực hiện các chức năng pháp lý đơn thuần”.

Do đó hai cơ quan phải thực hiện các chức năng riêng biệt của mình nhưng phải bổ sung cho nhau đối với cùng sự kiện.” [9]. Trong vụ Các vấn đề về giải thích và áp dụng Công ước Montreal năm 1971 từ tai nạn máy bay Lookerbie (Libi.v. Anh và Mỹ) năm 1972, trước nghị quyết của HĐBA yêu cầu LiBi phải dẫn độ hai công dân của mình bị buộc tội đặt bom gây tai nạn hàng không Lookerbie, TAQT bằng quyết định ngày 14/4/1992 đã chỉ rõ nghĩa vụ phải thực hiện các nghị quyết của HĐBA của LHQ cao hơn nghĩa vụ tôn trọng các thoả thuận chuyên môn, trong đó có Công ước Montreal.

Đây là vụ đầu tiên trong lịch sử hoạt động của mình, Toà phải xem xét đến giá trị các nghị quyết của HĐBA trong mối quan hệ với Toà - một quan hệ thống nhất trong một tổ chức chứ không phải quan hệ đối đầu trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế. [9]

- Mối quan hệ giữa ĐHĐ và TAQT chủ yếu thông qua việc sử dụng thẩm quyền tư vấn của TAQT. Trong những vấn đề pháp lý mà ĐHĐ thấy cần thiết có ý kiến chuyên môn thì có thể yêu cầu TAQT đưa ra ý kiến tư vấn, như một ý kiến hỗ trợ cho việc giải quyết tranh chấp.

2.5.2. Thế đối trọng giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Liên hợp quốc

Mặc dù không có những đặc thù hoàn toàn giống với ba nhánh quyền lực hành pháp, lập pháp và tư pháp như hình thức chính thể của các quốc gia nhưng ba cơ quan ĐHĐ, HĐBA, TAQT của LHQ, trong chừng mực nhất

định, cũng có những điểm tương đồng. ĐHĐ, TAQT được nhìn nhận như những cơ quan tiềm năng có thể hạn chế sự lạm quyền của HĐBA - cơ quan mạnh và có quyền lực nhất hiện nay.

ĐHĐ có thẩm quyền khá rộng, có thể thảo luận tất cả các vấn đề trong phạm vi Hiến chương cũng như thuộc thẩm quyền của bất kỳ cơ quan nào của LHQ (Điều 10). ĐHĐ cũng có thể khuyến nghị những biện pháp nào cần áp dụng trong những tình huống cụ thể, trừ trường hợp ảnh hưởng đến hòa bình và an ninh quốc tế mà HĐBA đang xem xét (Điều 12). Đặc biệt, ĐHĐ là cơ quan mà HĐBA phải báo cáo về những hoạt động của mình. ĐHĐ cũng là cơ quan có thẩm quyền trong việc kết nạp thành viên mới, bầu ủy viên vào các cơ quan chính của LHQ và bầu các thẩm phán của TAQT (Điều 18). ĐHĐ có vai trò quan trọng trong việc sửa đổi Hiến chương LHQ (Điều 108, 109). Ngoài ra, có những trường hợp ĐHĐ thực thi quyền lực trên thực tế rộng hơn quy định ở Hiến chương, nhất là trong trường hợp HĐBA tê liệt do một ủy viên thường trực dùng quyền phủ quyết. Có thể kể đến trường hợp ĐHĐ thông qua Nghị quyết “Thống nhất vì hòa bình” đối với bán đảo Triều Tiên năm 1950 [6].

Sự phát triển của HĐBA cho thấy cần thiết phải có một sự kiểm soát nhất định đối với cơ quan này. Trên phương diện pháp luật, không thể nói rằng HĐBA có quyền lực vô hạn. Quyền lực của HĐBA được ghi nhận trong Hiến chương và như vậy, là do các quốc gia trao cho. Nếu HĐBA vi phạm các quy định của Hiến chương, thì các quyết định của HĐBA sẽ mất đi căn cứ pháp lý. Tuy nhiên, cũng cần phải thừa nhận rằng hiện nay không có một cơ quan tài phán nào chịu trách nhiệm đánh giá xem hành động của HĐBA có phù hợp Hiến chương hay không.

Khả năng ảnh hưởng của TAQT đến hoạt động của HĐBA thường được nhắc đến dưới hình thức “rà soát về tính hợp pháp” của các Nghị quyết

của HĐBA đó cơ quan tài phán thực hiện. Tòa án quốc tế La Haye là cơ quan xét xử chính của LHQ cũng không có thẩm quyền này, như Tòa án đã khẳng định trong Ý kiến tư vấn về vấn Nami-bi-a năm 1971: “Rõ ràng Tòa án không có quyền tài phán, cũng không có quyền phúc thẩm đối với các quyết định do các cơ quan LHQ đưa ra”.

Nhưng cũng trong Ý kiến tư vấn này, Tòa án đã tiến hành kiểm tra các Nghị quyết của ĐHD và HĐBA, với lập luận rằng: “Tuy nhiên, để thực hiện chức năng xét xử của mình và vì các bên đưa ra phản bác, do vậy, Tòa án sẽ xem xét những phản bác này trong phần lập luận, trước khi xem xét tới những hệ quả pháp lý của các Nghị quyết này”.

Vấn đề kiểm tra căn cứ pháp lý của các Nghị quyết của HĐBA được đặt ra lần đầu tiên trong khuôn khổ một vụ tranh chấp, đó là Vụ Lockerbie, nhưng Tòa án vẫn chưa có phán quyết cuối cùng. Trong vụ này, Li-bi kiện Mỹ và Anh vi phạm Công ước Mông-rê-an năm 1971 về an ninh hàng không. Theo Công ước Mông-rê-an, các quốc gia có quyền lựa chọn giữa việc dẫn độ các tổ chức, cá nhân tình nghi liên quan tới các vụ khủng bố hoặc tự mình xét xử các nghi phạm này. Theo Li-bi, việc Anh và Mỹ gây áp lực buộc Li-bi phải dẫn độ hai công dân bị nghi ngờ là thủ phạm đặt bom gây ra vụ nổ máy bay của hãng PanAm ở Lockerbie (Xcôt-len) là trái với Công ước Mông-rê-an.

Sau khi vụ tranh chấp được đưa lên Tòa án La Haye, HĐBA đã thông qua hai Nghị quyết 748 (1992) và 883 (1993) áp đặt lệnh cấm vận kinh tế đối với Li-bi do nước này từ chối dẫn độ hai kẻ tình nghi. Theo lập luận của Anh và Mỹ, hai Nghị quyết này của HĐBA ràng buộc mọi quốc gia thành viên theo Điều 25 HCLHQ và có giá trị cao hơn các điều ước quốc tế khác theo Điều 103 Hiến chương. Li-bi phản đối giá trị pháp lý của hai nghị quyết này.

Trong giai đoạn đầu khi xem xét việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp, Tòa khẳng định trong Quyết định ngày 14/4/1992 rằng Nghị quyết 748 (1992) nhìn chung là có giá trị. Tuy nhiên, suy đoán này có thể bị lật lại khi xem xét bản thân vụ việc. Trong các phán quyết ngày 27 và 28/2/1998, Tòa án khẳng định Tòa có thẩm quyền giải quyết vụ việc, dù rằng các Nghị quyết 748 và 883 được HĐBA thông qua sau khi vụ việc được đưa lên Tòa án. Vấn đề liệu các Nghị quyết của HĐBA có phù hợp với Hiến chương LHQ và pháp luật quốc tế hay không đã không được xét đến, vì theo Tòa án, vấn đề này thuộc về phần nội dung vụ việc. Tuy vậy, phán quyết của Tòa cũng là một đòn đánh vào Anh và Mỹ, vì hai nước này cho rằng các Nghị quyết mà HĐBA thông qua sau khi một vụ việc được đưa ra Tòa án quốc tế sẽ có giá trị tối cao và khiến Tòa mất quyền thụ lý vụ việc. Mặt khác, khi xem xét nội dung vụ tranh chấp, không loại trừ khả năng Tòa án sẽ tiến hành đánh giá tính hợp pháp của các Nghị quyết của HĐBA.

Như vậy, với việc kiểm tra tính hợp pháp của các Nghị quyết của HĐBA, các TAQT đã khẳng định tính chất pháp lý trong vai trò của HĐBA. Giá trị của các hoạt động của HĐBA không bị suy giảm. Tuy nhiên, với việc kiểm tra mới chỉ được tiến hành khi giá trị pháp lý của các hoạt động của HĐBA bị tranh cãi, chứ không phải một cách thường xuyên và bắt buộc.

Các vấn đề về thẩm quyền của HĐBA trong thế đối trọng với ĐHĐ và TAQT đôi khi cũng xuất hiện trong một số trường hợp ĐHĐ hỏi ý kiến tư vấn của TAQT. Gần đây nhất có thể kể đến vụ ĐHĐ hỏi ý kiến tư vấn của TAQT về tính hợp pháp của tuyên bố độc lập đơn phương của Kosovo (2010), trong đó vấn đề hiệu lực của Nghị quyết số 1244 của HĐBA dù không được đề cập đến một cách trực tiếp cũng là một câu hỏi chưa có lời giải đáp. Và kết luận của Tòa có thể giải thích theo hướng không có lợi cho việc khẳng định hiệu lực tối cao của Nghị quyết của HĐBA trong trường hợp này.

Vụ Kosovo (2010) và vụ ý kiến tư vấn về Hậu quả pháp lý của việc xây dựng bức tường ở khu vực người Palestine (2004) đều đề cập đến việc ĐHĐ xin ý kiến tư vấn của TAQT đối với những vấn đề đang được HĐBA xem xét (theo nghĩa của khoản 1 Điều 12) liệu có phải là hợp pháp không hay đó là sự vi phạm quy định ở Điều 10 về những trường hợp ngoại lệ mà ĐHĐ không được đưa ra khuyến nghị. Câu trả lời ở hai vụ việc này đều có lợi cho việc nâng cao thẩm quyền của ĐHĐ và TAQT, vì khẳng định việc ĐHĐ xin ý kiến tư vấn của Tòa trong những trường hợp này không bị hạn chế bởi quy định tại Điều 10 và Điều 12.[6]

CHƯƠNG 3 - CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CHO VIỆT NAM TRONG VIỆC ÁP DỤNG CÁC THỂ CHẾ CỦA LIÊN HỢP QUỐC ĐỂ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ TRÊN BIỂN ĐÔNG

Tổ chức LHQ ra đời thực sự có ý nghĩa to lớn trong đời sống chính trị quốc tế trong gần 60 năm qua. Đây là sự kiện quan trọng đánh dấu sự xuất hiện của các hoạt động ngoại giao đa phương hiện đại, một bước ngoặt quyết định trong lịch sử phát triển của nền ngoại giao đa phương nói chung. Tuy nhiên, sự ra đời của LHQ và bản thân HCLHQ tất nhiên chưa đủ để bảo đảm sự bình đẳng hoàn toàn và triệt để giữa các quốc gia lớn nhỏ. Sự đóng góp của Liên Hợp Quốc đối với hoà bình an ninh quốc tế trong gần 60 năm qua là rất đáng kể. Thực tế cho thấy trong nhiều vấn đề, nhiều sự kiện, LHQ không thể hiện được vai trò của mình hoặc có thể nói LHQ chưa làm tròn sứ mệnh của mình. Các siêu cường vẫn có vai trò lớn và nhiều khi giữ vai trò quyết định trong quá trình ra quyết định của LHQ, đặc biệt là cơ cấu và cơ chế hoạt động của HĐBA, HCLHQ và các cơ quan chuyên môn của LHQ.

Chương 3 nhìn nhận lại những cơ hội và những thách thức có thể đặt ra khi Việt Nam áp dụng các thể chế của LHQ trong việc xem xét các khả năng xảy ra đối với tranh chấp trên Biển Đông. Ở đây, mục đích đặt ra không phải là sự nhất định phải tìm cho thấy cách thức giải quyết vấn đề tranh chấp bằng mọi giá mà tập trung đánh giá, nhìn nhận một cách khách quan, lý trí về những cơ hội, thách thức, thậm chí, là sự bất khả thi khi xem xét các tình huống cả về pháp lý lẫn chính trị trên thực tiễn đang đặt ra cho quá trình giải quyết vấn đề vốn vô cùng phức tạp, kéo dài.

3.1. Tình hình tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trên Biển Đông

3.1.1. Tài nguyên thiên nhiên và vị trí địa chính trị chiến lược của Biển Đông

Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm trong nhóm bốn đảo có đặc tính san hô, nằm rải rác trên Biển Đông. Chúng nằm rải rác trên một vùng

biển rộng lớn do lãnh thổ các nước xung quanh biển này bao bọc. Hai quần đảo này nằm ngoài thềm lục địa địa chất, ở trung tâm của vùng biển này, nơi độ sâu đạt tới hơn 1.000 m ở gần Hoàng Sa và khoảng 3.000 m ở Đông - Bắc Trường Sa [5].

Những hứa hẹn về dầu khí trên khu vực biển này đã làm trở lên tham vọng dữ dội của các nước trong tranh chấp. Một động cơ khác để tranh chấp là trữ lượng khai thác cá thương mại của vùng biển quần đảo Trường Sa. Vùng này cũng là một trong những vùng có mật độ hàng hải đông đúc nhất trên thế giới. Trong thập niên 1980, mỗi ngày có ít nhất 270 lượt tàu đi qua quần đảo Trường Sa, và hiện tại hơn một nửa số tàu chở dầu siêu cấp của thế giới chạy qua vùng biển này hàng năm. Lượng tàu chở dầu chạy qua Biển Đông lớn gấp ba lần lượng tàu chạy qua kênh Suez và gấp năm lần lượng tàu qua Kênh đào Panama; gần 20% lượng dầu thô trên thế giới được chuyên chở ngang qua Biển Đông.

Hơn nữa với các nước Đông Nam Á, nhất là Việt Nam thì hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là binh phong quân sự vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền của Việt Nam.

Như vậy, có thể thấy, bản chất các tranh chấp chủ quyền lãnh thổ là vị trí địa chính trị chiến lược của các quần đảo trong Biển Đông và nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.

3.1.2. Tình trạng tranh chấp trong Biển Đông

Hiện tại, trong khu vực Biển Đông đang tồn tại hai loại tranh chấp chủ yếu:

1. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
2. Tranh chấp ranh giới các vùng biển và thềm lục địa chồng lấn giữa các nước có hai bờ biển đối diện liền kề.

Hai loại tranh chấp này được hình thành vào các thời điểm khác nhau, có nội dung, mức độ khác nhau và diễn ra trên những phạm vi địa lý có liên quan đến các bên tranh chấp cũng rất khác nhau.

** Đối với quần đảo Hoàng Sa*

Năm 1956, nửa phía Đông của quần đảo Hoàng Sa bị Trung Quốc chiếm đóng, có thể nói là lén lút nhân lúc quân đội viễn chinh Pháp rút khỏi khu vực, Hải quân Nam Việt Nam lúc này còn giữ phần phía Tây. Năm 1970, vào lúc chiến tranh của Mỹ chống Việt Nam đến giai đoạn tột đỉnh, Hải quân của Quân Giải phóng Trung Hoa đã tiến hành một số hoạt động trên nhóm đảo An Vĩnh (Amphitrite), bộ phận phía Đông quần đảo Hoàng Sa, nhưng một cách ít kín đáo hơn so với các lần trước. Các cơ sở hạ tầng đã được xây cất vào năm 1971. Trên đảo Phú Lâm đã đào thêm một cảng mới. Đó là bước mở đầu cho sự bành trướng của Trung Quốc trong biển Đông. Vào tháng 1/1974, một hạm đội gồm 8 tàu chiến Trung Quốc mở cuộc tấn công chống các tàu Nam Việt Nam và sau một cuộc hải chiến ngắn và dữ dội, đã chiếm nhóm phía Tây quần đảo Hoàng Sa. Toàn bộ quần đảo lúc này rơi vào tay Trung Quốc.

Mặc dù Hoàng Sa đã bị Trung Quốc chiếm đóng hoàn toàn nhưng nhà nước Việt Nam vẫn tiếp tục tuyên bố chủ quyền với quần đảo này. Sau 1975, Hoàng Sa thuộc về Quảng Nam - Đà Nẵng và năm 1997, trở thành huyện đảo trực thuộc thành phố Đà Nẵng. Ngày 26/04/2009, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng công bố quyết định bổ nhiệm trực tiếp chủ tịch của 8 quận huyện, trong đó có huyện Hoàng Sa. Trụ sở ủy ban nhân dân sẽ tạm thời đặt tại Đà Nẵng.

Như vậy, tranh chấp Hoàng Sa là tranh chấp đơn phương giữa Việt Nam và Trung Quốc.

** Đối với quần đảo Trường Sa*

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, mọi tham vọng đồng loạt thức dậy. Trung Hoa dân quốc, Philippinise và gần đây hơn là Brunei và Malaysia bám lấy nước này một đảo san hô, nước kia một mỏm đá hay một bãi cát để khẳng định các quyền mà mỗi nước nói rộng ra là có giá trị đối với toàn bộ quần đảo.

Từ năm 1988, những cuộc tranh chấp giữa các nước nhỏ và trung bình ở Đông Nam Á, những nước không có những hạm đội quốc gia mạnh, đã hoàn toàn bị rối loạn vì Trung Quốc cụ thể hóa các tham vọng của họ cho đến lúc đó mới chỉ bằng lời. Chính phủ Bắc Kinh yêu sách một đường phân định ranh giới đến sát các vùng đất đối diện, biến biển được các nhà địa lý gọi là Nam Hải thành một vũng hồ quốc gia mặc dù đó là một vùng luân chuyển 70% thương mại hàng hải của Nhật Bản.

Việc chuyển sang hành động đã xảy ra vào tháng 3/1988. Trong một cuộc đụng độ hải quân ngắn và ác liệt giữa các tàu của Trung Quốc và các tàu của Việt Nam đang làm nhiệm vụ tiếp tế các đội quân đồn trú trên một số đảo, Việt Nam tổn thất hàng chục mạng người.

Năm 1992, Trung Quốc chiếm thêm một số đá phụ sau khi đã lợi dụng những cơ hội ngoại giao để khẳng định với các nước láng giềng rằng giải pháp tốt nhất là gác tranh chấp cùng khai thác, tức là đóng băng vấn đề chủ quyền. Những đảo nhỏ nói trên mà quảng đại quần chúng không biết đến chỉ sau vài năm đã trở thành một vùng bùng nổ tiềm ẩn, nơi dần dần tích tụ mọi thành phần cho một cuộc xung đột có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Như vậy, tranh chấp về quần đảo Trường Sa còn phức tạp hơn, không chỉ dính líu Trung Quốc, Việt Nam, mà cả các nước Đông Nam Á như Brunei, Malaysia và Philippines. Các bên đòi chủ quyền Trường Sa cũng vẫn tiến hành các hoạt động đơn phương, làm các bên khác phản đối.

Hiện nay, các quốc gia đơn phương tuyên bố chủ quyền với quần đảo này bằng việc lập các đơn vị hành chính của quần đảo như sau:

- Việt Nam: huyện Trường Sa, Khánh Hoà.
- Philippines: thuộc tỉnh Palawan.
- Đài Loan: thuộc thành phố Cao Hùng.
- Trung Quốc: thuộc tỉnh Hải Nam.
- Malaysia: thuộc tỉnh Sabah.

Ở đây, trước hết, cần có sự xác định và đóng khung lại vấn đề tranh chấp rõ ràng, đó là: tranh chấp biển Đông là vấn đề giữa quốc tế và Trung Quốc. Trong đó, Hoàng Sa là giữa Việt Nam và Trung Quốc; và Trường Sa là giữa Trung Quốc và năm nước trong khu vực (Việt Nam, Brunei, Malaysia, Philippines, và Đài Loan). Tại đây nổi lên nhân vật chính của cuộc tranh chấp là Trung Quốc với sức mạnh của một cường quốc trong khu vực và thế giới.

Quan điểm pháp lý cũng như các chứng cứ của các bên tranh chấp đưa ra để bảo vệ lập trường của mình cũng rất khác nhau và có thể tóm tắt như sau:

- Quyền thụ đắc lãnh thổ dựa trên nguyên tắc phát hiện đầu tiên (Trung Quốc).
- Quyền thụ đắc lãnh thổ dựa trên nguyên tắc chiếm hữu thật sự (Việt Nam).
- Quyền thụ đắc lãnh thổ dựa trên nguyên tắc kế cận lãnh thổ (Phi-lip-pin, Ma-lai-xi-a...).

**Tranh chấp ranh giới biển, thêm lục địa*

Đây là loại tranh chấp được hình thành trong xu hướng thay đổi có tính chất cách mạng về địa - chính trị, địa-kinh tế trên phạm vi thế giới với việc khoảng 36% diện tích biển và đại dương thế giới đã được đặt dưới chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của các quốc gia ven biển kể từ khi Công ước của LHQ về Luật biển đã được thông qua năm 1982. Kết quả là, trên thế giới còn khoảng 416 tranh chấp liên quan đến ranh giới biển cần phải được giải quyết, trong đó khu vực Đông Nam Châu Á còn khoảng 15 tranh chấp.

Việc đàm phán xác định ranh giới biển và thềm lục địa giữa Việt Nam và các nước xung quanh Biển Đông đã, đang và sẽ tiến hành giải quyết cho các khu vực sau đây:

a. Ranh giới vùng đặc quyền kinh tế (ĐQKT) và thềm lục địa (TLĐ) ở trong Vịnh Bắc Bộ và khu vực ngoài cửa vịnh Bắc Bộ có liên quan giữa Việt Nam và Trung Quốc, nơi mà bờ biển đối diện nhau và cách nhau dưới 400 hải lý.

b. Ranh giới vùng ĐQKT và TLĐ ở phía Nam Biển Đông có liên quan giữa Việt Nam, Phi-lip-pin, Ma-lai-xi-a, Bru-nây, In-đô-nê-xi-a.

c. Ranh giới các vùng biển, TLĐ có liên quan giữa Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, Cam-pu-chia.

d. Ranh giới biển của phạm vi biển thuộc quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa giữa các bên tranh chấp có liên quan.

Biển Đông, về bản chất, là một vấn đề không của riêng Việt Nam hay của riêng các nước trong vùng mà là một vấn đề quốc tế liên quan đến nhiều cường quốc trên thế giới.

3.1.1. Tình hình giải quyết tranh chấp

Cho đến thời điểm hiện nay, các bên liên quan đã giải quyết:

a. Ranh giới biển trong Vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc, ký ngày 25 tháng 12 năm 2000.

b. Ranh giới TLĐ giữa Việt Nam và In-đô-nê-xi-a tại vùng TLĐ phía Nam Biển Đông, ký ngày 23 tháng 6 năm 2003.

c. Ranh giới vùng ĐQKT và TLĐ trong Vịnh Thái Lan có liên quan giữa Việt Nam và Thái Lan, ký ngày 9 tháng 8 năm 1997.

d. Thỏa thuận về giải pháp tạm thời cùng khai thác vùng chồng lấn được ký kết giữa Việt Nam và Ma-lai-xi-a ngày 5 tháng 6 năm 1992.

e. Hiệp định về “ Vùng nước lịch sử” giữa Việt Nam và Cam-pu-chia, ký ngày 7 tháng 7 năm 1982.

Về quần đảo Hoàng Sa, Trung Quốc khẳng định rằng không có gì để đàm phán. Nước này nắm giữ quần đảo này bằng quân sự, giữ rất chắc và kèm theo sự việc này là một yêu sách mạnh về chủ quyền.

Về quần đảo Trường Sa, các cuộc gặp gỡ ngoại giao song phương hoặc đa phương xảy ra từ năm 1988 đã dẫn Trung Quốc tới việc phát triển ý tưởng gác tranh chấp chủ quyền và đàm phán một công thức chung khai thác tài nguyên của khu vực này giữa các quốc gia hữu quan. Các quốc gia khác không đồng ý do đó đi tới bế tắc.

Như vậy, xác định ranh giới các vùng biển và TLĐ chóng lẩn giữa các nước có liên quan còn lại là rất lớn và khó khăn, phức tạp. Tình trạng khó khăn, phức tạp đó có thể vì những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

i. Các nước ven Biển Đông đã đưa ra các yêu sách về các vùng biển và TLĐ trong Biển Đông rất khác nhau, hoặc là do hoàn toàn không tuân thủ các quy định có liên quan của Công ước LHQ về Luật Biển, hoặc là đã giải thích và vận dụng các tiêu chuẩn của Công ước LHQ về Luật Biển một cách chủ quan, không chuẩn xác, thậm chí hoàn toàn sai lệch, sao cho có lợi nhất khi tiến hành đàm phán với các bên hữu quan để phân định ranh giới biển và TLĐ.

ii. Giữa Biển Đông lại có hai quần đảo vừa đang ở trong tình trạng tranh chấp phức tạp về chủ quyền lãnh thổ, vừa tồn tại những quan niệm khác nhau về hiệu lực đối với việc xác định phạm vi các vùng biển và TLĐ của chúng.

Trung Quốc với quan điểm nhất quán là độc chiếm Biển Đông và lợi dụng ưu thế của một nước lớn, một thành viên thường trực của HĐBA, không muốn quốc tế hóa vấn đề Biển Đông. Thay vì đưa tranh chấp ra giải quyết tại

các thiết chế tài phán hay tổ chức quốc tế, Trung Quốc muốn giải quyết riêng rẽ với từng nước, bẻ dũa từng chiếc, lấy việc chiếm hữu thực sự và vũ lực làm sức mạnh lấn át đi những yếu thế về mặt pháp lý của mình.

Trung Quốc luôn luôn phản đối việc quốc tế hoá và chỉ chấp nhận đàm phán song phương cho các tranh chấp trên Biển Đông. Việc áp dụng đàm phán song phương cho các tranh chấp đa phương là một điều bất hợp lý, khó mang lại sự công bằng cho các bên. Năm 1988, Việt Nam dự định đưa vụ việc này ra trước HĐBA nhưng Trung Quốc, nước thành viên thường trực của HĐBA đã ngăn cản mọi sáng kiến của HĐBA trong lĩnh vực này [5]. Hơn nữa, thực tế tranh chấp đặt Việt Nam vào tình thế khó khăn để bảo vệ chủ quyền của mình. Trung Quốc đang không ngần ngại sử dụng mọi sức mạnh và nỗ lực chiếm hữu thực tế các quần đảo; đồng thời không thiên chí giải quyết vấn đề bằng con đường tài phán quốc tế và ngoại giao đa phương. Trong khi Việt Nam có thể sẵn sàng đưa vấn đề ra trước cơ quan tài phán thích hợp nhất để giải quyết loại tranh chấp này giữa các quốc gia, cụ thể là TAQT của LHQ. Trước đây Pháp đã hai lần vào năm 1937 và 1947 đề nghị Trung Quốc đưa vấn đề ra TAQT hoặc toà trọng tài nhưng nhà cầm quyền Trung Quốc đã làm ngơ trước đề nghị này [5]. Tình hình càng trở nên căng thẳng hơn khi các quốc gia trong tranh chấp thay nhau đơn phương tuyên bố chủ quyền của mình trên các đảo, vùng biển thuộc quần đảo, cũng như tiến hành các hoạt động trong các khu vực tranh chấp.

Thực tế hiện nay các nước ASEAN yêu sách chủ quyền cũng không có điểm chung. Cho đến nay, ASEAN vẫn chưa có cơ chế giải quyết xung đột. Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) có thể thực hiện nhiệm vụ đó trong tương lai. Nhưng hiện tại việc quản lý xung đột được thực hiện không phải bởi “phương cách ASEAN” nổi tiếng là bởi “phương cách Trung Quốc”. Trong

những năm nay việc quản lý xung đột hoàn toàn phụ thuộc vào nền ngoại giao Trung Quốc.

Có một thực tế cũng cần phải xem xét tới khi mong muốn tìm các giải pháp thông qua sự phân xử của TAQT và trọng tài xét xử hay của một bên thứ ba. Đó là việc các nước châu Á vốn không quen với việc chấp nhận sự giúp đỡ của bên thứ ba đối với việc giải quyết tranh chấp, nhưng đã có thay đổi trong những năm gần đây. So với Châu Âu, Đông Á kém xa về vấn đề quyền tài phán biển. Có tới 42 Hiệp định biên giới biển ở Châu Âu liên quan tới vấn đề phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, đa số các hiệp định này được ký kết từ những năm 70 và 80. Ngoài các giải pháp đạt được qua đàm phán, các nước này sử dụng TAQT và chấp nhận trọng tài quốc tế để giải quyết tranh chấp. Có thể kể đến những ví dụ về phán quyết của TAQT về vùng thềm lục địa Biển Bắc năm 1969, và quyết định của tòa trọng tài về phân định vùng thềm lục địa giữa Anh và Pháp năm 1977 và 1978. Về vấn đề qua lại hàng hải không có tranh chấp căng thẳng nào ở Châu Âu. Chính sự tin tưởng lẫn nhau và ý chí chính trị của các lãnh đạo có tầm quan trọng trong việc giải quyết an ninh tài phán biển. Ngoài ra, sự hình thành của Liên minh châu Âu (EU) ít nhiều đã làm nhạt đi các vấn đề biên giới [1].

Phán quyết của TAQT tháng 12/2012 về quyền sở hữu đảo Sipadan và Ligatan giữa Malaysia và Indonesia ở biển Celebes, và phán quyết của TAQT tháng 5/2008 về chủ quyền của Pedra Branca/đảo Batu Puteh, Middle Rocks và South Ledge, giữa Malaysia và Singapore là những phán quyết thể hiện thay đổi bước ngoặt trên ở châu Á.

3.1.2. Tăng cường chiếm đóng thực tế trên Biển Đông

Tất cả các bên đưa ra yêu sách liên quan trong tranh chấp, ngoại trừ Bru-nây, hiện đang tăng cường chiếm đóng hữu hiệu các khu vực mà các bên

coi là lãnh thổ của mình ở quần đảo Trường Sa. Trung Quốc, Malaixia, Philippines, Đài Loan và Việt Nam đã và đang tăng cường một cách nghiêm túc sự hiện diện vật chất tại Biển Đông kể từ khi thông qua Quy tắc ứng xử của các bên trên Biển Đông DOC 2002.

Những bằng chứng về hình ảnh cho thấy các bên đã tham gia vào nhiều dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm mục đích tăng cường sự hiện diện về mặt quân sự và dân sự tại các đảo, đảo nhỏ, bãi đá ngầm, bãi cát ngầm mà các bên chiếm đóng, với ý định chiến lược là chứng minh phương thức chiếm cứ thực tế của họ tại các khu vực này, từ đó củng cố yêu sách chủ quyền của các bên. Việc chứng minh quyền sở hữu tại các khu vực đó có tác động to lớn tới việc xác định đường cơ sở và tới việc quản lý cũng như khai thác đặc quyền các nguồn tài nguyên biển giàu có tại Biển Đông.

Ví dụ về việc giải quyết tranh chấp của Philippines tại Tòa trọng tài đặc biệt

Có ý kiến cho rằng, Philippines đã có một động thái ngậy thơ về mặt chiến lược khi quyết định tạm ngừng hoạt động sửa chữa và nâng cấp đường băng cũ trên đảo Thị Tứ, một trong những thực thể đất lớn nhất có thể được hưởng vùng đặc quyền kinh tế. Và rằng Manila đã biện minh cho hành động này bằng cách nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì “nền tảng đạo đức cao” trong bối cảnh nước này đang tiến hành vụ kiện tại Tòa trọng tài đặc biệt ở La-hay chống lại yêu sách bành trướng của Trung Quốc, cũng như những hành động ngày càng quyết đoán của Bắc Kinh trong vùng EEZ 200 hải lý của Philippines. Tóm lại, Philippines đã ưu tiên theo đuổi hành động pháp lý vốn không chắc chắn, thay vì đầu tư vào các cơ chế hữu hình, có thể thực sự bảo vệ được những thực thể nước này hiện đang kiểm soát.

Trung Quốc nhất quyết phủ nhận thẩm quyền xét xử của bất kỳ cơ quan quốc tế nào đối với vấn đề liên quan đến chủ quyền và phân định lãnh thổ.

Không ngạc nhiên khi Trung Quốc khẳng định bác bỏ toàn bộ quá trình phân xử trọng tài và cáo buộc Philippines đã khơi mào một cuộc khủng hoảng không cần thiết bằng việc quốc tế hóa những gì mà Trung Quốc coi là tranh chấp song phương, và các tranh chấp này cần được giải quyết chủ yếu thông qua con đường ngoại giao. Với việc Trung Quốc tẩy chay toàn bộ quá trình phân xử trọng tài, thậm chí từ chối làm rõ tọa độ chính xác của học thuyết đường chín đoạn đầy tai tiếng, việc Philippines liệu có trông đợi vào một phán quyết cuối cùng, nhanh chóng có lợi cho yêu sách ở Biển Đông vẫn là điều chưa rõ ràng. Ngay cả khi Philippines có được một kết quả pháp lý thuận lợi, Trung Quốc hoàn toàn có thể phớt lờ điều đó. Xét cho cùng, tòa trọng tài không phải để giải quyết triệt để các vấn đề liên quan đến chủ quyền, đồng thời cũng không có một cơ chế thực thi phù hợp để đảm bảo thực hiện đúng các phán quyết của Tòa, trong bối cảnh Trung Quốc quan tâm nhiều hơn đến việc kiểm soát thực tế, thay vì mặt pháp lý.

Đây là ví dụ cho việc chiếm hữu thực tế hiện nay đang được các bên ưu tiên hơn các phán quyết pháp lý. Tình huống của Philippines hoàn toàn là bài học kinh nghiệm tốt cho Việt Nam trong quá trình đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của mình trên Biển Đông. Chúng ta phải thực sự cân nhắc và kiên quyết trên các mặt trận đấu tranh khác nhau giữa một bối cảnh phức tạp như hiện nay.

3.2. Đại hội đồng

3.2.1. Đại hội đồng yêu cầu Toà án quốc tế tư vấn về vấn đề tranh chấp trên Biển Đông

Mối quan hệ đặc trưng và ý nghĩa nhất giữa TAQT và ĐHD là việc ĐHD có thẩm quyền yêu cầu TAQT tư vấn cho mình về các vấn đề pháp lý. Thực tiễn hoạt động cho thấy, ĐHD là cơ quan đã nhiều lần nhất yêu cầu các ý kiến tư vấn của TAQT. Điều này gợi mở cho Việt Nam cơ hội yêu cầu cơ

quan rộng lớn nhất này của LHQ một nghị quyết yêu cầu TAQT tư vấn cho vấn đề chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông. Mặc dù kết luận của TAQT không mang tính bắt buộc nhưng sẽ góp phần vào quá trình giải quyết tranh chấp giữa các bên, và có giá trị về tư vấn pháp lý. Một kết luận tư vấn của cơ quan tài phán uy tín và mở rộng như TAQT càng đặc biệt có ý nghĩa với Việt Nam trong tình hình hiện nay khi chúng ta đang nỗ lực tìm kiếm các luận cứ pháp lý cho việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền của mình. Và việc thảo luận chủ quyền trên Biển Đông tại ĐHĐ sẽ góp phần quốc tế hoá quá trình đấu tranh bảo vệ chủ quyền hai quần đảo này của Việt Nam.

TAQT không chỉ có chức năng một cơ quan tài phán mà còn có chức năng đưa ra các kết luận tư vấn tác động điều chỉnh thái độ của các bên yêu cầu nhằm giải quyết các vấn đề pháp lý giữa các quốc gia và các tổ chức quốc tế. Chức năng này là đặc thù của PCIJ và TAQT, tạo ra sự khác biệt giữa các cơ quan tài phán thường trực và các cơ quan trọng tài quốc tế. Chức năng này tồn tại song song và độc lập với chức năng giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia. Chức năng này của Tòa củng cố vai trò của LHQ như một tổ chức quốc tế.

BẢNG 3.1**Danh sách vụ việc ĐHĐ yêu cầu TAQT tư vấn**

VỤ VIỆC	NGHỊ QUYẾT YÊU CẦU TƯ VẤN CỦA ĐHĐ(1)	KẾT QUẢ BỎ PHIẾU NQ YÊU CẦU TƯ VẤN CỦA ĐHĐ(2)	NGÀY ĐỀ TRÌNH LÊN TAQT	NGUỒN: (1)NQ CỦA ĐHĐ/NIÊN KHOÁ (2)
Các điều liên kết nạp một quốc gia là thành viên của LHQ (Điều 4 Hiến chương) (1949-1950)	NQ 113(II) Phiên họp toàn thể 108, ngày 17/10/1947, yêu cầu giải thích điều 4 Hiến chương		12/12/1947	(1)A/RES/2 nd _1947
Bồi thường các thiệt hại gây ra do hoạt động của LHQ (1948-1949)	NQ 258(III) Phiên họp toàn thể 169, ngày 3/12/1948		7/12/1948	(1)A/RES/3 rd _1948
Giải thích các hiệp ước hoà bình ký giữa Bungary, Hungary và Rumania (1949-1950)	NQ 294(IV) Phiên họp toàn thể 235, ngày 22/10/1949		4/10/1949	(1)A/RES/4 th _1949
Thẩm quyền của ĐHĐ về việc kết nạp một quốc gia vào LHQ (1949-1950)	NQ 296(IV) Phiên họp toàn thể 252, ngày 22/10/1949		28/10/1949	(1)A/RES/4 th _1949
Quy chế quốc tế	NQ 338(IV)		27/12/1949	(1)A/RES/4 th _1949

của Tây Nam Phi (1949-1950)	Phiên họp toàn thể 269, ngày 6/12/1949			
Các bảo lưu đối với Công ước ngăn ngừa và trừng trị các tội ác phân biệt chủng tộc (1950-1951)	NQ 478(V) Phiên họp toàn thể 305, ngày 16/10/1950, về việc “Bảo lưu trong các công ước đa phương”		20/10/1950	(1)A/RES/5 th _1950
Hiệu lực các bản án của Toà Trọng tài hành chính của LHQ về Quyền miễn trừ (1953-1954)	NQ 785(VIII) Phiên họp 471, ngày 9/12/1953 về bổ sung thiết lập cho ngân sách năm 1953		22/12/1953	(1)A/RES/8 th _1953
Thủ tục bỏ phiếu có thể áp dụng cho các vấn đề liên quan đến các báo cáo và các phản nản về lãnh thổ Tây Nam Phi (1954-1955)	NQ 934(X) Phiên họp ngày 3/12/1953		6/12/1954	(1)A/RES/10 th _1955

VỤ VIỆC	NGHỊ QUYẾT YÊU CẦU TƯ VẤN CỦA ĐHĐ(1)	KẾT QUẢ BỎ PHIẾU NQ YÊU CẦU TƯ VẤN CỦA ĐHĐ(2), 2*	NGÀY ĐỀ TRÌNH LÊN TAQT	NGUỒN: (1)NQ CỦA ĐHĐ/NIÊN KHOÁ (2)KÝ HIỆU NQ
Khả năng chấp nhận công khai các phản nản	NQ 942(X) Phiên họp toàn thể		19/12/1955	(1)A/RES/10 th _1955

của Ủy ban Tây Nam Phi	550, ngày 3/12/1955			
Một số chi phí của LHQ (1961-1962)	Phiên họp 1086, ngày 20/12/1961 xem xét 83hong qua nghị quyết 1620(XV) ngày 21/4/1961		27/12/1961	(1)A/RES/16 th _1961
Sa mạc Tây Sahara (1974-1975)	NQ 3292(XXIX) Phiên họp toàn thể 2318, ngày 13/12/1974		21/12/1974	(1)A/RES/29 th _1974
Tính có thể áp dụng nghĩa vụ trọng tài căn cứ vào mục 21 của Thỏa thuận ngày 26/6/1947 về trụ sở của LHQ(1988)	NQ 42/229A và NQ42/229B, Phiên họp toàn thể 104, ngày 2/3/1988	143-1-0-15/159 và 143-0-0-16/159	7/3/1988	(1)A/RES/43 rd _1988 (2)A/RES/42/229A và A/RES/42/229B
Tính hợp pháp của việc đe dọa hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân(1994-1996)	NQ 50/70(K), tại phiên họp 90, ngày 15/12/1994	165-0-1-10/185	6/1/1995	(1)A/RES/50 th _1995 (2)A/RES/50/70(K)
Hậu quả pháp lý của việc xây dựng bức tường trên lãnh thổ Palestin bị chiếm đóng(2003-2004)	NQ A/RES/ES-10/14 (A/ES-10/L.16), Phiên họp thứ 23 ngày 8/12/2003	90-8-74-19/191	10/12/2003	(1)A/RES/58 th _2003 (2)A/ES-10/L.16
Quy định của luật quốc tế về Tuyên bố độc lập đơn phương của chính phủ tự trị lâm thời của Kosovo (2009-)	NQ A/RES/63/3, Phiên họp toàn thể 22, ngày 8/10/2008	77-6-74-35/192	10/10/2008	(1)A/RES/63 rd _2008 (2)A/RES/63/3

2*: - Các kết quả bỏ phiếu chỉ có cho các nghị quyết được ĐHĐ thông qua bắt đầu từ niên khoá 38(năm 1983).(xem Voting reports/ General Assembly/un. org)

- Kết quả bỏ phiếu lần lượt là : Phiếu thuận - phiếu chống - phiếu trắng – không tham gia/ Tổng số thành viên bỏ phiếu.

(NGUỒN: TỔNG HỢP TỪ CÁC YÊU CẦU TƯ VẤN GỬI TỚI TAQT VÀ NGHỊ QUYẾT YÊU CẦU TƯ VẤN CỦA ĐHĐ TRÊN TAQT-JCI. ORG VÀ UN. ORG)

Nhìn chung, quá trình bỏ phiếu và thông qua các nghị quyết của ĐHĐ đơn giản hơn so với HĐBA. Bắt nguồn từ nghị quyết “Uniting for peace” (Hợp nhất vì hoà bình) năm 1950, xu hướng nỗ lực đạt đồng thuận khi thông qua nghị quyết đã trở nên phổ biến trong quá trình hoạt động của cơ quan này.

Trên thực tế, những Nghị quyết và tuyên bố của ĐHĐ đã bao trùm rộng rãi nhiều lĩnh vực, từ các tranh chấp thuộc địa tới những cáo buộc về vi phạm nhân quyền và nhu cầu công lý trong các vấn đề kinh tế quốc tế. ĐHĐ cũng đã khẳng định quyền giải quyết các đe dọa tới hòa bình và an ninh quốc tế khi HĐBA không thể hoạt động do việc sử dụng quyền phủ quyết của thành viên thường trực.

3.2.2. Những thách thức với Việt Nam từ thực tiễn thực hiện chức năng đưa ra các kết luận tư vấn của TAQT

Thủ tục kết luận tư vấn là hình thức giúp đỡ giải quyết các tranh chấp giữa các quốc gia với các tổ chức quốc tế và giữa các tổ chức quốc tế với nhau. Theo Điều 96 HCLHQ và Điều 65 của Quy chế TAQT, ĐHĐ và HĐBA là hai cơ quan đầu tiên có thẩm quyền yêu cầu kết luận tư vấn. Bên cạnh đó là 16 tổ chức quốc tế chuyên môn cũng được quyền yêu cầu kết luận tư vấn về những vấn đề pháp lý có thể được đặt ra trong phạm vi hoạt động của mình. Tuy nhiên, cho đến nay mới chỉ có 3 tổ chức chuyên môn (Tổ chức văn hóa, khoa học và giáo dục của LHQ, Tổ chức Hàng hải quốc tế, Tổ chức Y tế thế giới) sử dụng thẩm quyền này trước TAQT. Vấn đề các tổ chức này yêu cầu thường liên quan đến việc giải thích các điều lệ của tổ chức, các quy chế hoặc các hiệp ước về trụ sở về quyền ưu đãi miễn trừ của tổ chức và nhân viên các tổ chức. TTK LHQ không có thẩm quyền yêu cầu kết luận tư vấn.

ĐHĐ là cơ quan yêu cầu 15 kết luận tư vấn của Tòa, HĐBA 01 kết luận (Vụ Các hậu quả pháp lý đối với các quốc gia của việc Nam Phi tiếp tục hiện diện tại Namibia năm 1971), Hội đồng kinh tế và xã hội 01 và 03 tổ chức

chuyên môn Tổ chức văn hóa, khoa học và giáo dục của LHQ, Tổ chức Hàng hải quốc tế, Tổ chức Y tế thế giới, mỗi tổ chức một lần. Trong ba kết luận tư vấn còn lại, Tòa đã tư vấn để giải quyết vấn đề sửa đổi các bản án của Tòa trọng tài hành chính của LHQ.[9].

Phần lớn các kết luận tư vấn thường tập trung vào các vấn đề về tổ chức, các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động của các tổ chức. Trong giai đoạn đầu tiên khi LHQ mới được thành lập, ĐHĐ tham vấn Tòa về nhiều vấn đề trong thực hiện chức năng và quyền hạn của tổ chức như điều kiện kết nạp một quốc gia thành viên LHQ, khả năng LHQ có thể kiện ra trước một cơ quan tài phán quốc tế đòi bồi thường những thiệt hại gây ra cho hoạt động của mình, thẩm quyền của ĐHĐ trong việc kết nạp thành viên mới, vấn đề chi phí và ngân sách của LHQ, trụ sở của tổ chức cũng như các quyền miễn trừ và ngoại giao đối với tổ chức và các nhân viên của tổ chức. ĐHĐ và HĐBA cũng có dịp tham vấn TAQT về quy chế lãnh thổ của Tây Nam Phi, lãnh thổ từng dưới quyền ủy trị của Hội Quốc liên.

Trong các vấn đề pháp lý chung, Tòa cũng đưa ra các kết luận tư vấn về giải thích các bảo lưu của Công ước chống tội ác diệt chủng, về vấn đề tính hợp pháp của các quốc gia sử dụng vũ khí nguyên tử trong các cuộc xung đột vũ trang, giải thích các công ước hòa bình. Các kết luận tư vấn của Tòa cũng đóng góp vào việc giải quyết xung đột giữa các quốc gia như kết luận về quy chế lãnh thổ của Tây Sahara và Tây Nam Phi (Namibia), tính hiệu lực của các Nghị quyết của HĐBA...

3.3. Hội đồng bảo an

HĐBA là một trong những cơ quan chính và quan trọng nhất của LHQ - tổ chức toàn cầu có ảnh hưởng lớn đến mọi mặt của đời sống quốc tế. Với trách nhiệm hàng đầu trong việc giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế, HĐBA là cơ quan duy nhất của LHQ có thể đưa ra những quyết định có tính ràng

buộc với tất cả các quốc gia. Khi xem xét các cơ chế giải quyết tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông không thể không nhắc tới HĐBA. Chúng ta cũng không thể bỏ qua sự kiện HĐBA rất thiếu tính khách quan cần thiết cho một cơ quan quyết định do quyền phủ quyết của các thành viên thường trực. Mục tiêu hướng đến của Việt Nam tại cơ quan này là đạt được một nghị quyết về:

- Yêu cầu TAQT đưa ra một kết luận tư vấn về vấn đề tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông; hoặc

- Thành lập một ủy ban về vấn đề giải quyết tranh chấp. Việt Nam và các nước ASEAN có thể yêu cầu LHQ thành lập một ủy ban ad hoc về tranh chấp Biển Đông. Trước tiên, Ủy ban này có thể giám sát tình hình, điều phối các nước liên quan để tiến hành đàm phán nhằm giải quyết tranh chấp một cách công bằng và báo cáo với LHQ một cách trung lập. Hoạt động của Ủy ban này có thể được triển khai dưới sự chấp nhận của các nước trong tranh chấp.

- Khuyến nghị các bên đưa vụ việc ra giải quyết trước TAQT.

Theo kết quả những nghiên cứu ở Chương 2 có thể khẳng định những nội dung sau:

- Những tranh luận về việc bỏ phiếu trắng theo đoạn cuối khoản 3, Điều 27 HCLHQ chủ yếu tập trung vào 4 nội dung như đã trình bày ở trên. Đây là những tranh luận nhằm mục đích xác định một tranh chấp, phạm vi áp dụng của nghị quyết về tranh chấp, các bên trong tranh chấp.

- Khi đã được xác định là một bên trong tranh chấp tranh chấp quốc tế theo chương VI và Điều 52 HCLHQ, các ủy viên HĐBA phải bỏ phiếu trắng về nghị quyết có liên quan. Trong tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông giữa các bên, đã hội đủ các yếu tố của một tranh chấp quốc tế. Do đó, Trung Quốc với tư cách ủy viên thường trực HĐBA sẽ không sử dụng được quyền phủ quyết và một nước bất kỳ trong tranh chấp, tại thời điểm HĐBA đang xem

xét tranh chấp, nếu đang giữ chức uỷ viên không thường trực HĐBA sẽ không được bỏ phiếu chống với các nghị quyết có liên quan.

- Việc tự nguyện bỏ phiếu trắng phù hợp với khoản 3 Điều 27 của các uỷ viên thường trực độc lập với việc là một bên của tranh chấp theo đoạn cuối khoản 3 Điều 27 HCLHQ. Khi đó, trong mỗi trường hợp phù hợp với thực tiễn hoạt động nhất quán của mình, Hội đồng sẽ xem xét thông qua nghị quyết về vấn đề mặc dù có sự bỏ phiếu trắng của các thành viên thường trực.

- Vấn đề mà Việt Nam phải đối mặt lúc này là thực tế sử dụng các cuộc tham vấn toàn thể và cơ chế giành đồng thuận một vấn đề trước khi được đưa ra bỏ phiếu ở HĐBA. Nhưng với diễn biến nhanh và phức tạp của tranh chấp như hiện nay và khi luật thực định đã dành sự bình đẳng cho các bên trong tranh chấp, sử dụng cơ chế của HĐBA vẫn cần được xem xét, nghiên cứu.

3.4. Hậu quả pháp lý của một thỏa hiệp tài phán giữa Việt Nam và một (các) quốc gia khác trong tranh chấp tại Tòa án Công lý quốc tế

Như vậy, việc đi tới các pháp đình quốc tế cần phải được tiến hành trên một cơ sở tự nguyện giữa các nước đã ký kết vào điều khoản bắt buộc chấp nhận thẩm quyền của TAQT. Đó là một phương cách chung để công nhận thẩm quyền của cơ quan pháp lý của LHQ. Cả Trung Quốc, Việt Nam, Malaixia đều không ký kết vào điều khoản đó. Năm 1972, Philippines đã thừa nhận thẩm quyền xét xử của TAQT nhưng với các bảo lưu loại trừ loại tranh chấp này. Như vậy, không có khả năng cho một trong số các quốc gia hữu quan kiện lên TAQT bằng một yêu cầu đơn phương và thụ hưởng thẩm quyền của Tòa trên cơ sở của cơ chế đó. Chủ quyền các quốc gia đã tạo trở ngại trên điểm này với mọi bước tiến có ý nghĩa của luật quốc tế và vai trò của nó trong việc củng cố hòa bình giữa các dân tộc. Việc để cho các quốc gia, với cơ tôn trọng nghiêm ngặt chủ quyền, có thể từ chối đưa tranh chấp của họ với một

quốc gia khác ra xét xử tại một cơ quan tài phán quốc tế đã làm giới hạn sức mạnh của luật quốc tế [5].

Nhưng vẫn có một giải pháp khác để đưa kiện vụ việc tranh chấp trên Biển Đông lên Tòa (hoặc bất cứ tòa án quốc tế nào khác mà quốc gia muốn yêu cầu), đó là một bản thỏa hiệp về tài phán. Theo đó, hai hoặc nhiều quốc gia quyết định, bằng một thỏa thuận giữa họ, đưa tranh chấp (mà họ sẽ thỏa thuận nội dung) ra trước cơ quan tài phán đó.

Trong tranh chấp trên Biển Đông, yêu sách “đường lưỡi bò” do Trung Quốc đòi hỏi không chỉ liên quan đến Hoàng Sa và Trường Sa. Nó vi phạm trầm trọng các quy định của Công ước LHQ về luật biển 1982 (UNCLOS) về phân chia các vùng biển cho các nước. UNCLOS đã quy định nhiều cơ chế để giải quyết tranh chấp liên quan đến việc thực thi Công ước như: thông qua hòa giải, thông qua Tòa án Quốc tế về Luật Biển (International Tribunal on the Law of the Sea), Trọng tài, Trọng tài đặc biệt (theo quy định cụ thể của UNCLOS, đặc biệt là phần XV, Phụ lục V, VI, VII, VIII). Vấn đề Biển Đông các bên liên quan cần xem xét việc chấp nhận tòa trọng tài xét xử theo quy định Phụ lục VII của UNCLOS nếu trong một thời gian dài điều kiện để có giải pháp thông qua thương lượng vẫn chưa chín muồi, và nếu các tranh chấp bị trì hoãn vô thời hạn. Trung Quốc ra một tuyên bố ngày 25/8/2006 không chấp nhận bất kỳ thủ tục tố tụng nào được quy định ở khoản 2 (các thủ tục bắt buộc kèm theo các quyết định có tính ràng buộc), Phần XV (giải quyết tranh chấp) trong Công ước luật biển. Tuyên bố nêu rõ, “Chính phủ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa không chấp nhận bất kỳ thủ tục tố tụng nào được quy định ở Khoản 2 Phần XV của Công ước này đối với các loại hình tranh chấp đề cập đến trong khoản 1(a)(b)(c) của Điều 298 trong Công ước này”. Tuyên bố trên chỉ ra rằng Trung Quốc sẽ giải quyết tranh chấp chủ yếu thông qua tham vấn và

thương lượng. Tuy nhiên, Tuyên bố trên không phủ nhận khả năng dùng trọng tài xét xử để giải quyết tranh chấp. Điều 287/3-287/5 (lựa chọn thủ tục tố tụng) của Công ước quy định Tòa trọng tài xét xử có thẩm quyền bắt buộc đối với các tranh chấp về giải thích và áp dụng Công ước của các bên ký kết. Trên thực tế, dù bên liên quan có thái độ thế nào đi nữa đối với Điều 287 ít nhất họ cũng phải chấp nhận thẩm quyền của Tòa trọng tài.

Vì vậy, song song với việc đưa tranh chấp ra Tòa án Công lý Quốc tế, Việt Nam cũng nên nghiên cứu và xem xét việc đưa tranh chấp phân định vùng biển ra các cơ quan này. Do có những đặc điểm về thủ tục đưa vụ việc ra xem xét dựa trên sự tự nguyện của các quốc gia, nên một thỏa hiệp tài phán có thể áp dụng khi sử dụng Tòa án Quốc tế về Luật Biển xem xét tranh chấp.

TAQT là cơ quan duy nhất của LHQ có thẩm quyền phán quyết về tranh chấp lãnh thổ. Điều kiện cần thiết để Tòa có thể giải quyết tranh chấp là tất cả các nước trong tranh chấp đồng ý đưa vụ việc ra Tòa giải quyết. Các nước liên quan đến tranh chấp Biển Đông chưa cùng đồng ý điều này.

Trung Quốc đã dùng vũ lực để chiếm và đang chiếm giữ toàn bộ Hoàng Sa, một phần Trường Sa và dùng sức mạnh cưỡng và nhu để củng cố cái gọi là chủ quyền của họ đối với khu vực tranh chấp này. Nếu để tình trạng này càng kéo dài thì càng bất lợi cho Việt Nam. Vì vậy, Việt Nam phải thúc đẩy nghiên cứu về việc đưa tranh chấp ra Tòa. Khi Việt Nam và một (các) quốc gia trong tranh chấp ký một thỏa hiệp tài phán sẽ nảy sinh các vấn đề về thẩm quyền can dự của bên thứ ba. Dưới đây là những lý thuyết và phân tích hai ví dụ thực tế về vấn đề này.

Quyền can dự của bên thứ ba

Trước một vụ tranh chấp được đưa ra trước Tòa , một quốc gia có thể can dự trong hai trường hợp quy định tại Điều 62 khoản 1:

1. Nếu một nước nào đó thấy rằng nghị quyết của vụ việc có thể động chạm đến lợi ích nào đó có tính chất pháp lý của nước đó thì nước đó có thể yêu cầu tòa án quyết định cho tham gia vào vụ việc.

2. Quyết định một yêu cầu như vậy là thuộc về tòa án.

Theo quy định của Điều 63 khoản 1:

“Trong trường hợp nảy ra vấn đề phải giải thích một điều ước mà trong đó, trừ các bên hữu quan của vụ việc, có các nước khác tham gia thì thư ký tòa án phải nhanh chóng báo cho các nước này”.

Khi nảy sinh vấn đề giải thích bản công ước mà trong đó, trừ các bên hữu quan của vụ việc còn có các bên khác tham gia. Trong trường hợp nảy sinh nhu cầu giả thích công ước, Thư ký Tòa thông báo cho tất cả các nước thành viên công ước. Mỗi nước này, sau khi nhận được thông báo, có quyền tham gia vụ việc, và nếu nước đó sử dụng quyền này thì việc giải thích được ghi trong phán quyết cũng nhất thiết như nhau (khoản1, Điều 63 Quy chế TAQT).

Như vậy, trong trường hợp tranh chấp chủ quyền giữa Việt Nam và các bên ở trên Biển Đông, với giả thuyết một bản thoả hiệp tài phán, yêu cầu can dự sẽ nảy sinh trên cơ sở Điều 62 Quy chế TAQT. Và việc xác định thẩm quyền can dự này hoàn toàn là do Tòa án.

Quyền và nghĩa vụ của các bên can dự

Sự can thiệp của quốc gia thứ ba không có nghĩa là một lần nữa sẽ kết nạp bên thứ ba thành một bên của vụ tranh chấp. Quốc gia can thiệp không có quyền đề cử một thẩm phán ad hoc. Tuy nhiên, với sự đồng ý của tất cả các bên, bên can thiệp có thể được coi như một bên trong vụ kiện. Những quyết định của tòa trong một hoặc nhiều phần có liên quan sẽ chỉ ràng buộc đối với quốc gia mà được cho phép can thiệp.

Ý nghĩa của việc can dự

Việc can dự vào giải quyết tranh chấp giữa hai nước của một bên thứ ba là nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của quốc gia can thiệp đó. Bên thứ ba có

thể cung cấp cho tòa những ý kiến cũng như những tài liệu mang tính khách quan để bảo đảm quyết định của tòa trong vụ tranh chấp không ảnh hưởng đến quyền lợi của mình.

Chương 3 đã cho thấy những cơ hội mong manh và những thách thức nặng nề mà Việt Nam gặp phải khi muốn áp dụng các thể chế của LHQ trong bối cảnh hiện nay để quốc tế hóa tranh chấp trên Biển Đông. Tất nhiên, đây hoàn toàn là những trù tính trên lý thuyết về các trường hợp, khả năng có thể xảy ra và chưa hề phân tích sâu sắc những khó khăn mà các bên sẽ phải giải quyết trong trường hợp có thể sử dụng các thể chế của LHQ. Các phương án đưa ra đều gián tiếp đạt được mục đích, những cơ hội và thách thức cũng vì thế mà nhiều hơn lên.

BẢNG 3.2

Các vụ việc tại TAQT xuất hiện nước thứ 3 có lợi ích mang tính pháp lý yêu cầu can dự (theo điều 62 quy chế TAQT)

VỤ VIỆC	CÁC BÊN ĐƯƠNG SỰ	NƯỚC YÊU CẦU CAN DỰ	QUYẾT ĐỊNH CỦA TOÀ
Các cuộc thử vũ khí hạt nhân (1974)	Australia/New Zealand v. Pháp	Phigi	Pháp đã đơn phương tuyên bố ngừng các cuộc thử vũ khí hạt nhân trước khi Toà xác định thẩm quyền của mình. Do đó, yêu cầu của Phigi trở nên không cần thiết.
Thêm lục địa (1978)	Tuynisia v. Libyan Arab Jamahiriya	Manta	Bác bỏ yêu cầu
Thêm lục địa (1982)	Libyan Arab jamahiriya v. Manta	Italia	Bác bỏ yêu cầu
Tranh chấp đất liền, đảo và biên giới giữa El Sanvado và Honduras (1992)	El Sanvado v. Honduras	Nicaragoa	Chấp nhận
Tranh chấp đất liền, đảo và biên giới giữa Camoroon và Nigeria (1994)	Camaroon v. Nigeria	Guinia xích đạo	Chấp nhận
Chủ quyền tối cao trên đảo Pulau Ligitan và Pulau Sipadan (1998)	Malaysia v. Indonesia	Philippines	Bác bỏ

(NGUỒN: WWW. TAQT –JCI. ORG/ CASES)

KẾT LUẬN

Qua những nghiên cứu và khảo sát thực tiễn, luận văn rút ra những kết luận sau đây:

Thứ nhất, các sáng kiến, phương án làm giảm căng thẳng các xung đột quốc tế trên Biển Đông đang được tiếp tục được đưa ra. Trong số các sáng kiến, có thể lấy ví dụ như việc phi quân sự hóa ở các đảo tranh chấp, tổ chức các cuộc họp thượng đỉnh đa phương của các nước liên quan, đưa vấn đề vào chương trình nghị sự của ĐHĐ LHQ, thiết lập cơ chế khai thác chung các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hay bổ nhiệm đại diện cấp cao các nước yêu sách hay một số nước không có yêu sách chủ quyền để chuẩn bị cho những cuộc đàm phán chính thức trong tương lai [1]. Cũng nhiều lần có đề nghị đàm phán thông qua bên trung gian thứ ba hay thậm chí đưa ra xét xử tại TAQT của LHQ. Tất cả các dự án có thể hợp lý đó có một điểm yếu: chúng đều đi ngược chính sách chính thức của Trung Quốc mà được thể hiện rõ trong cái gọi là “3 không”: không quốc tế hóa xung đột, không đàm phán đa phương, và không nhờ đến cơ quan đặc biệt nào để giải quyết vấn đề. Điều duy nhất chấp nhận được với Trung Quốc là duy trì các cuộc đàm phán song phương không chính thức với riêng từng bên yêu sách chủ quyền. Tất cả các bên đó yếu hơn Trung Quốc và có những mức độ khác nhau trong quan hệ song phương với Trung Quốc.

Thứ hai, các thể chế của LHQ bao gồm ĐHĐ, HĐBA, TAQT đều được HCLHQ quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Đối với vấn đề giải quyết tranh chấp chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông, khi các tranh chấp này có nguy cơ đe dọa hòa bình và an ninh thế giới thì việc áp dụng các thể chế này hoàn toàn có thể được các bên trong tranh chấp quan tâm. Tuy nhiên, để trở thành một vấn đề được đưa vào các Chương trình nghị sự đòi hỏi sự quyết tâm chính trị, chủ động đề xuất của các bên trong tranh chấp, nhất là khi

ở vị trí của ủy viên không thường trực của HĐBA. Hiện nay, phương án khả thi nhất là có thể sử dụng cơ chế của TAQT trong việc xem xét tranh chấp đối với các quốc gia có yêu sách chủ quyền và nhất trí đưa vấn đề này ra cơ quan tài phán quốc tế như Philippines, Malaysia. Việc xem xét vấn đề tranh chấp có thể phân chia theo quy mô từ vấn đề nhỏ, vùng biển cụ thể hay tranh chấp cụ thể thay vì đối với toàn bộ vấn đề chủ quyền trên Biển Đông.

Thứ ba, ngay cả khi các tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trên Biển Đông giữa các bên được đưa ra các thể chế quốc tế nói chung và các thể chế của LHQ nói riêng, khó khăn cho các nước có yêu sách nhưng yếu hơn về thế và lực là rất lớn và cần được đặc biệt lưu ý khi đối thủ lớn nhất trong tranh chấp là Trung Quốc. Tại các thể chế của LHQ, dù không sử dụng được quyền phủ quyết đối với tranh chấp mà mình là một bên có liên quan đi chăng nữa, thì thực tiễn của việc phủ quyết ngầm, tham vấn toàn thể, đe dọa dùng quyền phủ quyết trong thực tiễn hoạt động vẫn luôn tồn tại. Hay như việc đưa ra kết luận tư vấn của TAQT chủ yếu tập trung vào các vấn đề về tổ chức, hoạt động của các cơ quan LHQ hoặc các vấn đề nhỏ lẻ hơn là các tranh chấp quốc tế quy mô lớn như tranh chấp Biển Đông.

Với nội dung chính nêu trên, luận văn đã cố gắng thực hiện mục tiêu đề ra và đóng góp phần nhỏ bé nhất định vào việc nghiên cứu các thể chế của LHQ trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế có nguy cơ đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế và qua đó, rút ra bài học đối với Việt Nam trong việc tìm kiếm phương thức giải quyết hòa bình tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trên Biển Đông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt

1. Biển Đông - Hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực (2010), NXB Thế giới.
2. Bộ ngoại giao, Ban biên giới, *Giới thiệu một số vấn đề cơ bản của Luật biển ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia.
3. Brice M. Claget (1996), *Những yêu sách đối kháng của Việt Nam và Trung Quốc ở khu vực bãi ngầm Tư Chính và Thanh Long trong biển Đông*, NXB Chính trị quốc gia.
4. *Công ước 1982 của LHQ về Luật biển (2013)*, NXB Chính trị quốc gia.
5. Monique Chemiller – Gendreau (1997), *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Phạm Lan Dung (2014), *Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc: Địa vị pháp lý, thực tiễn hoạt động và vấn đề nâng cao vai trò*, Luận văn Tiến sỹ Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao.
7. Đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình Luật quốc tế*, NXB Công an nhân dân.
8. Học viện Quan hệ quốc tế (2007), *Luật Quốc tế*, sách lưu hành nội bộ.
9. Nguyễn Hồng Thao (2000), *Tòa án công lý quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Hồng Thao (1997), *Những điều cần biết về luật biển*, NXB Công an nhân dân.
11. Nguyễn Hồng Thao (2006), *Tòa án quốc tế về luật biển*, NXB Tư pháp.
12. Nguyễn Hồng Thao (2008), *Việt Nam và Hội đồng bảo an Liên hợp quốc*, NXB Chính trị quốc gia.

13. Trung tâm luật biển và hàng hải quốc tế, Khoa Luật, ĐH Quốc Gia Hà Nội (2006), *Chính sách, pháp luật biển của Việt Nam và chiến lược phát triển bền vững*, NXB Tư pháp, Hà Nội, PGS.TS Nguyễn Bá Điển chủ biên.

14. Võ Anh Tuấn (2004), *Hệ thống Liên hợp quốc*, NXB Chính trị quốc gia.

15. Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Viện Kinh tế và Chính trị thế giới (2007), *Vấn đề cải tổ Liên hợp quốc trong bối cảnh quốc tế mới hiện nay*, NXB Khoa học xã hội.

16. Hiến chương LHQ.

17. Thủ tục Hoạt động tạm thời của HĐBA.

18. Thủ tục hoạt động của ĐHĐ.

19. Quy chế Tòa án công lý quốc tế.

20. Nội quy Tòa án công lý quốc tế.

II. CÁC TRANG WEB

21. Liên hợp quốc : un.org

22. Tòa án công lý quốc tế : icj-cji.org

23. Hocvienngoaigiao.org.vn

24. Website của Bộ ngoại giao Việt Nam

25. Hoangsa.org

26. Nghiencuubiendong.com